

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 - 0510.3862946 - 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Chí Trung

*Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo
tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Văn An

*Phó giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Biên tập

Trần Văn An

Võ Hồng Việt

Trương Hoàng Vinh

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm,
tại Công ty cổ phần In – Phát
hành sách và Thiết bị trường học
Quảng Nam. 260 Hùng Vương -
TP. Tam Kỳ. ĐT: 05103.859367
Email: Chebaningnam@gmail.com
GPXB số: /GP-STTTT do Sở
Thông tin và Truyền thông Quảng
Nam cấp ngày /.... /2016. In
xong và nộp lưu chiểu
tháng.... /2016

Số 02 (34) - 2016

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Tổng quan về đình làng ở Hội An 2
- Kiến trúc về đình làng ấp ở Hội An 8
- Di sản Hán Nôm trong các đình làng ở Hội An 18
- Sơ đồ bố trí thờ tự tại một số đình làng/ấp ở Hội An 23
- Các vị thần biển được thờ/tôn sung tại các đình làng, lăng, miếu ở Hội An 29
- Đình Cẩm Phô 43
- Đình Sơn Phong 48
- Đình Đễ Vồng 53
- Đình tiền hiền Tân Hiệp 55
- Áo dài đen 58
- Quản lý, bảo tồn di tích, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An gắn với nhiệm vụ xây dựng Hội An – Thành phố văn hóa..... 60

✿ Thông tin tư liệu

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản



TỔNG QUAN VỀ ĐÌNH LÀNG Ở HỘI AN

Nguyễn Chí Trung

Trải bao thăng trầm, biến cố lịch sử để hình thành và phát triển, cộng đồng cư dân Hội An - Xứ Quảng được xem là một trong những địa phương mẫu hình về **hành xử** trên từng bước đường **hành tiến về phương Nam** của dân tộc Việt. Điều đó được khẳng định trên nhiều mặt của cơ tầng - cấu trúc kinh tế - văn hóa - xã hội ở nơi đây. Trong phạm vi của chuyên khảo này chúng tôi chỉ xin trình bày tổng quan về đình làng, một loại hình thiết chế văn hóa giữ vai trò chủ đạo trong tín ngưỡng cộng đồng của hầu hết các làng - xã, thôn - ấp ở Hội An.

Trước hết, nói về đình làng Việt Nam, cho đến nay vẫn còn nhiều giả thuyết khác nhau về thời điểm xuất hiện và nguồn gốc. Có ý kiến cho rằng, đình vốn là hành cung của vua, được xây dựng dành cho vua khi đi tuần thú, sau mới thành đình làng. Có ý kiến khác cho rằng, vào thời Lý ở Thăng Long, người ta xây dựng những phương đình (có quy mô nhỏ) để dán các thông báo của chính quyền, hoặc là nơi người ta tuyên cáo các văn kiện của nhà vua. Sau đó kiến trúc loại này tỏa về làng với chức năng như trụ sở hành chính của làng. Một vài ý kiến cho rằng đình làng có thể bắt nguồn từ các kiến trúc thờ thần đất và thần nước. Các cư dân Việt cổ trong tín ngưỡng bản địa, sùng bái thần đất và thần nước che chở nuôi sống họ... Dù quan điểm như thế nào thì đến nay các nhà nghiên cứu cũng đều cơ bản thống

nhất rằng, đình làng là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng tổng hợp, có ba chức năng. **Chức năng Tín ngưỡng:** với hệ thống đa nguyên, đó là hệ thống pha lẫn nhiều yếu tố tín ngưỡng sơ khai của cư dân nông nghiệp, tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ mẹ, các thần sức mạnh tự nhiên; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người anh hùng và có phần ảnh hưởng của đạo Phật, đạo Nho. **Chức năng hành chính:** mọi công việc về hành chính của làng đều được tiến hành ở đây, từ việc xét xử các vụ tranh chấp, phạt vạ, khao vọng, thu tô thuế đến việc bắt lính, việc sưu dịch... Chức năng này là biểu tượng của tính tự trị và sự cố kết cộng đồng của làng xã Việt Nam. **Chức năng văn hóa:** Đình làng là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng và đỉnh cao của các hoạt động văn hóa ở đình làng là ngày cúng tế, lễ hội, gây ấn tượng nhất trong năm đối với cả dân làng.

Ở Hội An, để hiểu rõ về ngôi đình làng chúng ta cũng cần phải đặt trên nền tảng về đặc điểm hình thành khối cộng đồng dân cư Hội An - Xứ Quảng trong lịch sử, cả về cơ tầng kinh tế - xã hội. Bởi đây chính là nền tảng, cơ sở tạo nên sự khác biệt trên cả 3 chức năng của đình làng ở Hội An so với ngôi đình làng ở vùng đồng Bắc bộ và cả Bắc Trung bộ của Việt Nam. Cho đến nay, bằng những nguồn sử liệu, tư liệu gia phả, bia ký, tư liệu khảo cổ học và qua thực địa đã khẳng định người Việt kế

tiếp người Chăm là một bộ phận cư dân cơ bản, chủ nhân chính của khối cộng đồng cư dân Hội An ngày nay. Về nguồn gốc của cư dân Hội An chủ yếu là dân cư Đại Việt, một số ít ở đồng bằng Bắc bộ, còn đại bộ phận ở Bắc Trung bộ, vùng Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh. Trong đó có một số đã di chuyển vào Thuận Hóa hoặc một số nơi khác ở Quảng Nam sau đó lại tiếp tục di chuyển đến Hội An.

Trong buổi sơ khai lúc ban đầu vào đây họ chủ yếu sinh sống bằng các nghề cổ truyền là nông nghiệp - làm ruộng lúa nước, trồng các loại cây rau màu, hoa quả... Một số cư dân đã dựa vào địa thế biển rộng, sông ngòi chằng chịt của vùng hạ lưu cửa sông, ven biển rộng lớn ở đây để khai thác đánh bắt hải sản (cá, tôm, mực)... và một số ngành nghề thủ công nghiệp như gốm, dệt, mộc... để phục vụ cho nhu cầu của buổi sơ khai ban đầu đó. Có kết hợp nông nghiệp,

ngư nghiệp và thủ công nghiệp từ đó tất nhiên có chợ, bến để trao đổi buôn bán giữa các làng với nhau và với thuyền buôn nước ngoài. Trên cơ sở có đứt gãy, gián đoạn mà cũng có tiếp nối kinh nghiệm sản xuất, truyền thống văn hóa Việt, tiếp thu kinh nghiệm sản xuất, văn hóa của người Chăm trong làm ăn sinh sống, kỹ thuật khai thác, kỹ thuật sản xuất và kinh tế buôn bán, cùng các hình thức sinh hoạt kinh tế, văn hóa tương ứng.

Rồi cùng với năm tháng, thời gian lịch sử, với bản tính cần cù thông minh sáng tạo của con người Đại Việt trên mảnh đất được thiên nhiên ưu đãi, nền kinh tế ở đây không ngừng phát triển theo hướng chuyên nghề, chuyên ngành, sớm tạo nên sự hình thành nhiều làng xã có điều kiện sinh hoạt kinh tế khác nhau về cơ bản như làng nông nghiệp, làng ngư nghiệp, làng buôn/thương nghiệp, làng nông nghiệp gắn với ngư nghiệp,



Đình Đê Vông

làng nông nghiệp gắn với tiểu thủ công nghiệp (như mộc, gốm, khai thác yến sào...)... Đó là yếu tố cơ bản, nguyên nhân sâu xa, đề cùnq với yếu tố vị trí địa, lịch sử thương mại quốc tế... tạo thành điều kiện đủ - yếu tố nội sinh đầy sức sống, hấp lực thu hút sự nhập cư của các thành phần cư dân khác (nhất là người Nhật, người Hoa) trên mảnh đất Hội An này, góp phần nhanh chóng đưa Hội An phát triển mạnh mẽ, trở thành một trung tâm thương nghiệp - ngoại thương nổi tiếng của Đàng Trong - Việt Nam. Đình làng ở Hội An được hình thành trong bối cảnh diễn tiến lịch sử, cơ tầng kinh tế - xã hội và văn hóa như vậy và qua nghiên cứu, khảo sát thực trạng những ngôi đình làng/ ấp ở Hội An hiện nay chúng tôi xin đưa ra những nhận xét như sau:

1/ Trước hết cần phải nói rằng để gọi là hoàn chỉnh, đầy đủ các thiết chế văn hóa trong các làng xã ở Hội An xưa, thì phải có 4 thiết chế văn hóa cơ bản (ngoại trừ các am, miếu, văn chỉ... tùy thuộc vào mỗi làng mà có hay không) đó là:

- **Đình:** Ngoài chức năng chung của một ngôi đình ở Việt Nam là điểm sinh hoạt cộng đồng, nơi giải quyết mọi việc trong làng - xã, nơi các bô lão, chức sắc và dân đình hội họp, bàn việc công, đình còn là một thiết chế văn hóa đóng vai trò quan trọng bậc nhất đối với tín ngưỡng dân gian trong cộng đồng cư dân làng xã ở Hội An. Các vị thần chủ được thờ tại đình là **Thổ thần** gồm đứng đầu có Bồn thổ Thành hoàng, Bồn thổ Thổ địa phước đức chánh thần, Cao các đại vương Tôn thần...; **Thủy thần** gồm đứng đầu có Đại càn quốc gia Nam hải Tứ vị thánh nương, Nam hải cự tộc Ngọc lân tôn thần... Ở Hội An chưa tìm

thấy Thành Hoàng là nhân thần/người cụ thể thờ trong đình như ở Bắc bộ, Bắc Trung bộ. Các vị Thổ thần, Thủy thần này đều được nhà nước/vua sắc phong cho thờ tự, xếp hạng từ hạ đẳng thần, trung đẳng, đến thượng đẳng thần. Đặc biệt dưới làng, các ấp cũng xây dựng ngôi đình riêng - gọi à đình ấp.

- **Nhà thờ Tiền hiền, hậu hiền hay Từ đường của làng:** Dân gian có nơi gọi là lăng Tiền hiền (như ở Cù Lao Chàm và các làng ven biển); đình Tiền hiền, miếu tiền hiền hay với tên chữ đầy đủ như: Hội An Tiên từ/tự (của làng Hội An), Cẩm Phô hương hiền (của làng Cẩm Phô), Minh hương Tụy tiên đường (của làng Minh Hương),... Thần vị được thờ ở đây là các vị thủy tổ, tiền hiền sáng lập ra làng xã, các vị hậu hiền kế tục khai phá mở mang đất đai. Tức là các vị thủy tổ của các tộc/họ trong làng xã, tùy theo thứ tự trước, sau đến lập cư ở làng và công trạng của từng vị mà được dân làng suy tôn là Tiền hiền hay hậu hiền của làng thì đều được thờ phụng tại ngôi từ đường/nhà thờ chung của làng xã này. Tín ngưỡng thờ phụng này tuy có từ sớm, nhưng triều đình ban sắc phong diễn ra vào đầu thế kỷ 20 (thời vua Duy Tân đến Khải Định) được xếp hạng vào bậc thần hạ đẳng.

- **Miếu thờ âm linh/âm hồn:** Theo tín ngưỡng dân gian, trên mảnh đất sinh sống của mỗi làng đều có vong linh phiêu dạt, những người không có con cháu thờ tự, các chiến sĩ tử trận, các nạn nhân bị ôn dịch, bệnh tật, chiến tranh, thiên tai... chết vất vương tha hương, những người xiêu mò lạc mả, không nơi nương tựa... gọi là cô hồn, nên phải lập thờ tự gọi là Miếu Âm hồn hay Âm linh.

- **Ngôi chùa làng:** Khác với các ngôi chùa mang tính chất tu hành theo

hệ thống giáo lý phật giáo thường tách ra khỏi làng xóm, xa dân cư, nơi yên tĩnh thì ngôi chùa làng lại gắn chặt với cộng đồng dân cư thành một phần hữu cơ, tổng thể của thiết chế văn hóa tín ngưỡng dân gian làng - xã. Và như vậy hầu như mỗi làng đều có một ngôi chùa, ở đây không có sự xuất gia mà chỉ có cư sĩ tại gia trông coi hương khói và nghi lễ cầu cúng. Sự phối tự thờ cúng ở đây cũng khá phong phú: Thờ Phật có Tam Thế phật, Quan Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Bồ Đề Đạt Ma,...; Thờ Ngọc Hoàng thượng đế hai bên có Nam Tào, Bắc Đẩu, Thập Điện Diêm Vương; Thờ thánh: Có Quan thánh Đế quân hai bên có Châu Thương và Quan Bình; Thờ Thánh Thiên Y - A - Na với hai vị công tử Hiên Tài và Hiên Quý. Bên ngoài có Kim Cang, Hộ pháp và Tiêu Diện đại sĩ... Vào những ngày lễ quan trọng tại đình, từ đường của làng thì đều phải có bái Phật, Thánh tại chùa làng và dân trong làng vào những ngày sóc, vọng cũng thường lui tới chùa để lễ bái.

Cả 4 thiết chế văn hóa này thể hiện rất rõ đặc tính nhân văn, tích hợp văn hóa của cộng đồng cư dân Hội An ứng xử với thiên nhiên (*trời - đất*), với con người, đối với tiền nhân, với cư dân bản địa ở đây trước khi người Việt vào, và cả đối với những người tha phương, đất khách quê người. Đồng thời ở đây cũng thể hiện rõ nét tính đa dạng, tích hợp của nhiều yếu tố tín ngưỡng liên quan đến cư dân nông nghiệp, ngư nghiệp (*sông, biển*), nghề thủ công... và cả sự giao thoa, tiếp biến văn hóa trên một Đô thị thương cảng quốc tế ở vùng cửa sông ven biển Faifo - Hội An, Xứ Quảng. Các yếu tố này đã góp phần tạo nên những nét riêng, đặc trưng văn hóa Hội An trên cả 2 phương diện văn hóa vật thể và phi

vật thể. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là cho đến nay, trải qua quá trình lịch sử do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hầu hết ở các làng đều có sự hợp nhất 3 thiết chế văn hóa: đình thờ thần, từ đường/nhà thờ tiền hiền, hậu hiền của làng, và miếu âm linh/âm hồn thành một thiết chế văn hóa gọi chung là Đình, thậm chí có trường hợp như ở làng Đẽ Vồng cả 4 thiết chế đều nhập chung vào một điểm nguyên là ngôi chùa làng, nay gọi chung là đình Đẽ Vồng. Hiện nay chỉ riêng làng Hội An còn giữ được 2 thiết chế riêng biệt đó là đình thờ Thần (*đình Ông Voi*) và nhà thờ Tiền hiền (*Hội An Tiên tư*). Hay ở ấp Nam Diêu (*Thanh Hà*) các thiết chế tập trung về một khu vực được gọi chung là Nam Diêu tổ miếu, ở đây gồm có miếu thờ thần (*Thái giám Bạch mã*), miếu tổ nghề, miếu âm linh, miếu Sơn Tinh.

2/ Về vị trí, không gian cảnh quan và mặt bằng tổng thể: Do vai trò đặc biệt quan trọng của đình đối với làng xã nói chung, nên việc xây dựng phải tuân theo thuyết phong thủy, phải xem hướng. Việc chọn đất dựng đình tất nhiên được cộng đồng dân làng xem xét rất kỹ lưỡng và tuân thủ theo những nguyên tắc về dịch lý, phong thủy. Theo quan niệm chung đất phải có rồng châu, hổ phục, có sông nước, núi đồi làm yếu tố "*minh đường, hậu tử*", "*sơn triều, thủy tụ*". Tuy nhiên trên thực tế vấn đề này ở mỗi ngôi đình làng còn phụ thuộc vào điều kiện vị trí và địa cuộc của mỗi làng. Nhìn chung vị trí xây dựng đình làng thường ở trung tâm, đầu mối giao thông của làng - xã. Đặc biệt, phải nhìn ra một dòng chảy (*sông, lạch...*), phía trước phải có một bức bình phong. Nhìn bên ngoài đình với quy mô, chiều cao vừa phải, mái đình không vươn lên quá

cao, cong vút như đình Bắc bộ, hay như các công trình kiến trúc tín ngưỡng khác của người Hoa. Thường xung quanh đình với không gian thoáng mở, không xây tường rào, trụ biểu, cổng tam quan (*trừ những công trình nằm trong khu vực dân cư - khu vực Khu phố cổ hiện nay*). Nhìn chung, tổng quan của ngôi đình vừa riêng biệt, uy nghiêm nhưng cũng vừa hòa quyện, gắn với không gian, cảnh quan của làng – xã. Trường hợp các ngôi đình: Đền Vồng, Kim Bồng, Sơn Phong, Sơn Phô, Thanh Hà, Tu Lễ, Xuân Lâm... hiện có cổng tam quan, tường rào là đều mới được bổ sung xây dựng vào lần trùng tu vào những năm gần đây. Bên cạnh, phía trước đình thường có một miếu nhỏ thờ thổ thần. Bình phong nằm ở chính giữa (*trục thần đạo*) chiếu vào gian giữa đình. Các bình phong đa phần có kiểu dáng khá giống nhau ở một mô típ dạng cuốn thư, sự khác nhau chủ yếu về kích thước, những chi tiết kỹ thuật nhỏ hoặc đề tài đắp vẽ trang trí. Cơ bản bình phong là một bức tường hình chữ nhật, thường cắt góc, tạo nếp gấp cuốn thư và được áp liền với hai trụ bên như hai ống quyển. Trụ có thể vuông hoặc tròn, đỉnh trụ đắp búp sen hoặc núp tròn... Phía sau bình phong, trước đình thường có bàn hương án để cúng đất đai, cúng cô hồn.

3/ Quy mô, kiểu thức kiến trúc đình tùy vào điều kiện của mỗi làng - xã mà phổ biến với 3 gian 2 chái hoặc 5 gian 2 chái hay 1 gian 2 chái. Sau gian/căn giữa có một nhà nhỏ, mái cao hẳn lên gọi là chánh/chính tẩm hay hậu tẩm là nơi uy nghiêm nhất. Có kết hợp với nhà Đông - nhà Tây hay tả vu - hữu vu. Riêng đình Cẩm Phô, phía trước chánh điện có thêm công trình “*phương đình*”, gồm 4 mái, có cổ diêm. Kết cấu

khung chịu lực theo lối “*nhà rường*” tiêu biểu như đình Xuân Mỹ, Đền Vồng... Vì/vài kèo phổ biến với hình thức “*cột trốn/cột trụ đội - kẻ chuyền*”, “*thượng kèo - hạ kẻ*”. Mặt tiền luôn có 3 bộ cửa thượng song - hạ bản đặt theo 3 gian. Riêng đình thờ thần của làng Hội An (*đình Ông Voi*), Tụy Tiên Đường Minh Hương của làng Minh Hương có quy mô lớn gồm chánh điện - tiền đình, cách nhau một khoảng sân, 2 bên có nhà Đông - nhà Tây (*tả vu - hữu vu*) và hệ vì/vài kèo chủ yếu là “*vài chồng*” hoặc “*trính chồng - trụ đội*”. Trang trí trên chất liệu gỗ thuộc về không gian bên trong đình chủ yếu tập trung trên các cấu kiện chịu lực của bộ khung như trính, kèo, trụ đội, với kỹ thuật chủ yếu là chạm nổi và chạm nét. Khác với các ngôi đình ở Bắc bộ tập trung trang trí phần cấu kiện gỗ bên trong thì đình làng ở Hội An lại tập trung cho phần mái. Trên các mái đình, phân nê với những con giống gồm tứ linh (*long, lân, quy, phụng*) hoặc đao lá... có các đề tài “*lưỡng long tranh châu*”, “*lưỡng long chầu nguyệt*”... Phần đầu hồi, bờ chảy được tô, đắp, vẽ khá uyển chuyển, mềm mại rất sinh động, cùng các đầu dòng ngói ở diềm mái gắn đĩa hoa văn màu lam càng làm tăng thêm vẻ đẹp uy nghiêm, bề thế của các ngôi đình làng. Tuy làng xã ở Hội An có lịch sử lâu dài, nhưng nhìn chung niên đại kiến trúc các công trình đình làng - xã ở Hội An đều được xây dựng, hoàn chỉnh vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

4/ Việc bố trí thờ tự hiện nay của các ngôi đình ở Hội An đã có phối thờ của sự hợp nhất 3 thiết chế (*đình thờ thần, nhà thờ Tiên hiền và miếu âm linh*). Ở chính giữa (*hậu tẩm*) thờ Thần/Thành hoàng, hai bên sẽ là các vị

tiền hiền hậu hiền, ngoài cùng là âm linh, chiến sĩ trận vong¹...

Có thể thấy, cùng với bước chân khải hoang của người Việt, nhiều làng xã ra đời, kéo theo các thiết chế văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Ngôi đình làng hình thành, phát triển ở Hội An đã trở thành một biểu trưng văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng dân cư nơi đây và là ngôi nhà chung của cộng đồng cư dân làng xã. Hàng năm cứ vào dịp vào mùa xuân và mùa thu, dân gian gọi là “Xuân, thu nhị kỳ” cả dân làng lại nô nức về ngôi đình của làng mình cùng nhau tổ chức nghi lễ cúng tế. Mùa xuân thì cúng đất, cầu an, cầu một năm làm ăn thu được nhiều lợi, mưa thuận gió hòa... Mùa thu thì tạ ơn các chư thần, tỏ nghệ, các bậc tiền hiền, hậu hiền đã phù hộ cho dân làng một năm làm ăn thuận lợi, cầu cho cả dân làng bước vào mùa mưa tránh được thủy tai, gió bão... Đây cũng là dịp cả dân làng cùng chung niềm tin hướng về thần linh và cùng vui, thỏa thích với các hoạt động hội hè sau lễ, tăng thêm tình đoàn kết, thương yêu nhau, giúp nhau của những người trong cùng một làng. Đình làng hẳn là một di sản văn hóa tiêu biểu, một loại hình thiết chế văn hóa giữ vai trò chủ đạo trong tín ngưỡng cộng đồng của hầu hết các làng - xã, thôn - ấp ở Hội An cần được trân trọng giữ gìn và phát huy♦

Bảng thống kê một số đình làng/ấp ở Hội An

TT	Tên đình	Địa chỉ	Cấp xếp hạng
I Đình làng			
1	Đình Cẩm	Hoài Phô –	

¹ Xem bài: Sơ đồ vị trí thờ tự tại một số ngôi đình làng/ấp ở Hội An hiện nay của tác giả Phạm Phước Tịnh, trang 23 của tập Thông tin nghiên cứu này.

	Phô	Cẩm Phô	
2	Đình Sơn Phong	Phong Niên – Sơn Phong	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1991
3	Đình Đễ Võng	Sơn Phô I - Cẩm Châu	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1991
4	Đình Minh Hương (Tuyệt tiên đường Minh Hương)	An Định – Minh An	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1993
5	Đình Xuân Mỹ	Nam Diêu – Thanh Hà	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1993
6	Đình tiền hiền Tân Hiệp	Bãi Làng - Tân Hiệp	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 2006
7	Đình Thanh Hà	Hậu Xá – Thanh Hà	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
8	Đình Sơn Phô	Sơn Phô II – Cẩm Châu	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
9	Đình tiền hiền Kim Bồng	Trung Châu - Cẩm Kim	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
10	Đình An Mỹ	An Mỹ - Cẩm Châu	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2011
11	Đình ông Voi	An Thái – Minh An	
12	Hội An tiên tự	An Thái – Minh An	
13	Đình Thanh Tây	Thanh Tây - Cẩm Châu	
II	Đình ấp		
14	Đình ấp Tu Lễ	Hoài Phô - Cẩm Phô	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
15	Đình ấp Xuân Lâm	Xuân Lâm - Cẩm Phô	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
16	Đình Xuyên Châu Trung	Xuyên Trung – Cẩm Nam	
17	Đình ấp An Bang	An Bang – Thanh Hà	
18	Đình ấp cây Giá	Thanh Đông - Cẩm Thanh	
19	Đình ấp Trường Lệ	Trường Lệ - Cẩm Châu	
20	Đình ấp Xuân Mỹ	Xuân Mỹ - Tân An	

KIẾN TRÚC ĐÌNH LÀNG/ẤP Ở HỘI AN

Trần Thanh Hoàng Phúc

Đình thuộc loại công trình kiến trúc phục vụ tín ngưỡng, là nơi thờ Thành hoàng, các vị Thần bảo hộ dân làng theo quan niệm của người Việt xưa. Ngoài ra, đình còn là nơi diễn ra nhiều hoạt động của cộng đồng làng xã (*lễ hội, văn hóa, văn nghệ*), là nơi hội họp của người dân... dưới thời phong kiến, do đó, đình cũng thuộc loại công trình kiến trúc công cộng.

Ông bà ta có câu: “Trông làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ”, vì vậy, ta thường thấy mỗi làng có một ngôi đình riêng, thờ một vị Thành hoàng. Đặc biệt, ở Hội An, ngoài thờ Thần bảo hộ, Thành hoàng, trong đình còn thờ các bậc “tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ”, phối thờ thêm nhiều vị thần khác, cả Nữ thần liên quan đến người Chăm bản địa trước đây như Thiên Y A Na; thờ âm linh. Và một điều đặc biệt nữa, ngoài ngôi đình chung của làng còn có thêm đình ấp. *Dù lịch sử hình thành làng xã ở Hội An lâu đời nhưng kiến trúc đình làng được xây dựng và hoàn chỉnh vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX⁽¹⁾.*

Nhìn chung, kiến trúc các ngôi đình ở Hội An có nhiều nét tương đồng. Xét trên mặt bằng tổng thể, thông thường, phía trước là cổng vào, kế đến là khoảng sân rộng, (*có thể có*) trồng cây đa (*sộp*) ở một góc; bình phong ở

khoảng giữa, phía trước sân; chính đình (*nếp nhà chính của một ngôi đình*) nằm ở trục giữa khu đất, lùi về phía sau. Mặt tiền chính đình thường quay ra phía sông, do đó, nhiều đình có hướng chính Nam hoặc hơi chệch về phía Nam. Về quy mô kiến trúc, tùy vào điều kiện cụ thể của mỗi làng/ấp mà ngôi đình được xây dựng với quy mô khác nhau. Kiểu dáng mặt bằng đình khá phong phú, đa dạng. Mặt bằng chính đình chỉ gồm một nếp nhà kiểu chữ Nhất (一) như đình ấp Tu Lễ, đình Tiền hiền Tân Hiệp, đình Xuyên Châu Trung... Chính đình xây dựng theo lối “tiền đình, hậu tẩm”, mặt bằng dạng chữ Đinh (丁), loại này nhiều nhất, phổ biến nhất, như đình Sơn Phô, đình An Mỹ, đình Tiền hiền Kim Bồng... Không gian sinh hoạt của đình còn được mở rộng bằng cách xây thêm nhà Đông, nhà Tây, tạo mặt bằng kiểu chữ Môn (門) như đình Đẻ Vỡng, đình Cẩm Phô (*ở một số đình, do khuôn viên chật hẹp nên chỉ xây thêm nhà Đông như đình Sơn Phong, chỉ xây thêm nhà Tây như đình Xuân Mỹ*). Một dạng mặt bằng hiếm gặp ở đình là mặt bằng kiểu chữ Khẩu (口), ngoài chính đình, nhà Đông, nhà Tây, phía trước còn xây thêm tiền sảnh tạo thành hình vuông khép kín, ta bắt gặp mặt bằng dạng này tại đình Ông Voi, Tụy Tiên đường Minh Hương.

Về hình thức kiến trúc của riêng hạng mục chính đình: tiền đình thường được xây dựng theo lối nhà 3 gian hoặc 3 gian 2 chái (*qua khảo sát, 2 loại này*

¹ UBND thành phố Hội An (2015), *Di tích – Danh thắng Hội An*, NXB Đà Nẵng.



Đình Cẩm Phô – Số 52 Nguyễn Thị Minh Khai – Hội An

có số lượng tương đương nhau), hầu hết gian bên có kích thước nhỏ hơn gian giữa (xem bảng thống kê cụ thể bên dưới). Tiền đình có dạng nhà 1 gian 2 chái rất ít gặp (chỉ thấy ở đình Đê Vông và đình Xuân Mỹ). Hậu tẩm thường chỉ rộng một gian, xây nếp mái tách biệt so với tiền đình (riêng đình ấp Xuân Lâm, hậu tẩm rộng 3 gian). Cá biệt, hậu tẩm đình Ông Voi xây 2 tầng, không thấy có tại các đình khác ở Hội An (hậu tẩm đình ấp An Bang xây vút cao nhìn như nhà 2 tầng ở bên ngoài, nhưng bên trong chỉ thờ tự ở phía dưới). Với đình Cẩm Phô, phía trước chính đình còn có thêm phượng đình với nhiều chi tiết trang trí chạm trổ tinh xảo, đẹp mắt trên các cấu kiện gỗ, bờ nóc, bờ chảy giống như ở một số hội quán của người Hoa. Có thể coi đình Cẩm Phô là một trong những ngôi đình có kiến trúc đẹp, tiêu biểu nhất ở Hội An.

Đình có tường bao che bằng gạch xây dày, hệ khung chịu lực bằng gỗ hoặc trụ xây gạch tạo cuốn vòm, mái lợp ngói âm dương. Ở một số ngôi đình, ngoài vật liệu gỗ, cột còn được làm bằng đá như đình Ông Voi, Hội An Tiên tự (cột ở vị trí hiên); hay như ở đình đá An

Bàng⁽¹⁾, hệ khung chịu lực toàn bộ bằng đá. Với các ngôi đình mới được tu bổ, xây dựng lại sau này, hệ khung chịu lực bằng bê tông cốt thép, mái lợp ngói móc. Về hình thức cột, không tìm thấy quy luật sử dụng cột tròn hay vuông ở đình, theo thống kê, loại cột tròn chiếm đa số, tuy nhiên, có đình vừa có cả cột tròn lẫn cột vuông⁽²⁾. Chân cột gỗ có đế đá tảng. Hai loại vì kèo đỡ hệ mái

phổ biến là kèo kẻ chuyền và kèo trính chồng trụ đội. Ở một số đình, kèo hiên được chạm trổ rất đẹp. Hình thức đòn tay cũng tương tự như cột, đòn tay tròn và đòn tay vuông đều được sử dụng. Xà cò ở các đình đều là cây gỗ có tiết diện hình chữ nhật, duy chỉ có xà cò đình Ông Voi được làm từ cây gỗ tròn, vát phẳng một mặt để khắc chữ.

Về trang trí: hệ cửa đi trước tiền đình cấu tạo kiểu “thượng song hạ bản”. Bờ nóc, bờ chảy đắp giắt cấp, trang trí các đề tài quen thuộc như: lưỡng long triều dương, tứ linh, hoa dây, chim chóc,

¹ Đình đá An Bàng, khối An Bàng, phường Cẩm An: đã sụp đổ, hiện chỉ còn dấu vết nền móng và một số cấu kiện bằng đá.

² Ở đây xin nói thêm rằng: người Hàn Quốc xưa có quan niệm “trời tròn, đất vuông”, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng, trường học Nho giáo, họ dùng cột tròn, mang tính hướng thượng; trong nhà ở truyền thống, họ dùng cột vuông. Vì lý do này mà tôi có ý tìm hiểu hình thức cột được sử dụng trong các di tích tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam nói chung và Hội An nói riêng. Ông cha ta ngày xưa cũng có quan niệm “trời tròn, đất vuông” như vậy, thể hiện qua sự tích “Bánh chưng, bánh dày”, tuy nhiên, không thấy áp dụng quan niệm đó vào kiến trúc, vì ở các di tích tôn giáo, tín ngưỡng và cả nhà ở (ở Hội An), ta thấy cột tròn hay vuông đều được sử dụng tại nhiều vị trí khác nhau, kể cả các di tích của người Minh Hương.

hồi văn, chữ Thọ... theo thủ pháp đắp vẽ, cân xứng làm tăng vẻ tôn nghiêm, bề thế của ngôi đình. Bên trong tiền đình treo/vẽ nhiều hoành phi, liễn đối.

Lối vào đình thường là tam quan, lối đi gian giữa rộng hơn hai gian bên. Có ba dạng thức tam quan chính:

+ Tam quan có 4 trụ biểu (*trụ vuông*), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên chia thành ba lối đi; phía trên nối liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán cổng, bên trên không có mái che; cửa thượng song hạ bản (*tam quan đình Cẩm Phô, đình Đế Võng, đình Tiên hiền Kim Bồng, Tụy Tiên đường Minh Hương...*).

+ Tam quan có 4 trụ biểu (*trụ tròn*), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi, phía trên không có xà liên kết đầu trụ, không có mái che; cửa song gỗ (*tam quan đình áp Tu Lễ, đình Sơn Phô*).

+ Tam quan có tường gạch xây dày và dài tạo lối đi hình chữ nhật, bên trên có lợp mái ngói âm dương (*2 mái dốc*), cửa ra vào bằng ván gỗ ghép (*tam quan đình Thanh Hà, Hội An Tiên tự*).

Các dạng thức tam quan này không phải của riêng đình vì ta có thể bắt gặp tại các di tích tôn giáo, tín ngưỡng khác như chùa, miếu... Một số ít đình, lối vào chỉ gồm hai trụ biểu, tường rào thấp hai bên. Riêng đình Xuân Mỹ và An Mỹ thì không có cổng ngõ. Bình phong nằm khoảng giữa sân, chéch về phía trước, đa số xây hình cuốn thư, mặt trước đắp



Lễ tế xuân tại đình Sơn Phong
Số 350 Nguyễn Duy Hiệu – Hội An

vẽ long mã, mặt sau có bệ thờ âm linh. Sân đình Cẩm Phô, Hội An Tiên tự có đặt đỉnh hương to, chức năng như bình phong.

Qua các yếu tố kể trên, có thể nói rằng, các ngôi đình làng/ấp ở Hội An có nhiều nét tương đồng nhưng lại không có cái nào hoàn toàn giống cái nào, “không trùng lặp”, do đó rất khó để xác định đâu là hình thức kiến trúc tiêu biểu. Hiện nay, nhiều ngôi đình ở Hội An, ngoài chức năng thờ cúng tín ngưỡng, đình cũng đang được sử dụng đúng chức năng của một công trình công cộng: là nơi hội hè, họp tổ dân phố, sinh hoạt hè cho các em thiếu nhi... Vì những lý do đó, đình trở thành hình ảnh thân thương trong tâm khảm của nhiều người, nhiều thế hệ, nhất là lớp người lớn tuổi. Tình cảm họ dành cho ngôi đình làng/ấp cũng nhiều như tình cảm họ dành cho những người thân thương vậy.

“Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình
bấy nhiêu”

(Ca dao)

BẢNG THỐNG KÊ CÁC DI TÍCH ĐÌNH LÀNG, ĐÌNH ÁP Ở HỘI AN

T T	Tên đình/ Địa chỉ	Hướng	Bố cục mặt bằng	Cổng vào (cm)	Bình phong (m)	Tiền đình/Chính đình					Hậu tẩm	
						Kết cấu	Kích thước (cm)				Kết cấu	Kích thước (cm)
							Tổng thể	Gian giữa	Gian bên	Chái		
I. Đình làng:												
01	Đình Cầm Phô – số 52 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Cầm Phô	Nam – Tây Nam	Mặt bằng kiểu chữ Môn, gồm có phương đình, chính đình (không có hậu tẩm), nhà Đông, nhà Tây.	Tam quan có 4 trụ biểu (trụ vuông), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên chia thành ba lối đi; phía trên nổi liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán cổng, không có mái che. Cửa chính: (213 x 297), cửa phụ: (91 x 275) tính từ nền sân đến mép dưới trán cổng).	Đình hương chính giữa, hai bình hoa lớn hai bên.	Dạng nhà 3 gian 2 chái, trụ xây gạch chịu lực, tạo cuốn vòm đỡ hệ mái; cột biên bằng gỗ. Đòn tay tròn, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	2104 x 1254	420	412	370		
02	Đình Sơn Phong – số 350 Nguyễn Duy Hiệu, phường Sơn Phong	Nam	Gồm có chính đình (tiền đình, hậu tẩm), nhà Đông. Chính đình mặt bằng chữ Đình.	Một cổng vào (hai trụ biểu, trụ vuông)	Dạng cuốn thư, kt: (250 x 50 x 191)	Dạng nhà 3 gian 2 chái. Phần hiên trước rộng. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn, kèo kê chuyền. Đòn tay, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	750 x 340 (hiên) 926 x 630 (tiền đình)	220	195	170	Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	350 x 250
03	Đình Đề Vông – khối Sơn Phô 1.	Tây	Mặt bằng hình chữ Môn, gồm có chính	Tam quan có 4 trụ biểu (trụ vuông), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên chia	Dạng cuốn thư, hai bên có tượng con lân	Dạng nhà 1 gian 2 chái. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn,	829 x 887	244		190	Tườn g bao xây gạch, mái lợp	302 x 203

	phường Cẩm Châu		đình (tiền đình, hậu tẩm), nhà Đông, nhà Tây.	thành ba lối đi; phía trên nổi liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán công, không có mái che; cửa thượng song hạ bản. Cửa chính: (169 x 261), cửa phụ: (96 x 202).	bằng đá và rửa bằng cement, kt: (219 x 45 x 200) (không kể tượng đá ở hai bên)	kèo kê chuyền. Đòn tay, xà cò tiết diện hình chữ nhật; kèo hiên chạm trổ rất đẹp. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.					ngói âm dương.	
04	Tụy Tiên đường Minh Hương – số 14 Trần Phú, phường Minh An	Nam	Mặt bằng kiểu chữ Khẩu, gồm có: Tiền sảnh, nhà Đông, nhà Tây, chính đình (không có hậu tẩm).	Tam quan có 4 trụ biểu (trụ vuông), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên chia thành ba lối đi; phía trên nổi liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán công, không có mái che; cửa thượng song hạ bản. Cửa chính: (205 x 261), cửa phụ: (92 x 217).	Không có	Dạng nhà 3 gian. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn, hệ kèo trính chông trụ đội. Đòn tay tròn. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	1213 x 1219	430	320			
05	Đình Xuân Mỹ - khối Nam Diêu, phường Thanh Hà	Nam – Tây Nam	Chính đình (tiền đình, hậu tẩm), nhà Tây, kết hợp với miếu Lục Vị, nhà bia, cây đa, bên nước.	Không có	Nhà bia (thay cho bình phong)	Dạng 1 gian 2 chái nhưng chái kéo dài tạo thành 2 gian. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn, kèo kê chuyền. Đòn tay, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	912 x 808	240	180 (gian chái trong)	147 (gian chái ngoài)	Tường bao xây gạch, trần xây cuốn vòm, mái lợp ngói âm dương.	264 x 394
06	Đình Tiên hiền Tân	Tây – Tây	Mặt bằng kiểu chữ Nhất,	Cổng có 2 trụ biểu + tường rào	Dạng cuốn thư, kt: (300 x	Dạng nhà 3 gian (có hai mái hệ nhô hai	968 x 848	257	319			

	Hiệp – thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp	Nam	chỉ có một nếp nhà.	xây thấp.	85)	bên, nhìn như 2 chái). Trụ xây gạch chịu lực, tạo cuốn vòm, lợp ngói âm dương. Tường bao xây gạch rất dày (0,90m), mái lợp ngói âm dương.						
07	Đình Tiền hiên Kim Bồng – thôn Trung Châu, xã Cẩm Kim	Tây Nam	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”.	Tam quan có 4 trụ biểu (trụ vuông), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên chia thành ba lối đi; phía trên nối liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán công, bên trên không có mái che; cửa thượng song hạ bản. Cửa chính: (170 x 255), cửa phụ: (98 x 195).	Dạng cuốn thư, kt: (310 x 43 x 214)	Dạng nhà 3 gian. Hệ khung gỗ chịu lực, cột lòng nhất tiết diện hình chữ nhật (cột lòng nhì – vách gỗ mặt tiền là cột tròn), cột hiên xây gạch, kèo kẻ chuyền. Đòn tay tròn, xà cõ tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	774 x 702	242	266	145	Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	262 x 208
08	Đình Thanh Hà – số 128 Hùng Vương, phường Thanh Hà	Nam	Chính đình có một nếp nhà nhưng khá rộng, bên trong có mái giả đề ngăn chia không gian bên trong thành 2 nếp	Tam quan có tường gạch xây dày và dài tạo lối đi hình chữ nhật, bên trên có lợp mái ngói âm dương (2 mái dốc), cửa bằng ván gỗ ghép. Cửa chính: (170 x 245), cửa phụ: (72 x	Dạng cuốn thư, kt: (340 x 60 x 256)	Dạng nhà 3 gian 2 chái. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn; nếp trước: kèo trính chồng trụ đội, nếp sau: kèo cột trốn kẻ chuyền (trón cột lòng nhất hậu). Phần hiên	1235 x 1130	253	236	223		

			(tiền đường, hậu đường)	200). Chiều cao giọt nước mái chính: 400; mái phụ: 306.		khá hẹp. Đòn tay, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.						
09	Đình Sơn Phô – số 358 Cửa Đại, phường Cẩm Châu	Đông Nam	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”.	Tam quan có 4 trụ biểu (trụ tròn), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi, đầu hai trụ chính giữa có gắn 2 con lân, hai trụ thấp hơn gắn búp sen trang trí; phía trên không có xà liên kết đầu trụ, không có mái che. Lối đi giữa rộng 350, lối đi bên rộng 100.	Dạng cuốn thư, kt: (210 x 30 x 170)	Dạng nhà 3 gian 2 chái. Bên trong là hệ khung BTCT chịu lực, phía trước (hiên) có hai hàng cột gỗ tròn. Hiên có hệ kèo trính chồng trụ đội. Đòn tay tròn, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	1215 x 750	240	230	257	Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	320 x 280
10	Đình An Mỹ - khối An Mỹ, phường Cẩm Châu	Đông Bắc	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”.	Không có	Dạng cuốn thư, kt: (258 x 43 x 180)	Dạng nhà 3 gian 2 chái. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn; hệ kèo kẻ chuyền. Đòn tay tròn, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	1005 x 766	218	175	210	Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	302 x 226
11	Đình Ông Voi – số 27 Lê Lợi, phường	Nam	Bố cục mặt bằng kiểu chữ Khẩu, gồm có:	Gồm các trụ biểu cao, trên đầu trụ có gắn sư tử, quả cầu, xung quanh	Không rõ (có tượng 2 con voi đứng hầu ở	Dạng nhà 3 gian. Hệ khung chịu lực bằng gỗ, trụ xây	1160 x 1210	390	310		Nếp nhà 2 tầng, sàn gỗ, tường	750 x 540

	Minh An		Tiền sảnh, nhà Đông, nhà Tây, chính đình.	là tường rào thấp (hiện đã bị hư hỏng một phần nên chưa xác định rõ được hình thức kiến trúc)	giữa sân)	gạch và cả bằng đá (hàng cột hiên ở nhà Đông, nhà Tây và chính điện bằng đá), kèo trính chồng trụ đội. Đòn tay tiết diện hình chữ nhật, xà cò là cây gỗ tròn, vát một mặt khắc chữ. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.					bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương .	
12	Hội An Tiên tự - số 03 Lê Lợi, phường Minh An	Tây	Đình có một nếp nhà, bên trong có mái giả để ngăn chia không gian bên trong thành 2 nếp (tiền đường, hậu đường).	Tam quan có tường gạch xây dày và dài tạo lối đi hình chữ nhật, bên trên có lợp mái ngói âm dương (2 mái dốc), cửa ra vào bằng ván gỗ ghép. Cửa chính: (164 x 250), cửa phụ: (70 x 195). Chiều cao giọt nước mái chính: 400; mái phụ: 335.	Đình hương (chính giữa sân)	Tiền đường có dạng nhà 3 gian, hậu đường mở rộng sang hai bên một khoảng nhỏ, nhìn như nhà 3 gian 2 chái. Hệ khung gỗ chịu lực, nếp trước cột vuông, kèo trính chồng trụ đội (hai hàng cột hiên bằng đá tiết diện hình chữ nhật); nếp sau cột tròn, kèo kê chuyền. Đòn tay tròn, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	851 x 554 (tiền đường) 976 x 725 (hậu đường)	330	215	108		

<https://hoianheritage.net>

II. Đình áp:												
13	Đình áp Trường Lê - khối Trường Lê, phường Cẩm Châu	Nam – Tây Nam	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”.		Dạng cuốn thư, kt: (256 x 44 x 210)	Dạng nhà 3 gian Tường xây gạch chịu lực, mái lợp ngói móc. Đòn tay tròn.	605 x 403	185	199		Tường bao xây gạch, mái lợp ngói móc.	205 x 120
14	Đình áp An Bang – khối An Bang, phường Thanh Hà	Nam – Tây Nam	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”. Hiên rộng, mái hiên BTCT;	Hai trụ cổng thấp + tường rào bao bọc.	Dạng cuốn thư, kt: (312 x 42 x 190)	Nếp trước dạng nhà 5 gian, mái ngói móc; tiền đình có dạng nhà 3 gian, mái ngói âm dương. Tường xây gạch + hệ khung BTCT chịu lực. Đòn tay, xà cò tiết diện hình chữ nhật.	1164 x 454 (<i>nếp trước</i>) 720 x 400 (<i>tiền đình</i>)	234	192		Hậu tẩm xây rất cao so với tiền đình, tường xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	250 x 195
15	Đình áp Xuân Lâm – số 40 Trần Hưng Đạo, phường Cẩm Phô	Nam	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”.	Một cổng vào (<i>hai trụ biểu, trụ vuông, thuôn dần về phía trên</i>); đầu trụ có gắn 2 con lân.	Dạng cuốn thư, kt: (267 x 30 x 160)	Dạng nhà 3 gian 2 chái. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn (<i>cột hiên xây gạch</i>); tiền đình: kèo trính chồng trụ đôi. Đòn tay tròn, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	1003 x 701	240	230	165	Hậu tẩm rộng 3 gian, tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.	700 x 380
16	Đình áp Tu Lễ - số 169 Trần Hưng Đạo, khối Tu Lễ,	Tây	Đình gồm một nếp nhà (<i>không có hậu tẩm</i>), phần	Tam quan có 4 trụ biểu (<i>trụ tròn</i>), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi,	Không có	Dạng nhà 3 gian 2 chái. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn (<i>cột hiên xây gạch</i>);	1138 x 847	240	240	197		

	phường Cẩm Phô		hiên rộng 3 gian.	đầu hai trụ chính giữa có gần 2 con lân, hai trụ thấp hơn gần quả cầu; phía trên không có xà liên kết đầu trụ, không có mái che. Lối đi giữa rộng 195; lối đi bên rộng 100.		kèo trính chông trụ đội. Đòn tay tròn. Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương.						
17	Đình ấp Xuân Mỹ - khởi xuân Mỹ, phường Tân An (<i>miếu ông Cọp</i>)	Nam – Tây Nam	Bố cục theo lối “tiền đình, hậu tẩm”.	Một công vào (<i>hai trụ biểu, trụ vuông</i>), phía trên nối liền hai trụ biểu là xà cách điệu làm trán công, không có mái che.	Dạng cuốn thư, kt: (192 x 33 x 159)	Dạng nhà 3 gian. Tường xây gạch + hệ khung BTCT chịu lực. Đòn tay tiết diện hình chữ nhật. Mái lợp ngói âm dương.	600 x 404	200	190		Tường bao xây gạch, mái lợp ngói âm dương .	210 x 152
18	Đình Xuyên Châu Trung – khởi Xuyên Trung, phường Cẩm Nam	Bắc	Một nếp nhà kiểu nhà 3 gian (<i>không có hậu tẩm</i>).	Một công vào (<i>hai trụ biểu, trụ vuông</i>), tường rào bao bọc.	Dạng cuốn thư, kt: (297 x 52 x 155)	Dạng nhà 3 gian. Hệ khung gỗ chịu lực, cột tròn, hệ kèo trính chông trụ đội. Đòn tay tròn, xà cò tiết diện hình chữ nhật. Tường bao xây gạch (<i>dày 400</i>), mái lợp ngói âm dương.	710 x 875	250	180			

DI SẢN HÁN NÔM TRONG CÁC ĐÌNH LÀNG Ở HỘI AN

Tổng Quốc Hưng

Như bao đình làng khác của người Việt, đình làng của các làng xã ở Hội An được tạo lập nên như là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng với ba chức năng cơ bản đó là tín ngưỡng, hành chính, văn hóa. Với chức năng tín ngưỡng thì đình làng là nơi thờ cúng những bậc tiền hiền, hậu hiền và những vị thần bảo hộ của làng được triều đình sắc phong ban tước. Bên cạnh đó, ngày xưa đình làng còn là trụ sở hành chính, nơi mà mọi công việc về hành chính của làng đều được tiến hành ở đó. Từ việc xét xử các vụ tranh chấp, phạt vạ, khao vọng, đến việc thu tô thuế, suất lính, phu phen hầu như đều diễn ra tại đây. Chủ thể tiến hành các hoạt động hành chính ở đình làng là các vị Chánh tổng, Phó tổng, Lý trưởng, Phó lý và các viên quan của Hội đồng hương chính, kì mục, ngũ hương, trùm, thủ.... Về chức năng văn hóa thì đình làng chính là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng, là nơi diễn ra các hoạt động lễ hội, đình đám hội hè.

Trước đây, các ngôi đình làng nổi tiếng ở Hội An đều có quy mô xây dựng một cách đồ sộ với tòa chính có kết cấu 3 gian 3 chái (*tam gian nhị hạ*), có tiền đường và hậu tẩm. Hai bên tả hữu đều có nhà Đông, Tây và một số công trình phụ trợ. Những ngôi đình nổi tiếng ở Hội An phải kể đến như đình Thanh Đông, đình Cẩm Phô, đình Thanh Hà,

đình đá An Bàng... Bên cạnh đó, các làng còn kiến tạo nhiều ngôi đình ấp như đình ấp Xuân Lâm, Tu Lễ, Xuyên Trung... (ở *Cẩm Phô*); đình ấp An Bang, Cồn Động... (ở *Thanh Hà*); đình ấp Thanh Tây, Thanh Nam, Cây Giá..... (ở *Thanh Châu*)... Nhưng rất tiếc trải qua các cuộc chiến tranh nhiều ngôi đình đã bị hủy hoại hoàn toàn, chỉ còn nền móng và một ít cấu kiện như đình Thanh Đông, đình đá An Bàng...

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hội An hiện còn khoảng hơn 20 ngôi đình, trong đó một số đình làng vẫn còn lưu giữ được nhiều tài liệu Hán - Nôm. Đây chính là di sản quý giá phần nào đã được phản ánh việc dựng làng lập xã, quy dân lập ấp cũng như sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của các làng xã ở Hội An trong nhiều thế kỷ trước đây.

Di sản tư liệu Hán - Nôm trong các đình làng ở Hội An bao gồm các loại chủ yếu như sắc phong, văn bia, hoành phi - câu đối, địa bộ, khế ước...

***Sắc phong:** Sắc phong là một thể loại văn bản quan trọng trong hệ thống văn bản Hán - Nôm. Bản thân nó quan trọng bởi loại văn bản này không chỉ được viết trên chất liệu giấy đặc biệt, có giá trị thẩm mỹ cao mà sắc phong còn thể hiện quyền uy của các triều đại phong kiến đối với người dân và cả thần thánh. Chính vì vậy mà sắc phong còn



Sắc phong tại đình Ông Voi (đình làng Hội An)

gắn liền với tập tục, tín ngưỡng của cả cộng đồng làng, xã và là niềm tự hào của các địa phương cũng như các gia tộc, cá nhân được triều đình ban sắc phong.

Qua điều tra, khảo sát về tư liệu Hán - Nôm trong các đình làng ở Hội An chúng tôi nhận thấy sắc phong ở Hội An thường gồm hai loại chính, một loại sắc phong cho những người có công trạng với nước nhà, phong tặng, thăng thụ phẩm hàm. Loại sắc này tương đối ít, loại sắc phổ biến hơn là sắc phong cho chư thần ở đình làng, công trình tín ngưỡng.

Dưới thời quân chủ, vào các dịp dâng cơ lên ngôi hoặc các dịp khánh điển, mừng đại thọ... nhà nước phong kiến thường ban sắc cho các đình làng cho phép thờ những vị thần có công “*giúp nước cứu dân - hộ quốc tỵ dân*” như Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương, Thiên Y A Na Diễn phi chúa ngọc, Bạch Mã thái giám thượng đẳng thần, Ngũ Hành tiên nương, Thành Hoàng tôn thần.... Sau khi sắc phong được ban xuống, các làng xã phải làm lễ tiếp về vái lạy tại đình làng và cử một chức sắc trong làng chuyên trông coi giữ gìn, vị đó chính là ông Thủ sắc. Hàng năm vào các dịp đại tế của làng thì có lễ rước sắc - thỉnh sắc đưa đến đình để làm

lễ tế. Ngoài ra, tùy vào lệ định hay căn cứ vào bản tấu của các địa phương triều đình còn ban thêm nhiều sắc phong gia tặng mỹ tự cho chư thần.

Hiện nay, ở Hội An chỉ có 5 ngôi đình làng còn giữ được các sắc phong đó là Minh Hương tụy tiên đường, đình Cẩm Phô, đình Sơn Phong, đình Ông Voi và đình Sơn Phô. Tuy nhiên, để đảm bảo trong việc xử lý, bảo quản một số sắc phong được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An và lưu giữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa.

Trong số những sắc phong hiện tồn, sắc có niên đại sớm nhất là vào năm Gia Long thứ 2 (1803), sắc cho Thành Đức Hầu Lý Đại Thành, người xã Minh Hương, Quảng Nam. Sắc bằng vải lụa, viết mực tàu, ấn “**Phong tặng chi bửu**”. Những sắc phong còn lại có khung niên đại từ thời Minh Mạng đến Bảo Đại.

* **Hoành phi, câu đối, xà cò:**

Hầu hết các đình làng ở Hội An đều có nhiều liễn đối, hoành phi, câu chữ... Những câu chữ này không chỉ đề tôn vinh vẻ tôn nghiêm, vẻ đẹp của từng ngôi đình mà bản thân chúng còn chứa đựng nhiều thông tin quan trọng về nghiên cứu về di tích nói riêng và lịch sử - văn hóa nói chung. Đặc biệt, nhiều

liễn đối, hoành phi trong các ngôi đình ở Hội An được các nhân vật nổi tiếng soạn ra và đề bút, trong số đó có cả ngự bút của Minh vương Nguyễn Phúc Chu và nhiều danh sĩ khác.

Liễn đối, hoành phi trong các đình làng được thể hiện bằng nhiều hình thức như chạm gỗ, khắc đá, đắp nổi, kẻ, vẽ... với các thể thư pháp như chân, thảo, lệ, triện. Thể chữ được dùng chủ yếu là thể chân (*khải thư*). Hiện nay, bức hoành phi có niên đại sớm nhất là bức “*Cứu thế độ nhân*” ở Đình Sơn Phong có niên đại là “*Vĩnh Thịnh thập nhất niên*” (1715), hoành phi có niên đại muộn nhất là bức “*Phổ đồng nhân*” cũng ở Đình Sơn Phong có niên đại là “*Bảo Đại thập cửu niên*” (1944).

Đa số các liễn đối, hoành phi có ghi niên đại của các triều đại phong kiến của Việt Nam như: Gia Long (1802 - 1819); Minh Mạng (1820 - 1840); Thiệu Trị (1841 - 1847); Tự Đức (1848 - 1883); Duy Tân (1907 - 1916); Khải Định (1916 - 1925); Và các liễn đối, hoành phi có ghi niên đại của các triều đại phong kiến Trung Quốc như: Càn Long (1736-1795); Gia Khánh (1796-1820); Đạo Quang (1821-1850); Hàm Phong (1851-1862); Đồng Trị (1862-1875); Quang Tự (1875-1909). Ngoài ra, có rất nhiều liễn đối, hoành phi ghi niên đại là Long Phi hoặc ghi bằng Can chi nên không thể xác định niên đại cụ thể được.

Nhìn chung câu hoành phi, đối liễn ở đình làng đều có nội dung ca tụng các vị thần, thánh và những bậc tiền nhân đã có công lao đối với làng xã; đồng thời thông qua đó họ gợi gắm những cầu mong, ước nguyện của cộng đồng cư dân, làng xã về một cuộc sống bình an, hạnh phúc, mưa thuận gió hòa... Khá

nhều câu còn mang nội dung giáo dục để lại cho các thế hệ mai sau phải giữ trọn đạo làm người, phải cố gắng rèn luyện tài đức, đem tài ra giúp nước, giúp làng theo tôn chỉ “*ích quốc lợi dân*”. Nếu người nào làm được những điều vinh hiển cho làng xã thì sau khi chết sẽ được cộng đồng ghi ơn mãi mãi, sẽ được thờ tự là phúc thần, thành hoàng... hàng năm đều được hưởng tế tự.

Bên cạnh những bức hoành phi đại tự, những câu đối sơn son thếp vàng thì những cây xà cò được gắn trên nóc đình cũng là những tư liệu Hán Nôm quý giá. Bản thân những thanh xà này đã lưu lại những niên đại xây dựng, niên đại trùng tu, cũng như những ai đã đứng ra xây dựng, trùng tu - tu bổ các ngôi đình làng.

Ngoài ra, những dòng đề lạc khoản trên các liễn đối, hoành phi còn chứa đựng nhiều nội dung quan trọng khác về lịch sử, liên quan đến các nhân vật lịch sử, các làng xã, các tộc họ... Điển hình như bức hoành “*Độ thế cứu nhân*” ở Đình Sơn Phong có lạc khoản ghi là “*Vĩnh Thịnh thập nhất niên... Quốc Chúa Thiên Túng Đạo Nhân ngự bút*”. Nội dung lạc khoản cho chúng ta biết bức hoành này do Minh Vương Nguyễn Phúc Chu ngự đề, ban tặng vào năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715); hay bức hoành “*Hội An tiên từ*” ở Đình Tiền hiền



Hội An có lạc khoản đề là “*Bảo Đại thập nhất niên, bốn phường trùng tu*”. Nội dung lạc khoản cho chúng ta biết vào thời Bảo Đại, Hội An xã được gọi là Hội An phường...

* **Đinh bạ (sổ đinh):** Đinh bạ là sổ ghi chép dân đinh trong làng xã, được viết trên giấy dó, đóng thành tập, có đóng ấn triện của quan phủ và nhiều kiểm ấn của quan sở tại. Niên đại sớm nhất của đinh bạ tìm thấy ở Hội An là vào năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744). Trong đó, đáng lưu ý là trong các sổ đinh của làng Minh Hương còn ghi chép khá kỹ về tên tuổi, nguyên quán, nghề nghiệp, thuế khóa của những người Minh di nhập sang xã Minh Hương của thương cảng Hội An. Từ những thông tin trong các sổ đinh phần nào giúp chúng ta có thể hình dung được tình hình dân cư của mỗi làng xã cũng như vấn đề định cư, di cư, nhập cư của cư dân khác từ các tỉnh thành lân cận, thậm chí là ngoại kiều đến làm ăn, sinh sống tại Hội An.

* **Điền bạ (sổ điền, địa bạ):** là sổ bộ ghi chép về đất đai, ruộng đất, kê khai điền thổ... của các làng xã. Điền bạ cũng được ghi chép trên giấy dó, đóng thành tập, có ấn của quan phủ và kiểm ký, tín ký của các quan chức sở tại. Niên đại sớm nhất của điền bạ được tìm thấy ở Hội An cũng vào thời Cảnh Hưng nhà hậu Lê, sổ còn lại chủ yếu tập trung từ thời Minh Mạng đến thời Bảo Đại. Trong đó, một sổ bộ ghi niên đại của triều Tây Sơn như Thái Đức, Quang Trung. Hiện nay, sổ lượng địa bạ của các làng xã ở Hội An không còn nhiều, chỉ còn một số bộ tương đối hoàn chỉnh như sổ bộ của các làng xã Minh Hương, Cẩm Phô, Xuân Mỹ, An Mỹ và đảo Cù Lao Chàm... Tuy nhiên, từ số

lượng ít ỏi của những sổ điền thu thập được đã góp phần quan trọng trong việc cho biết tình hình đất đai của Hội An nói chung, các làng xã nói riêng qua một số thời kỳ, một số giai đoạn lịch sử. Đặc biệt là việc ghi chép khá kỹ về tên các làng xã, các xứ đất... ở Hội An xưa. Đây là những cơ sở khoa học hết sức quý giá trong việc nghiên cứu về địa chí, địa danh cũng như kế thừa trong việc khôi phục địa danh cũ cho các thôn khối phố ở các xã phường trên địa bàn Thành phố hiện nay.

* **Khế ước - Đơn khai:** đây là loại tư liệu Hán - Nôm phong phú nhất, được tìm thấy nhiều nhất. Trong sổ đó bao gồm khế ước nhà cửa, thổ phố và đơn kê khai điền thổ. Qua điều tra, khảo sát thực tế cho thấy trước đây ở Hội An mỗi nhà, mỗi tộc họ đều có nhiều văn khế nhà cửa và đơn khai điền thổ để giữ quyền nghiệp chủ một hoặc nhiều thổ phố và quyền sở hữu đất đai. Những tài liệu này một phần lưu giữ tại các gia đình, gia tộc; Một phần được lưu giữ tại các đình làng để tập hợp lập bộ đất cho làng xã. Nhưng do ảnh hưởng của chiến tranh, đồng thời chịu sự tác hại của lũ lụt, của thời gian nên tư liệu này của các làng xã đã thất thoát rất nhiều. Tuy nhiên, hiện nay nhiều gia tộc, gia đình vẫn còn lưu giữ nhiều bản tư liệu gốc.

Ngày xưa, trong mỗi làng xã đều cất cử một vị chuyên lo việc lưu giữ các sổ bộ như địa bộ, đinh bộ, văn từ... người này được gọi là Thủ bộ.

* **Bài vị, văn tế:** Đây cũng được xem là một bộ phận quan trọng của di sản Hán Nôm trong các đình làng. Thông qua hệ thống bài vị thờ đã phản ánh khá cụ thể về tập tục tín ngưỡng của các làng xã, trong đó rõ nhất là việc cho biết đối tượng thờ tự của làng. Qua khảo sát

thực tế, chúng tôi nhận thấy trong các đình làng ở Hội An ngoài việc thờ các bậc Tiền hiền, Hậu hiền và những vị thần được ban sắc thì một số địa phương còn thờ những vị thần linh dị theo quan niệm của địa phương như ở đình Ông Voi của xã Hội An có thờ thêm Phiếm Ái phu nhân, Thu Bồn Bô Bô thần nữ, hay ở đình Tiền hiền Tân Hiệp thờ các thần hiệu của Phục Ba Tướng quân như: “*Sắc phong Phục Ba Tướng Quân*” “*Sắc phong Phục Ba Tứ Dương Thành Quốc Công Đại Tướng Quân*”, “*Sắc phong Phục Ba Bích Sơn Hầu Quận Công*” và một bài vị thờ “*Danh Tài, Đức Hiển nhị vị Tướng Quân*”...

Ngoài ra, hiện nay trong các đình làng vẫn còn lưu giữ các bản văn tế và nghi thức tế lễ mà làng đã sử dụng trong các dịp cúng tế. Thông qua nội dung văn tế cũng phản ánh được tập tục tín ngưỡng, lễ tế, nghi thức tế, đối tượng được cúng tế; Đồng thời còn góp phần trong việc thông tin về tên các làng xã, các xứ đất ngày xưa... Đây là những thông tin hết sức quý giá cho công tác nghiên cứu về phong tục tập quán nói riêng, nghiên cứu lịch sử văn hóa của các làng xã nói chung.

* **Văn bia:** Bia ký là những tài liệu sống động chứa đựng nhiều nội dung quan trọng liên quan đến làng xã như việc khai hoang lập ấp, quá trình hình thành làng xã, thời gian xây dựng, trùng tu, tôn tạo các đình làng; Những nhân vật, sự kiện gắn với từng địa phương trong quá trình xây dựng, tu bổ các di tích hay những nội dung liên quan đến phong tục tập quán, lễ làng, đất đai, nghề nghiệp... Điều đặc biệt là một số văn bia ở các đình làng do những nhân vật danh tiếng đương thời đích thân soạn viết, diễn hình như văn bia ở Tụy tiên

đường Minh Hương do Huấn đạo - Cử nhân Trương Đồng Hiệp soạn, được Thái tử Thiếu bảo Hiệp biện Đại học sĩ, Quốc sử quán phó Tổng Tài Hà Đình Nguyễn Thuật xem qua tu chỉnh lại, hay một số văn bia khác do Giải nguyên Đặng Huy Trứ, Phó bảng Nguyễn Tường Vĩnh soạn ...

Từ đó có thể nói rằng văn bia là bộ phận quan trọng của di sản Hán Nôm trong các đình làng. Nội dung các văn bia đã phản ánh cơ bản về lịch sử - văn hóa, sự kiện - nhân vật, tôn giáo - tín ngưỡng và cả tình hình kinh tế - xã hội của các làng xã ở Hội An ngày xưa.

Trong nhiều năm qua, tư liệu Hán - Nôm đã góp phần không nhỏ trong việc nghiên cứu lịch sử - văn hóa Hội An; lịch sử các làng xã; lịch sử di nhập cư; lịch sử quy dân lập ấp, nghiên cứu về đời sống, phong tục tập quán của cộng đồng cư dân Hội An, nghiên cứu về quá trình thương mại, giao thương của Hội An với các nước trên thế giới và khu vực... Ngoài ra tư liệu Hán - Nôm cũng góp phần khá quan trọng trong nghiên cứu về di tích, việc xây dựng, kiến thiết và tu bổ di tích. Chính vì vậy có thể nói rằng di sản Hán - Nôm trong các đình làng ở Hội An là kho sử liệu sống động, phản ánh sự phát triển cả về văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội... của cả Hội An nói chung và các làng xã nói riêng. Do đó, trong thời gian đến cần tiếp tục đẩy mạnh công tác sưu tầm, tập hợp, dịch thuật... nhằm phát huy hiệu quả di sản Hán Nôm không chỉ phục vụ cho công tác nghiên cứu lịch sử văn hóa mà còn góp phần áp dụng thực tiễn vào việc quản lý xã hội, xây dựng đời sống văn hóa cũng như góp phần tích cực trong việc xây dựng Hội An theo định hướng Thành phố sinh thái văn hóa du lịch♦

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THỜ TỰ TẠI MỘT SỐ ĐÌNH LÀNG/ẤP Ở HỘI AN

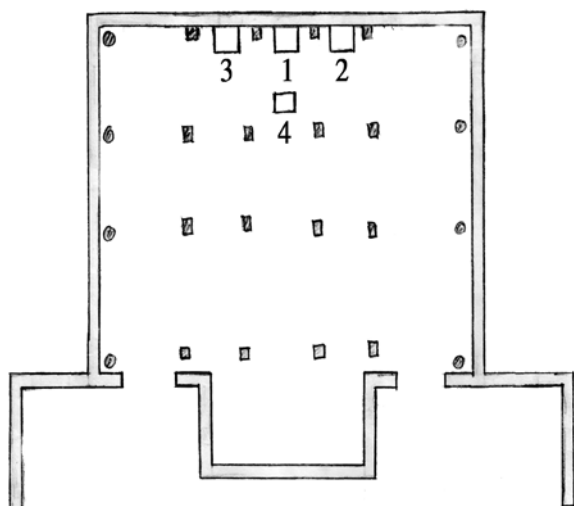
Phạm Phước Tịnh

Theo phong tục chung của người Việt Nam, đình nơi thờ cúng, sinh hoạt chung sẽ xuất hiện ngay sau khi đã định hình làng, xã không lâu. Ở Hội An, đình làng xuất hiện cũng theo quy luật như vậy. Đình ở Hội An là tên gọi chung cho 2 thiết chế văn hóa làng - xã xưa, gồm có đình làng và đình ấp.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi hệ thống hóa hệ thống bố trí thờ tự của hai loại hình đình này vào thời điểm khảo sát (năm 2016).

1. Về đình làng: Chúng tôi khảo sát hệ thống thờ tự đình Xuân Mỹ, đình Thanh Hà, đình Cẩm Phô, đình Sơn Phong, đình Sơn Phô, đình An Mỹ, đình Đế Vông, đình Thanh Tây, đình Tiền hiền Kim Bông.

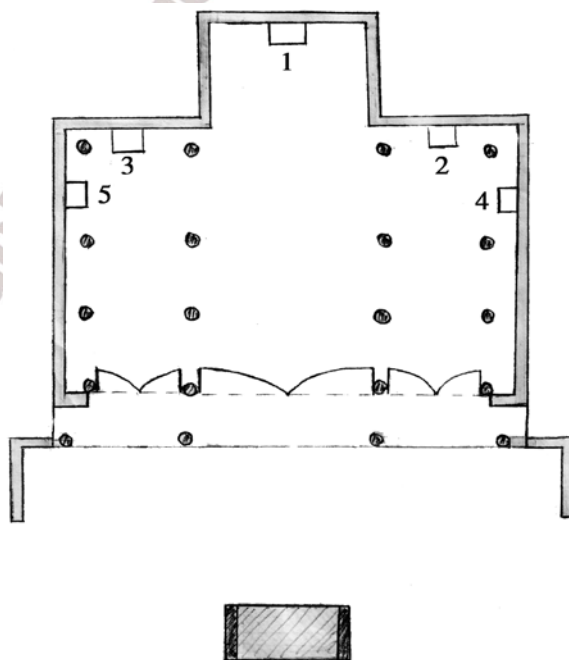
- Đình Cẩm Phô



Chú thích:

1. *Án thờ Tiền hiền*
- 2, 3. *Án thờ Hậu hiền*
4. *Bàn thờ chư vị tộc phái*

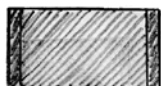
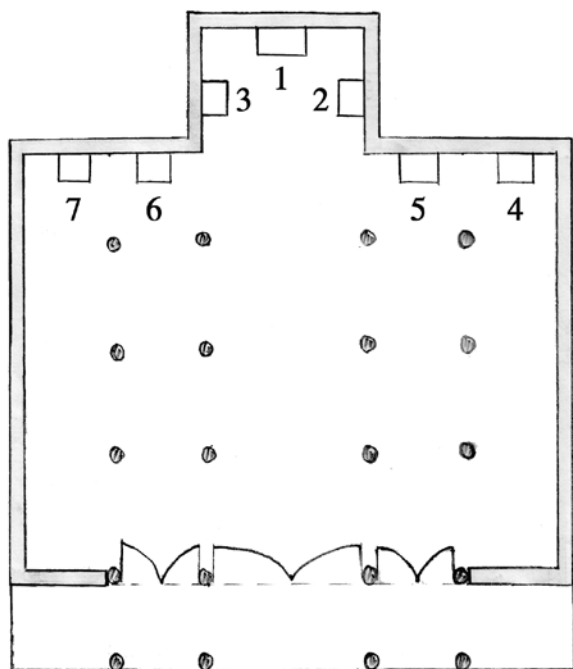
- Đình Đế Vông



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Âm linh*
3. *Án thờ Tiền hiền*
4. *Án thờ Tả ban*
5. *Án thờ Hữu ban*

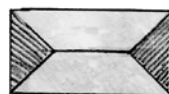
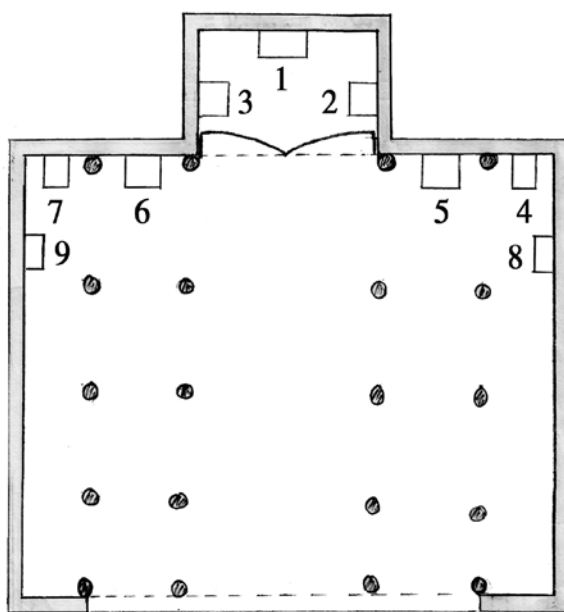
- Đình Sơn Phong



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tả ban (có bài vị Thổ thần bốn xứ)*
3. *Án thờ Hữu ban (có bài vị Ngũ hành Tiên nương)*
4. *Án thờ Chư tộc lợi cư tôn linh*
5. *Án thờ Quang tiên*
6. *Án thờ Dụ hậu*
7. *Án thờ Chiến sĩ trận vong tôn linh*

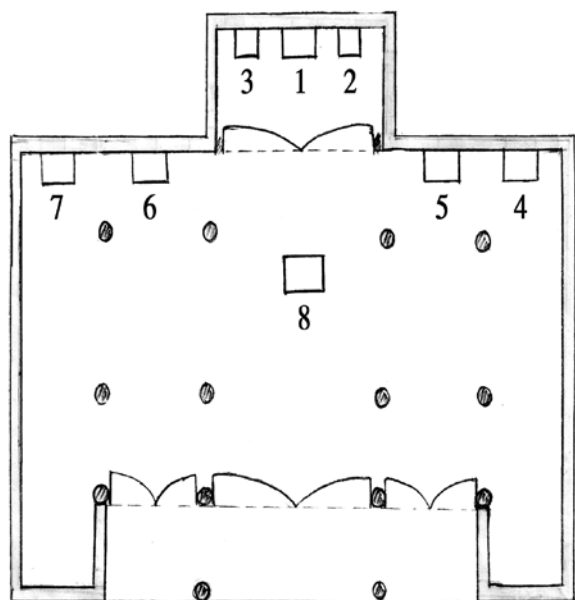
- Đình Xuân Mỹ



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tả ban*
3. *Án thờ Hữu ban*
4. *Án thờ: Phúc*
5. *Án thờ: Tế như tại*
6. *Án thờ: Hướng khắc thành*
7. *Án thờ: Thọ*
8. *Án thờ Tả ban*
9. *Án thờ Hữu ban*
10. *Miếu Lục vị tiên nương*

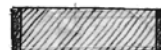
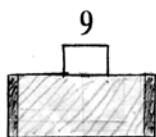
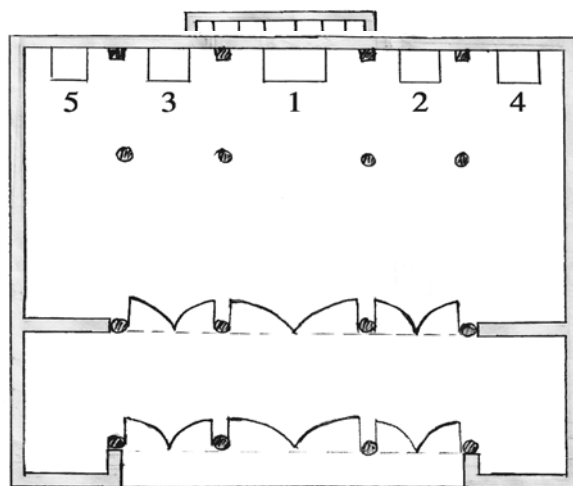
- Đình An Mỹ



7. *Án thờ Nghĩa sĩ*

8. *Án thờ chư tộc phái*

9. *Án thờ Âm linh*



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*

2. *Án thờ Tả ban*

3. *Án thờ Hữu ban*

4. *Án thờ Âm linh*

5. *Án thờ Tiền hiền*

6. *Án thờ Hậu hiền*

- Đình Thanh Hà

Chú thích:

1. *Án thờ Thần*

2. *Án thờ Tiền hiền*

3. *Án thờ Hậu hiền*

4. *Án thờ Tả ban*

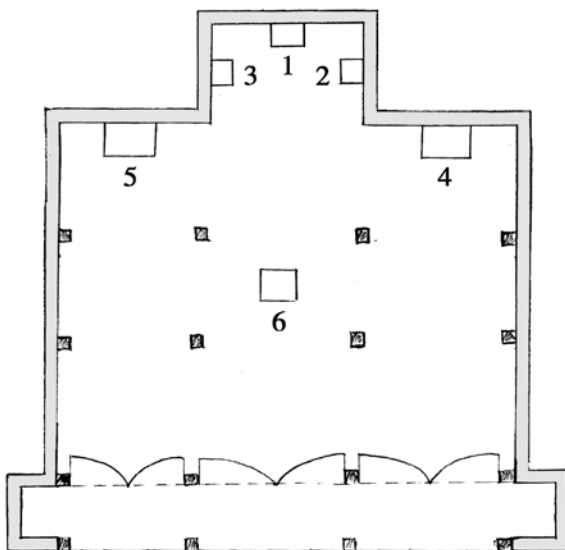
5. *Án thờ Hữu ban*

- Đình Sơn Phô

Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tả ban*
3. *Án thờ Hữu ban*
4. *Án thờ Âm linh*
5. *Án thờ Tiền hiền*
6. *Án thờ Hậu hiền*
7. *Án thờ Nghĩa sĩ*
8. *Án thờ chư tộc phái*
9. *Án thờ Âm linh*

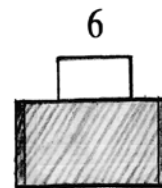
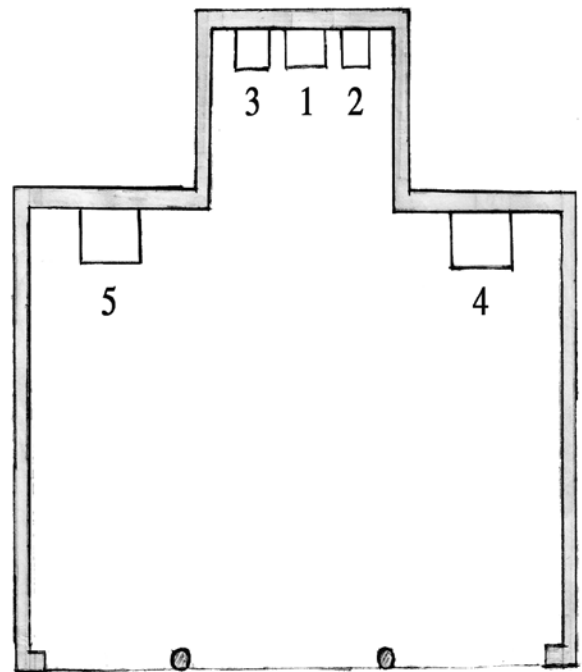
- Đình Tiền hiền Kim Bồng



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tả ban*
3. *Án thờ Hữu ban*
4. *Án thờ Tiền hiền*
5. *Án thờ Hậu hiền*
6. *Án thờ Thành Hoàng*

- Đình Thanh Tây

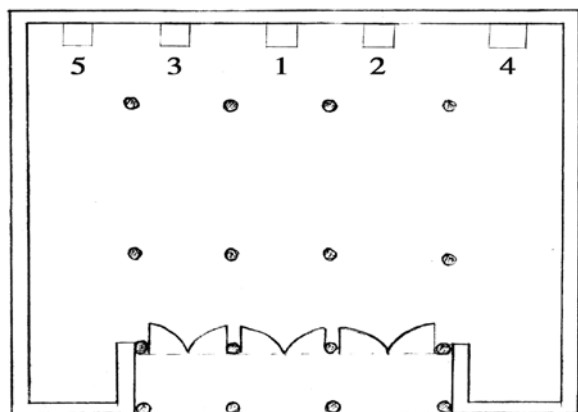


Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tiền hiền*
3. *Án thờ Hậu hiền*
4. *Án thờ Tả ban*
5. *Án thờ Hữu ban*
6. *Án thờ Âm linh*

2. Về đình áp: Chúng tôi khảo sát hệ thống thờ tự tại đình áp Tu Lễ, đình áp Xuân Lâm, đình áp An Bang, đình áp Trường Lệ.

- Đình ấp Tu Lễ



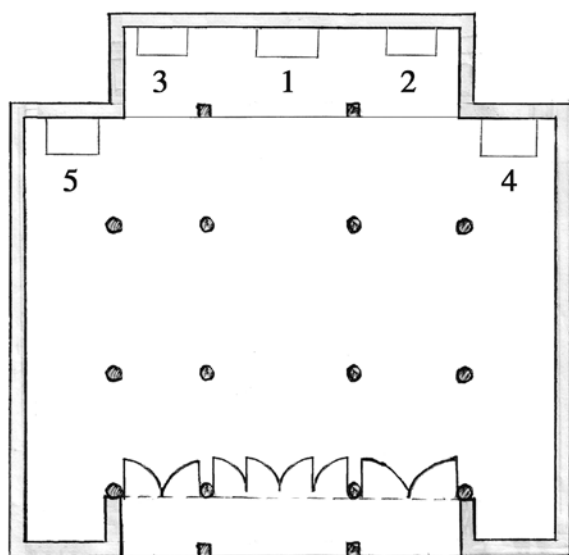
Chú thích:

1. *Án thờ Đại Càn, Thành Hoàng*
2. *Án thờ Hữu ban âm linh liệt vị*
3. *Án thờ Tả ban quý hiển âm linh liệt vị*

vị

4. *Án thờ Tả ban Tiên vãng*
5. *Án thờ Hữu ban Hậu vãng*

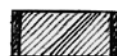
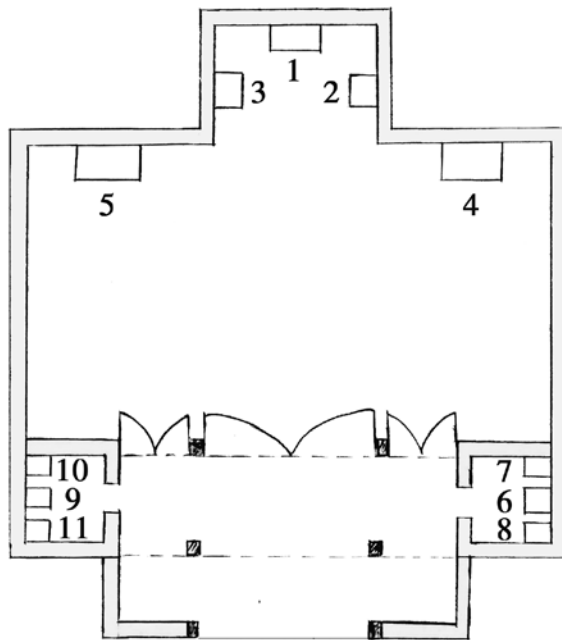
- Đình ấp Xuân Lâm



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Âm linh*
3. *Án thờ Tiên vãng*

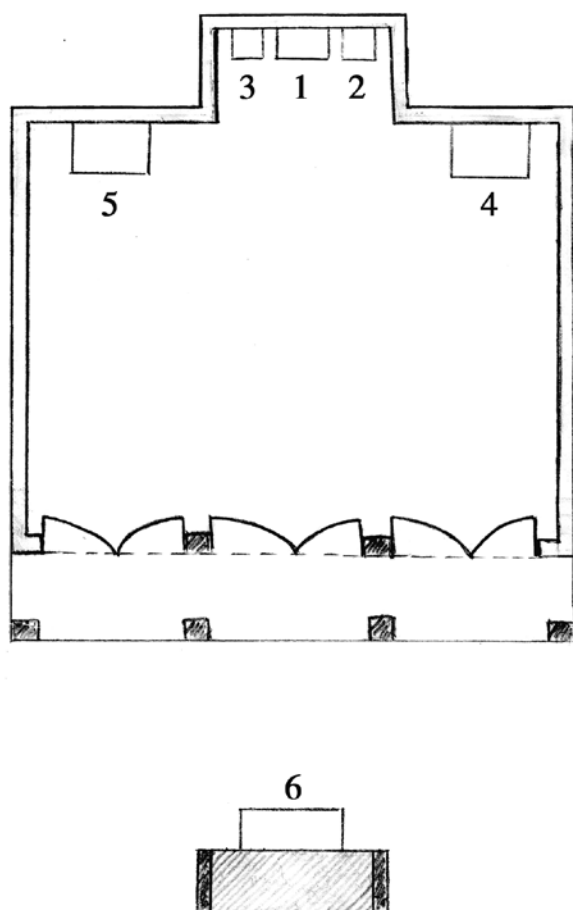
- Đình ấp An Bang



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tả ban*
3. *Án thờ Hữu ban*
4. *Án thờ Quang tiên*
5. *Án thờ Dụ hậu*
6. *Án thờ Thổ thần*
7. *Án thờ Hậu vãng*
8. *Án thờ Tiên vãng*
9. *Án thờ Âm linh*
10. *Án thờ Tả ban*
11. *Án thờ Hữu ban*

- Đình ấp Trường Lệ



Chú thích:

1. *Án thờ Thần*
2. *Án thờ Tả ban*
3. *Án thờ Hữu ban*
4. *Án thờ (?)*
5. *Án thờ (?)*
6. *Án thờ Âm linh*

Một vài nhận xét

- Theo kết quả khảo sát, đình ở Hội An là nơi thờ thần, các vị tiên hiền, hậu hiền của làng.

- Hậu tâm của đình: thường là thờ thần, hai bên là hai bệ thờ hữu ban liệt vị và tả ban liệt vị.



Gian thờ đình Thanh Hà

- Tiền đường của đình: thường là thờ tiên hiền, hậu hiền, tiên vãng, hậu vãng, âm linh.

- Một số đình có đặt bệ thờ phía sau bình phong để thờ cô bác, âm linh.

- Riêng tại đình Xuân Mỹ (Thanh Hà) có đặt miếu thờ lục vị tiên nương phía Tây đình và tại đình tiên hiền Kim Bồng có đặt bàn thờ Thành Hoàng chính giữa tiền đường. Đây có lẽ là sự gắn ghép sau này.♦



CÁC VỊ THẦN BIỂN ĐƯỢC THỜ/TÔN SÙNG TẠI CÁC ĐÌNH LÀNG, LÃNG, MIẾU Ở HỘI AN

Trần Văn An

Biển đảo không chỉ tác động sâu sắc đến đời sống vật chất mà còn chi phối mạnh mẽ và để lại dấu ấn đậm nét trong đời sống tinh thần của người dân vùng biển địa phương nói riêng, toàn cộng đồng dân cư Hội An nói chung. Sự chi phối, dấu ấn biển đảo này thể hiện rất rõ trong sinh hoạt tín ngưỡng và trong tâm thức sùng bái, kiêng kỵ các hiện tượng siêu nhiên liên quan đến biển đảo. Một trong những biểu hiện đó là sự tôn sùng nhiều vị thần biển. Danh sách các vị thần biển này của địa phương khá dài. Trong một bản văn tế Ông Ngự tại làng Câu chúng tôi ghi lại được tên 21 vị thần biển trên 40 danh tính các vị thần liệt kê trong bản văn như sau:

- Sắc chỉ Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiền hóa, Trang huy gia tặng Dực bảo trung hưng Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần.

- Sắc chỉ Dương oai, Ngự dụ (Mấn), Bảo Chương, Kiên thuận, Hòa nhu, Hàm quang Dực bảo trung hưng Thái giám Bạch mã thượng đẳng thần.

- Sắc chỉ Nam Hải cự tộc Ngọc lân Từ tể, Chương linh, Trợ tín, Trùng Trạm, Ưông Nhuận dực bảo trung hưng trung đẳng thần.

- Sắc Ngũ phương ngũ đế ngũ vị Long vương gia tặng Anh linh, Hích trạc Sùng hường Hòa mục Nhân triêm Ân

hiệp Hoàng khai, Quảng tế Hường an Tuấn trạch trung đẳng thần.

- Sắc Hà bá thủy quan gia tặng Hoàng ân, Quảng tế, Hoàng bác, Linh tinh trung đẳng thần.

- Sắc Tứ dương thành quốc công gia tặng Chiêu anh, Cảm ứng trung đẳng thần.

- Sắc Bích sơn thạch tượng gia tặng Mặc vận, Anh oai trung đẳng thần.

- Sắc Đông Nam sát hải Lang Lại nhị đại tướng quân gia tặng Đồng mẫn chi thần.

- Khổng lồ Giác hải tiên Ông.

- Thủy long thần nữ tiên nương.

- Tứ đầu nhà cầm đẳng thần.

- Lý ngư, Lý lực đẳng thần.

- Bà chúa nước chi đức tôn thần.

- Chánh chủ cảng môn chi thần.

- Cự Lân, Cự Lực chi thần.

- Thủy tinh, Thủy tế chi thần.

- Ông Ngự, bà Ngự chi thần.

- Bà Dàng chúa nước nương nương.

- Tam đầu cửu vĩ Xích lân chi thần.

- Cửu phương bát hướng ba đào chi thần.

- Tiền hiền sáng tạo võng nghệ chi thần.

Trong danh sách này tuy chưa đầy đủ do chỉ là những vị thần được thờ cúng trong phạm vi một làng nhưng qua đó ta thấy phần lớn là nhiên thần liên quan đến các hiện tượng sóng gió, đến các cửa biển, gành rạn, đến một số loài động vật biển như cá voi, các loài cá lớn, rái biển và một số giống vật không xác định như Tứ đầu nhà cầm, Tam đầu cửu vĩ Xích Lân chi thần v.v... Đứng đầu trong danh sách này là Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương.

Ngoài ra, nhiều đình làng ở Hội An còn thờ một số vị thần biển khác như Phi vận tướng quân; Long mẫu; Thủy tào Long vương; Chúa Động Đình quân; Vũ sư (*thần mưa*), Lôi công (*thần sấm*); Phong bá (*thần gió*); Điện mẫu (*thần chớp*). Các vị thần này đều có sắc phong của triều đình. Làng Minh Hương, một làng buôn hình thành bằng con đường nhập cư của Hoa kiều và các hội quán người Hoa còn thờ Thiên Hậu thánh mẫu, Quan Thánh đế quân là những vị thần bảo hộ đường biển và hình thức thờ tự này đã ảnh hưởng đến một số làng xã khác tại Hội An. Những người theo đạo Phật hành nghề buôn bán hoặc đi biển ở địa phương rất tín ngưỡng Quan thế âm bồ tát và thờ làm vị bồ tát cứu nạn trên biển.

1. Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương:

Tên dân gian là bà Đại Càn, danh hiệu được triều đình gia phong đầy đủ là: Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy, Dực bảo trung hưng Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần. Đây là vị thần (*đúng ra là 4 vị*) giữ vị trí

đứng đầu trong danh sách các vị thần được thờ tự và là vị chủ thần được thờ trang trọng nhất tại nhiều đình làng tại Hội An cũng như nhiều địa phương. Điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tín ngưỡng biển trong cộng đồng dân cư tại chỗ.

Bảng kê một số sắc phong Đại Càn tại một số làng xã ở Hội An

Làng xã	Tổng số sắc phong của làng	Số sắc Đại Càn	Niên đại
Điện Hội (Hội An)	22	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
Cầm Phô	27	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
An Mỹ	18	8	Minh mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
Tân Hiệp	20	5	Tự Đức 5 (1852) Khải Định 9 (1924)
Sơn Phô	19	6	Tự Đức 5 (1852) Khải Định 9 (1924)
Đế Võng	17	2	Duy Tân 5 (1911), Khải Định 9 (1924)
Sơn Phong	23	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
Thanh Hà	27	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
Miếu Hội Đồng tỉnh	111	3	Minh Mạng 5 (1824) đến Thiệu Trị 3 (1843)

Theo bản khai folklore các làng, xã 1943 do Viễn Đông Bác Cổ học viện thực hiện

Qua bảng kê ta thấy hầu hết các làng xã tại Hội An đều thờ Đại Càn và tôn Đại Càn làm vị chủ thần, thần lớn nhất của làng xã mình. Tên vị thần này luôn đứng đầu danh sách tế tự hàng năm của các làng xã này.

Bảng kê các lần sắc phong Đại Càn và các danh hiệu được phong

TT	Tên hiệu	Gia phong	Năm tháng
1	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, Chí đức	Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức	17/9 Minh Mạng 7 (1826)
2	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức	Phổ bác	12/4/ Thiệu trị 3 (1843)
3	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác	Hiển hóa	14/5 Thiệu trị 3 (1849)
4	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, phổ bác, Hiển hóa	Trang Huy	25/9 Tự Đức 3 (1849)
5	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí Đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang	Đăng trật y cựu phụng sự	24/11 Tự Đức 33 (1879)

	huy tứ vị thượng đẳng thần		
6	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy tứ vị thượng đẳng thần	Dực bảo Trung hưng	1/7 Đồng Khánh 2 (1986)
7	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy Dực bảo trung hưng tứ vị thượng đẳng thần	Đăng trật	11/8 Duy Tân 3 (1909)
8	nt	Đăng trật	25/7 Khải Định 9 (1924)

Như vậy chúng ta thấy rằng các sắc phong Đại Càn còn lại lúc bấy giờ (1943) là các sắc phong của triều Nguyễn và niên đại sớm nhất là vào năm Minh Mạng 5 (1824) hoặc Minh Mạng 7 (1826). Tình trạng này có lẽ do chính sách thu đổi các sắc phong thần của triều Nguyễn sau khi Gia Long phục quốc nhằm chính thống hóa quyền lực của mình kể cả về thần quyền. Thời Tự Đức, Đại Càn tứ vị được phong sắc 2 lần, 1 lần gia phong mỹ hiệu và 1 lần đăng trật, hai lần cách nhau 30 năm. Thời Thiệu Trị trước đó, chỉ trong vòng hơn một tháng từ 12 tháng tư đến 14 tháng năm đã có 2 lần Đại Càn được gia phong mỹ tự. Qua các lần sắc phong ta cũng thấy được về thứ bậc, Đại Càn tứ vị là vị thần được phong cấp thượng



đăng ngay từ lần phong đầu tiên, chứng tỏ sự quan trọng của tín ngưỡng thờ Đại Càn Nam Hải tứ vị - những vị thần biển, trong đời sống tinh thần của cư dân.

Về lai lịch của những vị thần này đến nay rất ít người nắm rõ. Một số người cho biết Đại Càn có gốc ở cửa Cờn vùng Diễn Châu, Nghệ An. Một số bản khai của các làng cũng kể rằng “*bà này gốc ở bên Tàu không biết phạm tội gì mà bị vua cha thả trôi trên biển cùng với 2 người con gái. Về sau lại có một ông hòa thượng chết theo với ba người này. Sau xác 4 người này giạt vào cửa biển Nhật Lệ, Quảng Bình. Đến đời Gia Long phục quốc hiện lên giúp vua có công nên được phong thần...*”. Câu chuyện này có những nét giống với ghi chép của Dương Văn An trong Ô Châu cận lục khi viết về đền Tứ vị thánh nương ở Diễn Châu. Trong đó Dương Văn An ghi lại hai thuyết về tục thờ Đại Càn. Một thuyết cho rằng Đại Càn gồm 4 mẹ con, đều là gái người Nam Tống bị nạn chết trên biển xác trôi vào cửa Cờn (Càn). Một thuyết khác ghi Đại Càn là 2 mẹ con thuộc dòng dõi Hùng Vương, do bị kẻ thù ám hại nên bị đẩy ra biển đến cửa Cờn thì chết. Cho dù nguồn gốc thế nào thì Đại Càn quốc gia Nam Hải cũng là những vị thần biển - hải thần được

người dân ở nhiều địa phương có biển kính ngưỡng, thờ phụng: “*Những khách buôn bán xa gần qua cửa Cờn gặp sóng gió, ghé thuyền khăn vái cầu đảo đều được bình an. Đến nay các cửa biển đều có lập đền thờ, Đây là những vị*

thần phù trợ rất linh thiêng ở vùng biển Nam...”¹. Ghi chép của Dương Văn An có hai điểm cần lưu ý, đó là việc cho rằng Đại Càn tứ vị là những vị thần rất linh thiêng ở vùng biển Nam. Điều này góp phần lý giải vì sao cư dân nhiều địa phương lại thờ những vị thần này làm chủ thần - vị thần lớn nhất, đứng đầu trong các thần được thờ. Và việc những khách buôn gần xa ghé vào khăn vái cầu đảo chứ không phải chỉ là những người đi biển đánh cá, điều này cho thấy có thể đây là vị thần của dân đi buôn bằng đường biển. Ghi chép này phù hợp với thực tế khi tại Hội An các làng đi buôn, van ghe buôn đều thờ Đại Càn làm chủ thần, trên các ghe buôn, ghe bầu luôn có khám thờ vị thần này để cầu mong hành thương được bình an, đắc lợi.

2. Thái Giám Bạch mã

Để thấy được mức độ phổ biến của việc thờ thần Bạch Mã, dựa vào Bản khai phon - clo (folklore) của các làng xã Việt Nam, phần Hội An, Quảng Nam, do Viễn Đông Bác cổ học viện thực hiện năm 1943². Chúng tôi tổng

¹ Dương Văn An, Ô Châu cận lục, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2009, tr 97.

² Bản sao tài liệu này hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

hợp số sắc phong thần của các làng/xã ở Hội An như sau:

T T	Tên làng/xã	Tổng số sắc phong	Số sắc phong Bạch Mã	Niên đại của các sắc phong Bạch Mã
01	Phường Cẩm Phô	27	6	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
02	Phường Sơn Phong	23	Không	
03	Phường Minh Hương	33	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
04	Xã An Mỹ	18	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
05	Xã Thanh Đông	21	4	Tự Đức 5 (1852) đến Duy Tân 3 (1909)
06	Xã Sơn Phô	19	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
07	Phường Điện Hội (Hội An)	22	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
08	Xã Thanh Hà	27	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
09	Xã Đế Võng	17	7	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)

10	Xã Thanh Nam	20	Không	
11	Làng Tân Hiệp	18	Không	
12	Miếu Hội Đông Tĩnh ở Cẩm Phô	111	3	Minh Mạng 5 (1824) đến Thiệu Trị 3 (1843)

Như vậy, chúng ta thấy rằng có đến 8/11 làng/xã ở Hội An ghi trong bản khai có sắc phong thần Bạch Mã trong số các sắc phong thần của làng, chiếm tỷ lệ 73%. Tuy nhiên chúng ta cũng cần lưu ý rằng các làng không có sắc Bạch Mã không có nghĩa là cư dân của làng đó không có hình thức tín ngưỡng này. Nhìn rộng ra trong bối cảnh cả tỉnh Quảng Nam, ta thấy nhiều địa phương từ miền núi cho đến trung du, châu thổ cửa sông ven biển cũng có tục thờ thần Bạch Mã¹. Ngay tại miếu Hội Đồng tỉnh (*nay đã mất*) cũng thờ thần Bạch Mã với sắc phong có niên đại khá sớm (1824). Thần Bạch Mã thường được thờ chung với Đại Càn tứ vị thánh nương, Thiên - y - a - na Chúa Ngọc và một số vị thần khác tại các đình làng. Tuy nhiên do tính chất đặc biệt về tín ngưỡng nên một số địa phương đã dựng nên những ngôi miếu để thờ riêng vị thần này và gọi bằng một cái tên dân gian là miếu ông Thái giám. Hiện nay ở Thanh Hà có ba miếu Thái Giám Bạch Mã, một ở Nam Diêu, một ở Thanh Chiêm và tại Bàu Súng hiện vẫn còn một miếu Thái Giám. Tại Cẩm Phô trước đây cũng có hai miếu Thái Giám cúng mỗi năm hai kỳ

^{1, 4} Theo bản khai Phôn - clo đã dẫn

vào 13/01 và 11/8 (âm lịch)¹. Hiện nay hai miếu này không còn. Ở Cẩm Kim hiện cũng còn một miếu Thái Giám nhỏ. Ngoài ra ở các địa phương khác chắc rằng cũng có một số miếu Thái Giám nhưng đến nay không còn dấu vết do vật đổi sao dời và không được ghi chép trong tư liệu thư tịch.

Nhìn vào bảng kê các sắc phong thần Bạch Mã ở Hội An ta thấy nổi lên một số vấn đề cần quan tâm. Về niên đại, các sắc phong này có niên đại sớm nhất được biết cho đến nay là vào năm Minh Mạng 5 (1824) hoặc Minh Mạng 7 (1826). Đây cũng là niên đại sớm nhất của các sắc phong thần khác hiện tồn ở Hội An. Không tìm thấy ở Hội An các sắc phong thần Bạch Mã nói riêng, các vị thần khác nói chung có niên đại thời Lê, thời các chúa Nguyễn hoặc thời Tây Sơn. Tình trạng này có lẽ là hệ quả của sự bất ổn về chính trị qua sự thay đổi của các triều đại phong kiến ở Đàng Trong thời phân tranh, trong đó có thể có cả việc thu đổi, thu huỷ các sắc phong thần của triều sau đối với triều trước nhằm chính thống hoá vương quyền và thần quyền, nhất là vào triều Nguyễn sau khi Gia Long phục quốc.

Cũng qua bảng kê chúng tôi thấy có sự không thống nhất trong các sắc phong thần Bạch Mã ở các làng/xã về niên đại bắt đầu và danh hiệu gia phong. Căn cứ vào danh hiệu và thời điểm gia phong dường như có một sự phân vân không thống nhất trong cách nhìn nhận vị thần này của triều Nguyễn vào những thời điểm nhất định. Sự phân vân này thể hiện ở sự khác nhau của hai nhóm sắc phong Bạch Mã. Một nhóm có thời điểm bắt đầu vào năm Minh Mạng 7

(1826) của các làng/xã Hội An, Thanh Hà, Đẽ Vông. Thời điểm gia phong thần Bạch Mã của các làng này trùng nhau cả về ngày, tháng, năm. Nhóm còn lại có thời điểm bắt đầu vào năm Tự Đức 5 (1852) và thời điểm gia phong cũng trùng nhau ở các làng/xã Minh Hương, Cẩm Phô, An Mỹ, Thanh Đông, Sơn Phô.

Đây là danh hiệu, mỹ tự, thời điểm gia phong của sắc phong thần Bạch Mã các làng/xã Hội An, Thanh Hà, Đẽ Vông:

TT	Danh hiệu	Mỹ tự gia phong	Thời gian phong
01	Thái giám Bạch Mã chi thần	Lợi Vật	17/9/1826
02	Lợi Vật, Bạch Mã chi thần	Kiên Thuận	12/4/1843
03	Lợi Vật, Kiên Thuận, Bạch Mã chi thần	Hòa Nhu	14/5/1843
04	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Bạch Mã chi thần	Đoan Túc	25/9/1850
05	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Bạch Mã chi thần	Đấng trật, không phong mỹ tự	24/11/1880
06	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Bạch Mã chi thần	Dực Bảo Trung Hưng	01/7/1887
07	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Dực Bảo Trung Hưng, Bạch Mã chi	Đấng trật, không phong mỹ tự	11/8/1909

	thần		
08	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoàn Túc, Dục Bảo Trung Hưng, Thái giám Bạch Mã tôn thần	Hàm Quang, thượng đẳng thần	25/7/1924

(Xã Đẻ Vồng không có đạo sắc năm 1887, nên chỉ có 7 đạo Bạch Mã, các xã Hội An, Thanh Hà mỗi xã 8 đạo Bạch Mã như bảng kê)

Như vậy nhóm thứ nhất chúng ta thấy rằng danh hiệu đầy đủ của vị thần này là Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoàn Túc, Hàm Quang, Dục Bảo Trung Hưng Thái Giám Bạch Mã, Thượng đẳng thần. Tuy nhiên, phẩm trật Thượng đẳng thần mãi đến đời Khải Định 9 (1924) mới được phong. Trước đó thì thần Bạch Mã không có phẩm trật cao và chúng ta cũng thấy rằng chỉ vào thời Minh Mạng và Khải Định thì danh hiệu Thái Giám mới được sử dụng kèm với Bạch Mã.

Ở nhóm thứ hai, gồm sắc phong của các làng/xã An Mỹ, Cẩm Phô, Thanh Đông, Sơn Phô, Minh Hương, tình trạng như sau:

TT	Danh hiệu	Mỹ tự gia phong	Thời gian phong
01	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu Bạch Mã thượng đẳng thần	Hàm Quang	2/11/1852
02	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Hàm Quang, Bạch	Đặng trật, không phong mỹ tự	24/11/1880

	Mã thượng đẳng thần		
03	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Hàm Quang, Bạch Mã thượng đẳng thần	Dục Bảo Trung Hưng	01/7/1909
04	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Hàm Quang, Dục Bảo Trung Hưng, Bạch Mã thượng đẳng thần	Đặng trật, không phong mỹ tự	11/8/1909
05	Thái giám Bạch Mã tôn thần	Hàm Quang Dục Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần	18/3/1917
06	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Hàm Quang, Dục Bảo Trung Hưng Thái giám Bạch Mã thượng đẳng thần	Không phong mỹ tự, y cựu phụng sự	25/7/1924

(Mỗi làng/xã có 5 đạo sắc Bạch Mã, riêng Cẩm Phô có thêm 1 đạo năm 1917 nên thành 6 đạo, xã Thanh Đông không có đạo năm 1924 nên chỉ có 4 đạo)

Ở nhóm thứ hai ta thấy rằng, vào thời Tự Đức (1852), Bạch Mã đã được phong Thượng đẳng thần và có các mỹ tự là Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Hàm Quang. Các

đời sau chỉ gia phong thêm mỹ tự Dục Bảo Trung Hưng để có tên đầy đủ Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chương, Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang Dục Bảo Trung Hưng Thái giám Bạch Mã thượng đẳng thần. Và ở đây, cũng vào thời Khải Định thì danh hiệu Thái giám mới được sử dụng kèm với Bạch Mã chứ trước đó thì không có.

So sánh hai nhóm ta thấy danh hiệu của vị thần này có sự khác nhau ở một số mỹ tự. Ở nhóm một có mỹ tự Lợi Vật, Đoan Túc, ở nhóm hai có mỹ tự Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chương. Còn lại, các mỹ tự khác thì giống nhau (*Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang, Dục Bảo Trung Hưng*). Sự khác nhau này cho thấy dường như có một sự không minh định rõ ràng về lai lịch vị thần này ở những người có trách nhiệm trong việc phong tặng. Lý do của tình trạng này chúng ta sẽ tìm hiểu ở các phần sau.

Triều đình trung ương thì như vậy còn dân gian ở các địa phương tình hình cũng không khá hơn. Tất cả Hội đồng hương chính các làng/xã kể ở trên đều không nắm rõ lai lịch vị thần Bạch Mã và trả lời rằng việc thờ tự là do triều đình có sắc phong thì phải thờ (?) chứ không biết lý do. Thực tế này dẫn đến một cách hiểu mang tính thông tục khi cho rằng Bạch Mã là con vật đỡ chân của Thành Hoàng. Vì vậy tại các địa điểm thờ Thành Hoàng hoặc Thổ Địa thường có vật cúng là tượng ngựa trắng hoặc ngựa đỏ. Thật ra đây là một cách hiểu sai lệch. Khảo qua các sắc phong, thần Bạch Mã luôn có phẩm trật cao hơn Thành Hoàng. Khi Bạch Mã đã chính danh Thượng đẳng thần thì Thành Hoàng mới được gia phong là Trung đẳng thần. Thành Hoàng luôn là vị thần đứng đằng sau Bạch Mã trong ngôi thứ,

phẩm trật phong thần thể hiện qua các sắc phong ở Hội An và có lẽ cũng giống như thế ở nhiều địa phương khác.

Vậy thì, Bạch Mã là vị thần như thế nào mà lại được sùng tín, thờ tự một cách rộng rãi ở nhiều địa phương tại Hội An, Đà Nẵng và nguyên gốc của vị thần này xuất phát từ đâu?

Để tìm hiểu vấn đề mấu chốt này có lẽ chúng ta phải bắt đầu với hình tượng - biểu tượng ngựa trắng trong văn hóa phương Đông. Trong văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, ngựa trắng là biểu tượng của việc truyền bá đạo Phật và hộ trì Phật pháp, bảo vệ các chùa tháp Phật giáo. Người Trung Hoa có câu: “*Trâu xanh qua Tây phương, Ngựa trắng sang Đông Thổ*” để chỉ việc phổ biến Đạo giáo sang Ấn Độ và truyền bá Phật giáo qua Trung Hoa. Hình tượng những con ngựa trắng lưng thò những hòm kinh sách là biểu tượng của việc phổ biến kinh sách Phật giáo từ Ấn Độ sang Trung Hoa.

Ở nước ta, ngôi đền Bạch Mã trấn phía Đông kinh thành Thăng Long xưa cũng gắn với truyền thuyết về việc vua Lý Thái Tổ theo dấu chân ngựa trắng mà xây nên kinh thành và từ đó ngôi đền thờ Thành Hoàng Thăng Long mang tên là đền Bạch Mã¹.

Một truyền thuyết - Phật thoại về ngựa trắng của Phật giáo Ấn Độ cần được quan tâm và có lẽ đây là truyền thuyết có quan hệ đến tục thờ Bạch Mã ở Hội An nói riêng, Đà Nẵng nói chung. Trong Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh, một bộ kinh chữ Phạn của Ấn Độ về cuộc đời của bồ tát Avalokitesvara (*Quan Thế Âm bồ tát*) có

¹ Quốc Sử quán triều Nguyễn (1997), Đại Nam Nhất thống chí, tập 3, NXB Thuận Hóa, tr 210 -211

một đoạn kể về một tiền kiếp của bồ tát Quan Thế Âm lúc đó là một con ngựa thần màu trắng có cánh tên là Balaha đã giải cứu hoàng tử Sinhala, tiền thân Phật Thích Ca, khi ngài cùng các khách thương bị nạn trên biển¹.

Một Phật thoại Ấn Độ được dịch sang tiếng Việt có tên: “*Một cuộc chiến thắng vinh dự*” kể về tiền kiếp của Phật Thích Ca, khi đó là Sinhala con một lái buôn giàu có. Sinhala đã dẫn 500 lái buôn ra khơi và gặp nạn trên biển. Nhờ một con ngựa thần màu trắng bay được tên là Balaha mà Sinhala đã thoát khỏi nanh vuốt của bọn quỷ Dạ xoa và trở về đất liền².

Như vậy một số kinh điển Phật giáo cổ Ấn Độ đã ghi lại lai lịch con ngựa trắng Bahala vốn là hóa thân của bồ tát Quan Thế Âm gắn với công đức, công tích cứu nạn trên biển, đặc biệt là cứu các thương nhân, thủy thủ gặp nạn khi đi lại buôn bán bằng đường biển. Có lẽ do công tích này mà thần Bạch Mã - một dạng Việt hóa của ngựa thần Balaha đã được thờ tự phổ biến ở Hội An cũng như ở những địa phương có hoạt động đi lại buôn bán, hành nghề trên biển bằng ghe thuyền. Tại chùa Quan Âm (*Quan Âm phật tự, Minh Hương phật tự*) ở Hội An, trong một bàn thờ may mắn còn sót lại một đồ án trang trí hình con ngựa có cánh đang sải bước/bay trên những đám mây hình cánh sen rất sinh động. Chúng tôi cho rằng đây chính là đồ án thể hiện ngựa thần Balaha hoá thân của bồ tát Quan Thế Âm. Một đồ án trang trí khiêm tốn nhưng là dấu vết quan trọng chứa đựng thông tin về nguồn gốc của

tín ngưỡng thờ thần Bạch Mã còn sót lại ở Hội An rất đáng lưu ý.

Tuy nhiên ở đây dường như cư dân Việt không tiếp thu trực tiếp hình thức thờ Bạch Mã từ Ấn Độ mà thông qua một khâu trung gian là người Chăm. Người Chăm vốn là những nhà hàng hải giỏi và họ tiếp xúc với văn hóa, văn minh Ấn Độ khá sớm. Có thể người Chăm ở duyên hải miền Trung với truyền thống giao thương buôn bán bằng đường biển của mình đã tiếp thu hình thức thờ ngựa thần Balaha từ Ấn Độ để phổ biến rộng rãi tại địa phương - tương tự các vua Campuchia thời trung đại đã dựng tượng ngựa thần Balaha - hóa thân của bồ tát Quan thế Âm tại ngôi đền Neak - Pean thuộc Angkawat³.

Và đến lượt mình, các cư dân Việt, đặc biệt là những người làm nghề buôn bán trên biển đã tiếp thu hình thức thờ tự này từ người Chăm. Điều này lý giải tại sao việc thờ thần Bạch Mã phổ biến rộng rãi ở các địa phương ven biển miền Trung và Nam Bộ, nơi trước đây có cư dân Chăm sinh sống⁴.

Quay trở lại việc khác nhau của các mỹ tự trong hai nhóm sắc phong Bạch Mã ở Hội An ta thấy rằng các sắc phong thời Minh Mạng đã dùng mỹ tự Lợi Vật để gia phong vị thần này. Lợi Vật (*mang lại lợi ích*) là một mỹ tự gắn với hoạt động buôn bán, tiền của. Đến đời Tự Đức lại ban phong các mỹ tự Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chương (*thật ra, trong sắc phong dùng từ “nguyên tặng” có nghĩa là trước đó đã có các mỹ tự này*). Đây là những mỹ tự thể hiện

¹ Chung - Fang - Yu, Bồ Tát Quan Thế Âm?, theo Leongda.20fr.com

² Thích Minh Chiếu, tuyển tập Truyện cổ Phật giáo, tập II-3, Internet

³ Phan Anh Tú, Hình tượng Lokesvara trong nghệ thuật điêu khắc cổ Đông Dương, T/c Xưa Nay, số 238, tháng 6/2005

⁴ Tạ Chi Đại Trường (2006), Thần, Người và Đất Việt, Nxb Văn hoá Thông tin, trang 247 -255

tính chất bảo hộ, che chở, ngăn ngừa tai hoạ. Cả hai cách nhìn nhận này đều liên quan đến công tích của ngựa thần Balaha là cứu nạn, che chở những người buôn bán bằng đường biển và có lẽ do tiếp thu lại từ người Chăm nên dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau về vị thần Bạch Mã như chúng ta đã thấy.

Còn một việc cũng cần làm sáng tỏ là tại sao thần Bạch Mã lại được/bị gắn thêm tên gọi là Thái Giám, vốn là từ để chỉ các hoạn quan. Lại phải quay về với hành trạng của Quan Thế Âm bồ tát. Do để cứu độ chúng sanh nên bồ tát Quan Thế Âm phải ở lại thế gian và hóa thân thành nhiều hình tướng khác nhau, nam có, nữ có không phân biệt giới tính. Con ngựa Balaha cũng vậy, không có giới tính. Để chỉ đặc điểm này, một số sắc phong triều Nguyễn đã dùng từ Thái Giám để gắn cho vị thần Bạch Mã đức cao vọng trọng (?). Cũng với quan niệm con ngựa trắng là không có giới tính nên cư dân Hội An có tục dùng tượng ngựa trắng để thờ vong linh các thai nhi bị mất khi còn nằm trong bụng mẹ, không rõ nam, nữ. Thật ra giữa thần Bạch Mã và tượng ngựa trắng này hoàn toàn khác nhau, một bên là một vị thần thượng đẳng còn một bên chỉ là đồ thờ, vật đồ chân...

Trải qua quá trình phát triển lịch sử và giao lưu - tiếp biến văn hóa sâu rộng, lâu dài, kể cả sự thay đổi về các cộng đồng chủ thể văn hóa từ người Chăm đến người Việt, hình thức thờ thần Bạch Mã - một vị thần gắn với hoạt động buôn bán trên biển đã có nhiều biến đổi so với nguyên gốc. Tuy nhiên, hình thức thờ tự này đến nay vẫn có sức sống bền bỉ, góp phần minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động giao thương buôn bán bằng đường biển

cũng như các hình thức tín ngưỡng liên quan đến biển từ nhiều nguồn gốc khác nhau tại Hội An nói riêng, xứ Quảng, Đông Nam Bộ nói chung.

3. Ông Ngư

Ông Ngư, ông Ngọc, ông Nam Hải là tên gọi dân gian của một vị thần biển, tên đầy đủ được ghi trong sắc phong là Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế, Chương linh, Trùng Trăm, Ưông nhuận, Dực bảo trung hưng trung đẳng thần. Vị thần này liên quan đến tục thờ cá, cụ thể ở đây là cá Voi được linh thiêng hóa thành vị thần biển có công cứu giúp những người gặp nạn trên biển. Tục thờ này được ghi chép cụ thể trong sách Gia Định thành thông chí vào thế kỷ 19: “... *Tượng ngư, cá voi. Đầu tròn, nơi trán có lỗ phun nước ra, miệng mũi giống như con voi, trơn láng, không vảy, đuôi có hai chi giống đuôi tôm, tánh từ thiện biết cứu người nên nhà ngư nghệ thường gọi là nhân ngư. Hay đuổi các thứ cá vào lưới, gặp thuyền đi biển bị chìm úp, cá này thường đưa người vào bờ. Dân miền biển kính lễ, thấy cá trôi dạt, dân chài thường góp tiền mua vãi, hòm liệm chôn. Người trưởng trong ngư hộ đứng làm tang chủ, cất liệm phụng sự. Tự điển nhà vua phong làm Nam Hải tướng quân vì ở vùng Nam Hải thì được linh ứng còn ở biển khác thì không linh*”¹.

Tương tự các vị thần được nêu ở trên, sắc phong Nam Hải cự tộc Ngọc Lân còn lại có niên đại sớm nhất vào thời Minh Mạng 5 (1824) và Minh Mạng 7 (1826). Thời điểm gia phong mỹ hiệu cũng trùng với các vị thần khác.

¹ Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Sài Gòn xuất bản 1972, tập hạ, tr 58.

TT	Tên hiệu	Gia phong	Niên đại
01	Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm tôn thần	Từ Tế	11/2 Minh 5 Mạng (1824) hoặc 17/9 Minh 7 Mạng (1826)
02	Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Từ tế tôn thần	Chương linh	12/4 Thiệu Trị 3 (1843)
03	Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Từ tế Chương linh tôn thần	Trợ tín	14/5/ Thiệu Trị 3 (1843)
04	Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Từ tế, Chương linh, Trợ tín tôn thần	Trùng Trám	25/9 Tự Đức 33 (1878)
05	Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Từ tế, Chương linh, Trợ tín, Trùng Trám tôn thần	Dực bảo trung hưng	8/6 Duy Tân 5 (1911)
06	Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Từ tế, Chương linh, Trợ tín, Trùng Trám Dực bảo trung hưng tôn thần	Uông nhuận trung đẳng thần	25/7 Khải Định 9 (1924)

Do tín ngưỡng này nên dân biển địa phương không gọi cá Voi là cá mà gọi là Ông “*tại Bắc vi ngư tại Nam vi thần*”, “*sinh vi ngư, tử vi thần*”. Dựa vào đặc điểm hình dáng dân biển phân biệt thành ông Chuông, ông Bành, ông Nhông, ông Hồ, ông Phươn, ông Mực, ông Kim... Tại lăng ông Ngư Cù Lao Chàm hiện còn 13 bài vị ghi:

1/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm chủ tướng tôn thần; tứ nguyệt sơ tứ nhật chánh kỵ (*Cúng chính vào ngày 4/4 Âm lịch*).

2/ Phụng thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm ông Mực tôn thần.

3/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm quý nương tôn thần tọa vị, kỷ mùi niên bát nguyệt sơ bát nhật, bốn xã đồng tạo; Thập nhị nguyệt sơ bát nhật chánh kỵ.

4/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm đại tướng quân tôn thần.

5/ Phụng thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm ông Chuông tôn thần chi linh, thất nguyệt nhị thập lục thất nhật chánh kỵ, bốn xã đồng tạo.

6/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm đại tướng quân tôn thần, Bính Thân niên tam nguyệt sơ thập nhật.

7/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm ông Bành tôn thần, thập nhị nguyệt nhị thập cửu nhật chánh kỵ.

8/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm đại tướng quân, Quý Tỵ nhị nguyệt nhị thập tam nhật.

9/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm đại tướng quân tôn thần.

10/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm đại tướng quân tôn thần.

11/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm đại tướng quân tôn thần.

12/ Sắc Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm từ tế chi thần.

13/ Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm ông Hồ tôn thần.

Cũng do tín ngưỡng này nên người dân địa phương không bao giờ ăn thịt cá Ông. Họ cho rằng thịt cá Ông rất khác với thịt cá thông thường, khi chết ruồi

không bu lại và ai gặp được cá Ông lụy (*dân gian không bao giờ dùng từ “Ông chết” mà gọi là “Ông lụy”*) là người được ông chọn để gửi gắm thân phàm vì thế sẽ gặp nhiều may mắn trong hành nghề, được ông phù hộ giúp đỡ trong làm ăn, sinh sống. Vì vậy những người này cũng bịt tang, thực hiện các nghi thức tống táng Ông như người trưởng nam đối với cha.

Tại các địa phương làm nghề biển đều lập lăng Ông để thờ ông Ngư, hiện còn các lăng Ông ở thôn 5 Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cẩm Kim, An Bàng, Ngọc Thành. Một số khác đã bị sụp đổ do chiến tranh, thiên tai bão lụt. Vào các ngày kỵ Ông (*ngày phát hiện cá Ông chết đạt vào bờ*) hàng năm những người dân biển tổ chức cúng tế linh đình, trong lễ cúng có tổ chức hát bả trạo, hát bội hầu Ông. Vào dịp đầu mùa vụ đánh bắt hàng năm dân biển tổ chức lễ Cầu ngư tại lăng Ông, lăng Hội đồng để cầu mong một vụ mùa đánh bắt, hành thương đi lại trên biển được thuận lợi.

4. Lang Lại (Thát) nhị đại tướng quân: Tên dân gian gọi là ông Rái, tên trong sắc phong đầy đủ là Đông Nam sát hải Lang Lại nhị đại tướng quân Đông mẫn, Hoang nghị, Trừng Trạm, Uông nhuận, Dực bảo trung hưng chi thần. Về đẳng bậc thì đây là vị thần bậc thấp. Khung niên đại của các sắc phong hiện còn cũng nằm trong giai đoạn từ Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924). Một số người cao tuổi tại địa phương lý giải việc thờ tự này bằng câu chuyện liên quan đến vua Gia Long, trong lúc bôn tẩu trên biển đã nhờ 2 con rái cá dẫn đường để thoát khỏi sự truy sát của Tây Sơn vì vậy sau khi phục quốc đã phong cho 2 con rái cá này làm thần tuần biển. Thực ra đây là một cách lý giải dân gian

khi gán cho các vị thần được phong công trạng giúp vua Gia Long thoát nạn. Trong các sắc phong thời Minh Mạng thường ghi *“phụng, ngã Thế tổ Cao hoàng đế thống nhất hải vũ khánh bi thần nhân tứ kim quang thiệu hồng đồ”* (*Đức Thế tổ Cao hoàng đế ta thống nhất bờ cõi mang phúc đến hết thủy thần nhân, cơ đồ to lớn luôn tươi sáng rực rỡ*). Có lẽ do câu này mà người đời sau suy diễn là do có công với Thế tổ Cao hoàng đế (Gia Long) nên mới được phong. Thật ra đây là một cách chính thống hóa thần quyền bằng pháp quyền. Có thể một số hình thức thờ tự đã có từ lâu đời và nhà nước phong kiến triều Nguyễn đã chính thống hóa bằng sắc phong. Một điều đáng chú ý trong các sắc phong này là triều Nguyễn đã dùng từ *“hải vũ”* để chỉ bờ cõi, chứng tỏ những ông vua đầu triều Nguyễn rất xem nặng chủ quyền về mặt biển, xem biển là một phần quan trọng của lãnh thổ.

5. Ông Bích, ông Tứ: Tên đầy đủ ghi tại bài vị thờ hiện còn ở đình làng Tiên hiền ở Bãi Làng và miếu Tổ nghề Yến ở Bãi Hương Cù Lao Chàm là Phục ba đại tướng quân Tứ dương hầu quốc công; Phục ba đại tướng quân Bích sơn hầu quận công. Đây là 2 vị thần được sắc phong. Một bản sắc chép tay của làng Thanh Hà ghi danh phong của vị Tứ dương hầu là Tứ dương thành quốc Chiêu linh, Cẩm Ứng, Hoằng mô, Khuông hựu, Quang ý trung đẳng thần. Năm sắc phong là Tự Đức 5 (1852). Đến năm Đồng Khánh 2 (1886) được gia phong mỹ tự Dực bảo trung hưng. Như vậy tên đầy đủ được ghi trong sắc phong là Tứ dương thành quốc Chiêu linh, Cẩm ứng, Hoằng mô, Khuông hựu, Quang ý, Dực bảo trung hưng trung

đăng thần. Việc thờ ông Bích, ông Tứ liên quan đến truyền thuyết về Tam vị hoặc truyền thuyết Ông Cụt của làng Thanh Hà. Đây thực chất là những vị thần liên quan đến sóng gió, lốc tố, những hiện tượng thường xuyên xảy ra ở các vùng biển đảo. Trong đó, ông Bích, ông Tứ được dân gian nhìn nhận là những vị thần chế ngự sóng gió với danh hiệu là Phục ba đại tướng quân. Đây là những vị nhiên thần mang tính truyền kỳ gắn với ước mơ sóng yên gió lặng. Riêng ông Cụt chúng tôi không thấy sắc phong và trong dân gian người ta rất kiêng sợ vì ông thường gây lốc tố trong những lần từ Cù Lao Chàm về thăm mẹ ở Thanh Hà gây đổ gãy cây cối, sụp nhà cửa và chìm đắm tàu thuyền. Có lẽ đây không phải là vị phúc thần nên không có sắc phong (?).

6. Phi vận tướng quân: Đây là vị nhân thần được thờ làm thần biển ở nhiều địa phương ven biển miền Trung. Tên đầy đủ theo sắc phong là Hiền văn Tráng tiết Phương du, Khắc vọng Quang ý, Dực bảo trung hưng Kỷ Mùi khoa tiến sĩ Tùng giang Văn trung Phi vận tướng quân trung đẳng thần. Thần tích của vị thần này được Dương Văn An ghi lại trong Ô châu cận lục như sau: “... *Thần họ Nguyễn tên Phục người xã Tùng Giang, huyện Gia Phúc đời vua Lê Nhân Tông niên hiệu Thái Hòa, khoa Quý Dậu (1453) ông đậu đệ tam giáp tiến sĩ, làm quan Chuyển vận sứ, Hành khiển sứ đạo Thanh Hoa. Thuở vua Lê Thánh Tông chưa làm vua thì ông dạy cho vua học, nên khi vua tức vị, ông được cất nhắc lên chức Hàn Lâm Tham chương Viện sự, 3 lần đi sứ triều Minh, về làm Đại lý tự khanh lại kiêm chức Tri Binh chính viện tham nghị rồi làm Thân*

quân ty Cẩm y vệ Chỉ huy sứ ty Thiêm sự.

Khi vua đi đánh Chiêm Thành, ông phụng mệnh làm Phi vận tướng quân Chuyển vận đội Tán lý, khi đến cửa biển Tư Dung (nay là Tư Hiền) bị sóng to gió lớn trở ngại không đi được, chúng quân đều sợ tội xin đi, ông nói: Thà để một mình ta cam chịu 3 thước guơm, chứ ta không nỡ đem kho gạo lúa hữu hạn và nhân mạng vô tội vất bỏ một cách khinh dễ vào trong chỗ sóng cuồng gió lớn chôn đầy bụng cá. Vì vậy mà phải đậu thuyền hoãn đợi nên việc chuyển lương bị trễ nải.

Vua nổi giận tống giam ông vào ngục, lại có bọn cung nhân, cận thần gièm pha nên vua mới sai xử tử ông. Sau đó vua hối hận, xuống chiếu tha tội thì ông không còn nữa. Ông tuy mất nhưng rất hiển linh, nhân dân các nơi trong xứ đều lập đền miếu thờ ông. Niên hiệu Cảnh Thống (1498-1504) đời Lê Hiến Tông truy tặng “Văn Trung chính nghị”, triều Mạc phong thêm 4 chữ “Minh Đạo Hiền Ứng”...”

Phi vận tướng quân được phối thờ ở nhiều đình làng tại Hội An như đình Tân Hiệp, Thanh Hà, Sơn Phong, Cẩm Phô, Thanh Đông... Trong đó một số làng có sắc phong. Đền thờ của ông cũng được dựng ở một số địa phương ven biển miền Trung, ở một số cửa biển như Tư Hiền, Đà Nẵng. Đây là vị nhân thần liên quan đến vận tải đường biển, là vị phúc thần của dân biển miền Trung.

7. Thiên Hậu thánh mẫu: Đây là vị nữ thần biển có gốc Nam Trung Hoa được người làng Minh Hương và Hoa Kiều ở Hội An cũng như ở nhiều địa phương khác trong cả nước thờ làm vị thần bảo hộ về đường biển. Tại Hội An,

Thiên Hậu được thờ chính ở Dương Thương hội quán (Trung Hoa hội quán), Phúc Kiến hội quán, Minh Hương Tụ Tiên đường, phối thờ ở Hải Nam hội quán, Triều Châu hội quán, Quảng Đông hội quán. Ngoài ra hình thức thờ Thiên Hậu cũng ảnh hưởng đến đời sống tín ngưỡng của những người làm nghề biển tại địa phương với sự có mặt của vị thần này trong hệ thống thờ tự của người Việt tại một số làng xã như Cẩm An, Đê Vông. Điều này cho thấy có sự giao lưu - tiếp biến về tín ngưỡng biển giữa cộng đồng người Việt và người Hoa ở Hội An. Trên các ghe buôn của Hoa kiều, người làng Minh Hương luôn có khám thờ Thiên hậu để cầu mong thuận buồm xuôi gió làm ăn hanh thông.

Tiểu sử của Thiên Hậu được khắc trên linh vị ở Hội quán Phước Kiến được dịch ra tiếng Việt như sau: “*Thiên Hậu người Bồ Điền, tỉnh Mân (Phúc Kiến). Ông tăng tổ là Bảo Kiết công, họ Lâm. Thờ Châu, tổ 5 đời làm chức Thống lĩnh binh mã sứ. Về ở ẩn tại cảng Hiền Lương ở Hải Tân. Tổ ngài làm chức Tổng quản ở Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến nói đến đời cha Duy Ý công và mẹ là Vương thị. Sinh ngài năm đầu Kiến Long nhà Tống ngày 23 tháng 3. Khi sinh có nhiều điều thần dị. Lên 13 tuổi gặp vị đạo sĩ cho ngài “Linh trung bí pháp”. Năm 16 tuổi dìm xuống giếng được đạo bà “Thông hiền linh nữ”. Thêm 13 năm sau (29 tuổi) tiết trùng cửu (9/9 âm lịch) lên núi My Châu và giữa ngày bay lên trời. Sau đó giúp nước cứu dân linh hiển rõ ràng có nhiều thánh tích. Đời Tống gia phong ngài là “Linh Huệ phu nhân”. Qua các đời Nguyên, Minh nhiều lần phong “Thiên Phi”. Đời Khang Hy sắc phong Thiên Hậu. Đời Ung Chánh chuẩn cho các*

tỉnh được ký tế xuân thu. Từ Càn Long đến Gia Khánh đều gia phong và truy phong cho cha là Tích Khánh công và mẹ là Tích Khánh phu nhân được thiết lập bia phía sau điện để ký tế”.

8. Quan Âm bồ tát: Đây là một vị bồ tát của Phật giáo có chỗ đứng quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của cư dân địa phương nói chung, những người hành nghề trên biển nói riêng. Do gắn với công tích cứu nạn trên biển nên Quan Âm bồ tát được dân biển đặc biệt là dân buôn đường biển kính ngưỡng và thờ làm vị bồ tát bảo hộ tai nạn trên biển. Tại Hội An trước đây có Quan Âm đường là một địa điểm thờ tự lớn của dân buôn đường biển và những người đi biển. Trong các chùa tại Hội An đều có điện thờ Quan Âm, điều này cho thấy ảnh hưởng sâu rộng của tín ngưỡng Quan Âm Nam Hải cứu khổ cứu nạn trên biển. Người dân địa phương lưu truyền tín niệm cho rằng một số vị thần như Đại Càn, Thiên Hậu, Ông Ngư cũng chính là hóa thân của Quan Âm bồ tát. Trên các thuyền buôn người ta thường lập một khám thờ Quan Âm để cầu mong thuận buồm xuôi gió, tai qua nạn khỏi.

Ngoài các vị thần, bồ tát kể trên, tại địa phương còn có một số hình thức thờ tự liên quan đến một số loài vật biển khác thường, thậm chí là mối nguy hiểm đối với con người. Việc thờ tự này nhằm cầu mong sự yên ổn, bình an trong quá trình hành nghề và thường không có sắc phong. Tại Cù Lao Chàm hiện vẫn còn một ngôi miếu bà Mộc, dân địa phương hiện không rõ thờ bà nào nhưng qua khảo sát thì đây có thể là miếu thờ Mộc trụ thần xà, một loài đến biển♦

ĐÌNH CẨM PHÔ

Lệ Xuân

Theo một số tư liệu cho biết, làng/xã Cẩm Phô có niên đại xuất hiện cuối thế kỷ XV, với các tộc tiền hiền: Huỳnh, Trần, Lê, Nguyễn. Nghề nghiệp chủ yếu của cư dân làng Cẩm Phô lúc đó là nông nghiệp, buôn bán và buôn ghe bầu¹.

Trong Ô Châu cận lục của tác giả Dương Văn An viết vào năm 1553, khi liệt kê tên 66 xã của huyện Điện Bàn, trong đó có đề cập đến làng/xã Cẩm Phô. Hay như trong Hải ngoại kỷ sự của thiền sư Thích Đại Sán đến Hội An năm 1695, có nói về vị trí của làng Cẩm Phô: *“Vị Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập trung của khách hàng các nước; thẳng bờ sông một con đường dài ba bốn dặm gọi là Đại Đường Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy là người Phúc Kiến... Cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phô”*².

Qua một số tư liệu hồi cổ dân gian, địa bàn phân bố của làng Cẩm Phô trước đây khá rộng, bao gồm nhiều vùng đất của phố Hội An xưa. Từ thế kỷ XIX trở về trước, làng Cẩm Phô có chiều dài từ cổng Ông Đá đến Cồn Chài, chiều rộng từ Trường Lệ đến Cẩm Nam. Làng Cẩm Phô có 7 ấp: Tu Lễ, Trường Lệ, Xuân Lâm, Xuân Mỹ, Chương Phô, Trung

Gian hạ, Trung Gian thượng và 3 châu: Hà Trung, Xuyên Trung, Châu Trung.

Năm 1946, chia tách làng Cẩm Phô thành Cẩm Phô và Tam Châu, Cẩm Phô thuộc khu II, Tam Châu thuộc khu IV. Năm 1949, Cẩm Phô thuộc khu Hội Thành, Tam Châu thuộc khu Hội Hà. Năm 1951, Cẩm Phô thuộc khu nội ô, Tam Châu thuộc khu Nam. Từ năm 1954-1975, đổi thành thôn Cẩm Phô, xã Hội An và Tam Châu lập thành xã Cẩm Nam. Sau năm 1975 đến nay là phường Cẩm Phô và phường Cẩm Nam³.

Gắn liền với quá trình di dân lập làng xã ở Hội An, đình làng là trung tâm tổ chức các hoạt động xã hội, văn hóa, tín ngưỡng dân gian của làng cũng được hình thành. Vì thế, cùng với sự ra đời của làng Cẩm Phô, đình Cẩm Phô là một trong những ngôi đình được hình thành tương đối sớm ở Hội An.

Đình Cẩm Phô hiện nay, tên chữ là Cẩm Phô Hương Hiền, đình tọa lạc tại số 52 Nguyễn Thị Minh Khai. Thời Pháp thuộc, đường Nguyễn Thị Minh Khai có tên là Rue Khải Định.

Theo một số cụ cao niên cho biết, trước đây, đình của làng Cẩm Phô được xây dựng ở Cẩm Nam, về sau do bị xói lở nên dời về địa điểm hiện nay. Vì vậy, hiện nay đến dịp cúng tế xuân thu nhị kỳ, một số cụ cao niên của phường Cẩm

¹ Nguyễn Chí Trung, Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử, Nxb Đà Nẵng, năm 2010, trang 67.

² Thích Đại Sán, Hải ngoại Ký sự, Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, 1963, trang 154.

³ Nguyễn Chí Trung, Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử, Nxb Đà Nẵng, năm 2010, trang 67.

Nam vẫn về đình Cẩm Phô để tham dự lễ cúng theo thường lệ.

Trước đây, đình là nơi thờ Thành Hoàng cùng các vị Thần bảo hộ cộng đồng cư dân của làng. Đến đầu thứ kỷ XX, sau lần tu bổ lớn vào năm Thành Thái thứ 9 (1897), kết hợp thờ các vị tiền hiền và hậu hiền của làng Cẩm Phô. Theo thông lệ từ xưa đến nay, hàng năm, cư dân làng Cẩm Phô tổ chức hai kỳ lễ lớn vào mùa xuân và mùa thu (vào ngày 15, 16 tháng giêng và 15, 16 tháng 8 âm lịch) nhằm cúng tế Tiền hiền, các vị Thần bảo hộ của làng và cầu mong sự bình an, làm ăn phát đạt cho cả cộng đồng cư dân địa phương. Vào dịp này, trước đây, các sinh hoạt văn hóa truyền thống như rước Long Chu, hát bộ, xô cộ... cũng được tổ chức linh đình, trang nghiêm. Đặc biệt, vào ngày rằm tháng giêng hàng năm, dân làng tổ chức cúng tế và rước Long Chu rất bài bản, long trọng. Bên trong Long Chu, ngoài đặt lễ vật còn có củi dương liễu và có ông thầy phủ thủy ngồi trên Long Chu. Long Chu được các dân khiêng, khiêng chạy quanh các ấp trong làng, nhưng khi đến ấp nào thì người dân của ấp đó khiêng. Đối với các gia đình trong làng, khi nghe Long Chu chạy ngang qua nhà thì đốt pháo, lấy roi dâu quất khắp nơi trong nhà để đuổi tà và thấp hương trước ngõ, nhằm mục đích tống những điều xấu trong nhà để Long Chu rước đi, cầu mong sự bình an, tốt đẹp cho gia đình. Tôi đến xem chiếc Long Chu ra giữa sông đốt và đánh 3 hồi mõ, gọi là mở đầu năm (Điều này cũng được nhắc đến trong bản khai về làng xã ở Quảng Nam, năm 1943 của Viện Viễn Đông Bác Cổ).

Nhưng hiện nay một số tập tục trong rước Long Chu và hát bộ, xô cộ đã không còn được duy trì. Thỉnh thoảng,

cộng đồng cư dân có tổ chức rước Long Chu nhưng không bài bản và quy mô như trước đây.

So với những ngôi đình làng hiện tồn tại Hội An, đình làng Cẩm Phô có quy mô kiến trúc rất bề thế, rộng rãi, với không gian thoáng mát. Đình xây về hướng Đông - Nam, có tổng diện tích 1.125m², kiến trúc kiểu chữ “quốc”.

Để vào ngôi đình phải qua một cổng tam quan, trên tam quan là hình hai búp sen nở và hai quả cầu lớn. Dưới ghi: “Cẩm Phô Hương Hiền”, trụ tam quan có câu đối Hán tự: “Cẩm tú giang sơn khai khẩn khai cơ thiên tải tại, Phô trương công đức phỉ thừa phỉ hiển vạn niên xuân”.

Tiếp nối tam quan là một lư hương lớn, hai bên có hai bình cao được quét vôi màu vàng. Đi qua một khoản sân rộng 20m là đến một phương đình hay còn gọi tiền đình. Tiền đình được xây dựng kiểu 4 mái. Trên hệ mái trang trí hình rồng cách điệu rất sắc sảo. Ở giữa có bức hoành chữ Hán “Hương Hiền từ”, lạc khoản ghi “Thành Thái đình đậu mạnh hạ, bốn xã đồng tạo”. Tại tiền đình có 2 cặp câu đối, cặp câu đối ở ngoài ghi: “Lễ lạc uy nguy kính như thần tại. Âu ca cổ vũ lạc tại nhân hòa”. Cặp câu đối ở trong “Hữu khai tất tiên công đức hiển ư thế. Khắc xương quyết hậu tinh thần hách tại thiên”. Bên trong, có 6 bông trính trang trí ở mỗi đầu trính, các con ke bằng gỗ hình cuốn thư, đôi, bát bửu được chạm trổ rất đẹp, với bố cục và trang trí tạo nên không gian đón tiếp khách rất bề thế, uy nghiêm của tiền đình.

Nối tiếp tiền đình là chính điện gồm 3 gian 2 chái, mỗi gian được ngăn cách bởi những hàng cột và hệ tường



Gian thờ tự đình Cẩm Phô

cao giáp nóc đồng thời tạo thành 3 lối đi hình bán nguyệt. Bờ nóc trang trí hình lưỡng long châu nhật nguyệt. Mái lợp ngói âm dương. Nhìn chung, đình đã qua nhiều lần tu sửa nhưng dáng dấp xưa vẫn còn giữ được.

Bên trong chính điện có 6 bức hoành bằng gỗ, chữ màu vàng trên nền màu đỏ, được đặt trên 2 cây trính gỗ. Bức hoành bên ngoài ở gian chính giữa: “*Khuôn xã tắc*”, hai bên ghi “*Long phi tuế thứ Kỷ Mùi. Mạnh đông cát đán cung lập*”. Bức hoành bên trong: “*Hộ quốc tế dân*”, bên phải ghi: “*Duy Tân Mậu Thân trọng thu cát đán*”.

Bức hoành ở ngoài gian bên phải chính điện (từ ngoài nhìn vào): “*Kính khả tôn*”, hai bên “*Thành Thái Đình Dậu mạnh hạ. Đông phái tây phái đồng phụng cúng*”. Bức hoành bên trong: “*Tôn vu thành*”, hai bên: “*Thành Thái quý mảo thu. Mậu tài xã phụng cúng*”.

Ở gian bên trái chính điện (từ ngoài nhìn vào), bức hoành bên ngoài ghi “*Giám kỳ đức*”, hai bên “*Thành Thái quý mảo thu. Tu mỹ tứ chí lân phụng cúng*”. Bức hoành bên trong: “*Tham thiên tán hóa*”, bên phải ghi “*Thành Thái quý mảo thu*”.

Với những bức hoành trên còn lưu giữ lại trong di tích góp phần làm tăng thêm giá trị lịch sử cũng như giá trị văn hóa của ngôi đình làng này.

Kết cấu khung gỗ chịu lực bên trong chính điện gồm có 27 cây đòn tay và một cây đòn đồng. Ngay gian giữa của chính điện có 2 xà cò ghi niên đại trùng tu của di tích. Xà cò ngay bên dưới đòn đồng có chữ màu vàng nhưng đã bị phai, ghi “*Gia Long thập thất niên tuế thứ Mậu Dần, Bính Thìn nguyệt Giáp Dần lương thần. Cẩm Phô xã viên quan, hương lão, viên chức, đẳng đồng trùng kiến (Gia Long năm thứ 17 Mậu Dần 1818. Viên quan, hương lão, viên*

chức xã Cẩm Phô đồng trùng tạo). Và một xà cò bên dưới, có chữ màu đen trên nền màu đỏ, ghi “*Thành Thái, thập ngũ niên, tuế thứ Quý Mão niên, Kỷ Mùi nguyệt, cát nhật quynh. Cẩm Phô xã, bốn xã đẳng đồng cải tạo*” (Thành Thái thứ 15, năm Quý Mão 1903, tháng 6, ngày tốt. Các cấp xã Cẩm Phô ta đồng cải tạo).

Qua hai xà cò hiện còn trong di tích chúng ta có thể khẳng định được năm 1818 đình được trùng tu tại địa điểm như hiện nay. Đến năm 1903, lại thêm một lần sửa chữa nữa.

Về bố trí thờ tự bên trong chính điện, gồm có 3 khám thờ ở 3 gian chính, 3 khám thờ bằng gỗ được chạm trổ rất tinh xảo, với hai màu chủ đạo là đỏ và vàng được đặt trên bệ xây bằng gạch. Ở khám thờ gian chính giữa, có đặt một bài vị bằng gỗ, ghi “*Tiên hiền liệt vị*”. Hai khám thờ hai gian bên ghi “*Tả ban, hậu hiền liệt vị*” và “*Hữu ban, hậu hiền liệt vị*”. Phía trước các khám thờ có đặt một bàn hương án bằng gỗ, được vẽ trang trí hình các con vật: rồng, phụng, chim, doi... rất đẹp, tất cả tạo nên không gian thờ tự uy nghiêm, hài hòa.

Ở chái phía trên, bên trong di tích có một thùng gỗ, mà theo ông Nguyễn Thiện Nghị - người quản lý di tích, gọi là cái quy, trước đây dùng để đựng lư đồng, lễ vật. Hiện nay, được dùng để đựng những vật dụng: ly, tách... Đây là một trong những hiện vật có giá trị, được làm vào năm 1875. Phía trước của thùng có khắc một số câu chữ Hán, thanh giảng ngang chính giữa ghi: “*Duy Tân thất niên lục nguyệt cát nhật bản xã trùng tu*”. Hai bên cửa ghi: “*Tự Đức nhị thập bát niên thu nguyệt cát nhật. Cẩm Phô xã bản xã viên chức đẳng đồng tạo*”. Câu đối hai bên trụ đứng: “*Văn thư*

nhật diệu xuân quang ái. Quỹ trân tráp tàng xã hội tân”. Qua thời gian tồn tại, hiện thùng gỗ này đã bị hư hại một số nơi, tuy nhiên đây là một trong những hiện vật góp phần minh chứng thêm cho niên đại tồn tại của ngôi đình.

Phía trước chính điện, nơi tiếp giáp với nhà đông và nhà tây có 2 ống xối được xây rất đẹp, trang trí hình ống trúc bên trên hình cuốn thư và con chim đại bàng. Như vậy, ngoài công năng là nơi thoát nước thì ống xối còn để trang trí, tô điểm thêm cho di tích.

Hai bên tiền đình là nhà Đông và nhà Tây, kiểu ba gian, kết cấu kèo cột trốn kẻ chuyền, mái lợp ngói âm dương, bờ nóc không trang trí, bờ chảy giạt cấp. Bên trong nhà Đông có cặp câu đối: “*Thánh đức vô cương tạo hoàn dư phần dân khang vật phụ. Thần công mạc trắc ám phò mặc trợ tục mỹ phong đồn*”. Cặp câu đối nhà Tây: “*Nam Bắc đông tây toàn cảnh kỳ mao an phước trạch. Sĩ nông công thương tứ dân lạc lợi ngưỡng thần hưu*”. Bên trong nhà Đông và nhà Tây có đặt bàn ghế là nơi để hội họp, bàn bạc của cộng đồng cư dân địa phương trong làng vào những dịp tế lễ, đồng thời cũng là nơi nghỉ chân của du khách khi vào tham quan di tích.

Di tích đã qua một số lần tu bổ, theo xà cò hiện còn trong di tích, đình Cẩm Phô được trùng tạo vào năm 1818 (*Gia Long thứ 17*). Lần tiếp theo vào năm 1903 (*Thành Thái thứ 15*). Sau năm 1975, di tích bị chiếm dụng làm kho Hợp tác xã chiếu in hoa phường Cẩm Phô. Vì vậy, di tích bị hư hỏng nặng ở nhiều nơi, đến năm 1989, Hợp tác xã giao đình lại cho chư tộc phái Cẩm Phô quản lý. Tháng 12/1990, di tích được tu sửa lại và lần gần đây nhất là vào năm

2008 nên nhìn chung hiện trạng ngôi đình còn tương đối tốt.

Với những giá trị của di tích, năm 1991, di tích đã được Bộ Văn hóa cấp bằng công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia. Hiện nay di tích đã được UBND thành phố Hội An đưa vào điểm tham quan du lịch trong tuyến tham quan khu phố cổ Hội An. Đây là một trong những cơ sở pháp lý để góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy tốt di tích trong thời gian qua và trong tương lai. Bên cạnh đó, trong những dịp lễ hội của Thành phố, với vị thế và không gian rộng rãi của di tích nên một số hoạt động trò chơi dân gian như bài chòi, đập nôi... rồi những đêm thơ Nguyên Tiêu, hát tuồng cũng được tổ chức tại di tích này.

Bên cạnh những giá trị về mặt lịch sử tồn tại cùng với những giá trị về mặt văn hóa tín ngưỡng, kiến trúc nghệ thuật, địa điểm đình Cẩm Phô còn là một di chỉ khảo cổ học đã được các nhà khảo cổ học Nhật Bản (*trường Đại học Nữ Chiêu Hòa*), phối hợp với Bảo tàng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Ban Quản lý Di tích (nay là *Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*) và Viện khảo cổ học đào thám sát 3 lần: tháng 01/1994; tháng 3 và tháng 4/1994; tháng 7/1995. Qua 3 lần đào thám sát tại 3 hố thám sát, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết của vương quốc cổ cùng với nhiều mảnh gốm sứ Nhật (*Hizen*), gốm sứ Trung Quốc (*các lò Cảnh Đức Trấn, Phúc Kiến, Quảng Đông*) và gốm sành Việt Nam thế kỷ XVI, XVII. Với những kết quả thu được từ các cuộc đào thám sát ở đình Cẩm Phô đã khẳng định được khu vực này có con người cư trú từ cuối thế kỷ XVI và trở nên đông đúc hơn vào thế kỷ XVII.

Với sự hiện tồn của di tích đình Cẩm Phô là một minh chứng lịch sử về sự ra đời và phát triển của làng Cẩm Phô, một trong những làng được hình thành từ rất sớm ở Hội An. Vì vậy, di tích này có ý nghĩa quan trọng khi nghiên cứu về quá trình hình thành làng xã tại Hội An nói chung, tại làng Cẩm Phô xưa nói riêng.

Những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian hiện vẫn được lưu giữ và diễn ra thường niên tại đình Cẩm Phô, cùng với những giá trị về kiến trúc nghệ thuật, trang trí trong di tích, góp phần làm phong phú thêm cho di sản văn hóa thế giới Hội An. Do đó, việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy, giới thiệu rộng rãi di tích này đến với mọi người là điều thiết thực.

*** Tài liệu tham khảo**

- Thích Đại Sán, Hải ngoại kỷ sự, Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, năm 1963.
- Nguyễn Chí Trung, Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử, Nxb Đà Nẵng, năm 2010.
- Bản khai về làng xã ở Quảng Nam, năm 1943 của Viện Viễn Đông Bác Cổ.
- Dương Văn An, Ô Châu Cận Lục (thế kỷ XVI), Nxb Giáo dục, năm 2009.
- Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, năm 1977.
- Ngoài ra, còn tham khảo các nguồn tư liệu dân gian và thực địa tại địa phương.

ĐÌNH SƠN PHONG

Lê Thị Ngọc Hương

Di tích đình Sơn Phong tọa lạc tại số 350 đường Nguyễn Duy Hiệu, khối An Thọ, phường Sơn Phong, thành phố Hội An. Cách ngã tư đường Trần Phú - Hoàng Diệu chừng 300m về phía Đông.

Hiện nay chưa có chứng liệu để khẳng định chính xác niên đại xây dựng đình. Trải qua nhiều sự thay đổi các triều đại, liên tục từ các thế kỷ XVIII, XIX, XX xảy ra việc sát nhập các làng An Thọ, Phong Niên, Đại An, Mậu Tài và 1 phần đất của làng Sơn Phô mà có tên là làng Sơn Phong. Đình hiện nay mang tên là đình Sơn Phong.¹

Đình do các hiệp thợ địa phương xây dựng và nhiều đời hiệp thợ sau tu bổ tôn tạo dùng làm nơi thờ Thần Hoàng, các vị thần sông nước, trong đó chủ thần là bà Đại Càn, Bà Thiên-Y-A-Na.

Đình Sơn Phong trải qua nhiều lần trùng tu, gần đây là vào các năm (1974, 2000, 2002, 2008) ở nhiều hạng mục bị xuống cấp như: tường, mái ngói âm dương, các họa tiết trang trí, tiền đường, xây dựng thêm nhà đông cho di tích vào năm 2008.

Đình được xây dựng kiểu chữ đình (丁), gồm tiền sảnh, tiền đình, hậu tẩm

và nhà Đông. Diện tích tổng cộng khoảng 250m². Mặt đình quay về hướng Nam. Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Năng, phía Tây giáp shop vải Thắng (nhà số 352 - Nguyễn Duy Hiệu), phía Đông giáp đường bê tông.

Từ ngoài đường nhìn vào thấy 2 trụ cổng, tường rào xây bằng gạch thẻ. Hai trụ cổng được đắp – cẩn mảnh sứ cổ cặp câu đối: 顯赫神威昭北地, 光明帝德耀南天 (Hiển hách thần uy chiêu Bắc địa, Quang minh đế đức diệu Nam thiên. Tạm dịch nghĩa: Rạng rỡ oai thần nơi đất Bắc, Sáng ngời đức đế chốn trời Nam)*.

Án ngự giữa sân đình là bình phong hình cuộn thư với mặt ngoài trang trí đề tài “Long mã phụ Hà đồ”. Trên đỉnh bình phong có trang trí hai mũi Thiên Oai biểu thị không gian vô hạn và sự uy linh của cõi Trời. Mặt trong bình phong đắp cảnh Tùng Lộc với non nước hữu tình. Trên bình phong có câu đối gắn bằng mảnh sứ cổ nói về thế đất và phương hướng xây đình Sơn Phong: 虎據龍雲朝吉地, 離南坎北護佳城 (Hổ cứ long vân triều cát địa, Ly Nam Khảm Bắc hộ giai thành. Tạm dịch nghĩa: Hổ phục rồng bay chào đất tốt, Nam phương Bắc hướng giúp thành yên)*. Phía sau bình phong là một lư hương lớn.

¹ Lý lịch di tích Đình Sơn Phong, tác giả: Nguyễn Chí Trung, năm 1992.

* Trích sách: “Di tích Đình Sơn Phong”, khảo luận – biên dịch: Phạm Thúc Hồng, năm 2011



Tiền sảnh thoáng rộng, được bố trí 2 hàng cột gỗ (mỗi hàng 4 cột, đặt trên đá tảng), hệ thống chịu lực bằng gỗ, bộ khung chịu lực có hàng trụ đội nằm ở giữa, gồm 7 đòn tay và 1 đòn đông, xà cò nằm chính giữa phía dưới đòn đông. Tiền sảnh treo bức hoành khắc chữ: 山豐亭 (Sơn Phong đình). Ngay chính giữa tiền sảnh đặt một bàn hương án có khắc thời gian và họ tên người phụng cúng: 老僥阮志善奉供香案 一盤壬申年孟秋吉旦 (Lão nhiều Nguyễn Chí Thiện phụng cúng hương án nhất bàn. Nhâm Thân niên mạnh thu cát đán. Tạm dịch nghĩa: Người cao tuổi Nguyễn Chí Thiện phụng cúng một bàn hương án. Năm Nhâm Thân (1932), tháng bảy, ngày tốt.)*. Hai bên tiền sảnh có 2 cặp liên đôi đắp nổi

bằng mảnh sành sứ: 坦宅雁鳳吹勝景, 北南車馬樂亨衢 (Thản trạch nhận hoàng hân thắng cảnh, Bắc nam xa mã lạc hanh cù. Tạm dịch nghĩa: Đất phẳng cánh chim mừng cảnh đẹp, Bắc nam xe ngựa rộn đường vui)*; 國泰民安精靈地, 風調雨順泰運天 (Quốc thái dân an tinh linh địa, Phong điều vũ thuận thái vận thiên. Tạm dịch nghĩa: Nước thịnh dân an đất linh hiển, Gió hóa mưa thuận trời bình an)*. Cặp liên đôi bằng gỗ treo gian giữa tiền sảnh đề: 山川疊奏升平日, 風稔齊歌大有年 (Sơn xuyên điệp tấu thăng bình nhật, Phong nẫm tề ca đại hữu niên. Tạm dịch nghĩa: Núi sông đều tấu ngày thăng tiến, Phong tục cùng ca buổi thái bình)*



Hệ thống cửa vào trong tiền đình làm bằng gỗ, kiểu thượng song hạ bản. Tiền đình có 3 hàng cột gỗ (mỗi hàng 4 cột): Cột gỗ tiết diện tròn, đứng trên tảng đá tròn. Nền tiền đình lát gạch, tường xây gạch, mái lợp ngói âm dương, mái trước có 7 đòn tay, mái sau 4 đòn tay.

Tiền đình bố trí các gian thờ: Gian tả: Khám thờ có khắc chữ chính giữa Quang Tiên “光 前”, xung quanh khám thờ vẽ hình rồng, hoa quả và hai bên hai câu đối: 功 德 垂 後 世, 春 秋 顯 前 人 (Công đức thùy hậu thế, Xuân thu hiển tiền nhân). Tạm dịch nghĩa: Công đức giúp hậu thế, Xuân thu hiện tiền nhân)*. Bài vị đặt chính giữa ghi: 山 豐, 前 賢 開 基 尊 靈 (Sơn Phong, Tiền hiền khai cơ tôn linh). Gian thờ kê gian tả: Thờ các dòng tộc đã hội cư xây dựng vùng đất Sơn Phong trong quá khứ và hiện tại. Bài vị ghi: 山 豐, 諸 族 會 居 尊 靈 (Sơn Phong, Chư tộc hội cư tôn linh). Gian hữu: Khám thờ có khắc chữ chính giữa Dụ Hậu “裕 後”, xung quanh khám thờ vẽ hình rồng, hoa quả và hai bên hai câu đối: 文 彰 光 世 澤, 禮 樂 振 風 (Văn chương quang thế trạch, Lễ nhạc chấn hương phong). Tạm dịch nghĩa: Văn chương soi

cuộc sống, Lễ nhạc giữ lệ làng)*. Gian thờ kê gian hữu: Thờ các chiến sĩ vong thân qua nhiều thời kỳ lịch sử đã xả thân bảo vệ cuộc sống bình yên cho vùng đất tại Sơn Phong từ khi khai lập cho đến nay. Bài vị ghi: 山 豐, 戰 士 陣 亡 尊 靈 (Sơn Phong, Chiến sĩ trận vong tôn linh).

Ở gian giữa tiền đình đặt 1 tủ thờ bằng gỗ, chạm trổ tinh xảo, đẹp mắt, bài vị thờ ghi: Thọ sơn hà (壽 山 河), bộ lư đèn bằng đồng. Phía trước tủ thờ đặt cặp tượng voi bằng đá do người dân cúng cho đình. Hai bên tủ đặt hai bàn thờ bằng gỗ, thấp và nhỏ hơn so với bàn thờ chính giữa để thờ các tộc họ có đóng góp xây dựng đình từ xưa đến nay.

Phía trong cùng là hậu tẩm, thờ sắc phong thần, 2 bên vẽ hình rùa đội hạc. Bàn thờ chính giữa đặt bài vị lớn ghi: 山 豐 神 (Sơn Phong Thần). Khám thờ Thần bằng gỗ do Cụ lý trưởng Nguyễn Sâm phụng cúng vào ngày 10.3 năm Ất Hợi (1935). Bên trong khám thờ vẽ hình rồng cuộn mây, trên khám thờ trang trí các hàng chữ: 萬 古 英 靈 (Vạn cổ anh linh - Sáng suốt linh hiển ngàn năm), 天 煥 文 彰 (Thiên hoán văn chương - Trời sáng rực rỡ), 聖 恩 浩 蕩 (Thánh ân hạo dăng - Ôn Thánh

tràng khắp)*. Cặp câu đối 2 bên: 天 庫 星 輝 萬 事 隆, 神 光 豐 照 千 祥 集 (Thiên khố tinh huy vạn sự long, Thần quang phong chiếu thiên tường tập. Tạm dịch nghĩa: Trời dồn ánh sáng vạn điều tốt, Thần chiếu niềm vui ngàn việc yên)*. Bàn thờ bên tả trong hậu tẩm thờ bài vị thổ thần bốn xứ: 山 豐 土 神 本 處 尊 神 (Son Phong Thổ Thần bốn xứ tôn thần). Bàn thờ bên hữu trong hậu tẩm thờ bài vị Ngũ hành tiên nương: 山 豐 五 行 仙 娘 尊 神 (Son Phong Ngũ hành tiên nương tôn thần).

Nhà Đông được xây dựng mới vào năm 2008, chiều dài 1033cm, rộng 506cm. Mái lợp ngói âm dương, hệ thống chịu lực bằng gỗ, tường xây gạch, hệ thống cửa thượng song hạ bản. Nhà đông là nơi dùng để hội họp, tiếp đón khách, nơi cất giữ những vật dụng phục vụ cho việc tổ chức những lễ cúng tại đình.

Di tích đình Son Phong hiện có tất cả 5 bức hoành phi gỗ: 1. 山 豐 亭, 甲 申 仲 秋 吉 旦 本 社 同 造 (Son Phong đình, Giáp Thân, trọng thu, cát đán, bốn xã đồng tạo. Dịch nghĩa: Đình Son Phong, năm Giáp Thân, tháng tám, ngày tốt, xã ta cùng tạo lập)*, 2. 正 氣; (Chính khí - Ý chí ngay thẳng)*, 3. 普 同 人, 保 大 十 九 年 冬, 山 西 邑 全 民 奉 供 (Phổ đồng nhân, Bảo Đại thập cửu niên đông, Sơn Tây áp, toàn dân phụng cúng. Dịch nghĩa: Người cùng một xóm dân. Bảo Đại năm thứ mười chín (1945), áp Sơn Tây, toàn dân phụng cúng)*, 4. 善 最 樂. 歲 次 甲 寅 年 胡 曰 張 積 奉 供 (Thiện tối lạc, Tuế thứ Giáp Dần niên, Hồ Viết, Trương Tích

phụng cúng. Dịch nghĩa: Thiện là việc rất vui, năm Giáp Dần (1974) Hồ Viết, Trương Tích phụng cúng), 5. 救 世 度 人, 永 盛 十 一 年 歲 次 乙 未 八 月 十 一 日 題, 國 主 天 縱 道 人 御 筆 (Cứu thế độ nhân, Vĩnh Thịnh thập nhất niên, tuế thứ Ất Mùi, bát nguyệt, thập nhất nhật đề, Quốc chúa Thiên Túng Đạo Nhân ngự bút). Bức hoành chạm 10 con chim phượng đang bay rất đẹp. Dưới bức hoành có 2 mắt cửa làm kiểu xoáy lá đề, giữa là lưỡng nghi. Bức hoành phi này do chúa Nguyễn Phúc Chu ngự bút ban tặng vào năm 1715.

Ngoài những bức hoành phi, câu đối trên, di tích còn có một số cặp câu đối khác như: 1. 百 年 青 憑 神 祐, 四 季 興 隆 樂 聖 扶 (Bách niên thanh thái bằng thần hựu, Tứ quý hưng long lạc thánh phò. Dịch nghĩa: Trăm năm no ấm nhờ thần giúp, Năm tháng an vui cậy thánh phò)*, 2. 聖 德 咸 弘 鴻 模 偉 略 壯 英 靈, 神 恩 廣 大 至 善 普 博 同 顯 化 (Thánh đức hàm hoàng hồng mô vĩ lược tráng anh linh, Thần ân quảng đại chí thiện phổ bác đồng hiển hóa. Dịch nghĩa: Đức thánh chứa chan, công cao phô bày hiển hách, Ôn thần rộng rãi, điều thiện truyền khắp uy linh)*, 3. 九 疇 先 著 敦 凝 造 化 皇 顯 帝, 四 序 週 回 光 大 咸 弘 歲 運 年 (Cửu trù tiên trước đôn ngưng tạo hóa hoàng hiển đế, Tứ tự chu hồi quang đại hàm hoàng tuế vận thiên. Dịch nghĩa: Chín ruộng tiền nhân, dựng xây cùng tạo hóa, Bốn hàng hậu thế, khai mở mãi tháng năm)*, 4. 乾 坤 廣 大 護 國 庇 民 千 秋 在, 造

化英靈經邦保照萬古存
(Càn khôn quảng đại hộ quốc tể dân
thiên thu tại, Tào hóa anh linh kinh
bang bảo chiếu vạn cổ tồn. Dịch nghĩa:
Trời đất mệnh mông, giúp nước che dân
ngàn năm đó, Tào hóa lòng lộng, khai
nền dựng nghiệp vạn thuở đây)*, 5. 山
川毓秀德大施生祥雲集,
風水鐘靈恩霑雨化淑氣來
(Sơn xuyên dục tú đức đại thi sinh
tường vân tập, Phong thủy chung linh
ân triêm vũ hóa thực khí lai. Dịch nghĩa:
Sông núi thắm tươi, đức lớn giúp đời
mây lành mãi đến, Gió nước tươi sáng,
ân sâu mưa thắm khí tốt lại về)*.

Theo lời kể của cụ Hồ Viết (80 tuổi), số nhà 342 đường Nguyễn Duy Hiệu cho biết: Trước năm 1945, đình Sơn Phong có nhiều sắc phong Thần lưu giữ để thờ cúng tại đình. Năm 1946, quân Pháp tiến chiếm Hội An đã vào đình Sơn Phong mang các sắc phong đốt. Lúc đó Lý trưởng làng Sơn Phong là Lê Tỷ hoảng hốt chạy đến ra dấu đây là sắc phong để thờ cúng, không phải tài liệu mật. Ông đã nhận lại được 5 tờ sắc phong và người làng Sơn Phong bảo quản cho đến bây giờ¹. Trong 5 sắc phong lưu giữ tại đình thì có 4 sắc phong ghi xã hiệu Cẩm Phô, không phải của Sơn Phong (đến nay vẫn chưa giải thích được lý do vì sao sắc phong thần của xã/đình Cẩm Phô lại thờ tại xã/đình Sơn Phong). Năm bản sắc phong này xếp theo thứ tự thời gian như sau: Sắc phong Thiệu trị năm thứ ba – năm 1843

(2 bản); Sắc phong Tự Đức năm thứ ba (1850); Sắc phong Tự Đức năm Quý Sửu (1853); Sắc phong Duy Tân năm thứ ba (1909).

Hằng năm theo định kỳ, tại đình Sơn Phong đều tổ chức tế lễ tế Xuân (12/01 al), lễ tế Thu (12/8 al) với sự tham gia của đông đảo bà con nhân dân phường Sơn Phong.

Đình Sơn Phong hiện nay còn lưu giữ được nhiều sắc phong, hoành phi, liễn đối có giá trị cao về mặt lịch sử, văn hóa là nguồn tư liệu quý cho các nhà khoa học tìm hiểu về quá trình hình thành làng Sơn Phong cùng sự thành lập đình làng.

Di tích là công trình kiến trúc tín ngưỡng mang đậm bản sắc văn hóa địa phương đã được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng cấp quốc gia theo Quyết định số 506 - VH - QĐ ngày 19/3/1985, được cấp bằng vào ngày 29/11/1991. Nhằm góp phần đa dạng các điểm tham quan tại khu di sản văn hóa thế giới Hội An, UBND thành phố Hội An đã thống nhất chủ trương đưa di tích đình Sơn Phong vào ô vé tham quan của Thành phố theo công văn số 1057/UBND ngày 16/4/2015. Theo đó, UBND phường Sơn Phong đang xây dựng phương án cụ thể để quản lý và phát huy di tích cũng như tổ chức các hoạt động thử nghiệm trước khi đưa vào ô vé tham quan chính thức trong thời gian tới♦

* Trích sách: “Di tích Đình Sơn Phong”, tác giả Phạm Thúc Hồng, tr 74, năm 2011

ĐÌNH ĐỂ VỒNG

Trần Phương

Đình Để Vồng hiện tọa lạc tại khối Sơn Phô 1 - phường Cẩm Châu - thành phố Hội An - tỉnh Quảng Nam. Về thời gian xây dựng đình hiện chưa thể xác định cụ thể, tuy nhiên qua văn bia mộ vị tiền hiền của tộc Nguyễn Việt, đồng thời là tiền hiền của làng Để Vồng đã ghi: *“Vào khoảng thời Thịnh Đức (1653-1657) và thời Cảnh Trị (1666-1671) ông đã cùng một số cư dân lưu trú ở đây lập làng Để Vồng”*. Như vậy, theo phong tục chung của người Việt, đình Để Vồng là nơi thờ cúng, sinh hoạt chung của làng sẽ xuất hiện ngay sau khi đã định hình làng/xã Để Vồng không lâu. Đình Để Vồng thờ Thần phù hộ cho công việc làm ăn, sinh sống của cư dân địa phương được thuận lợi, trong đó có vị chủ thần là Đại Càn, cùng với đó là các vị thần sông nước, tiếp đến là thờ các bậc Tiền hiền của làng, ngoài ra còn kết hợp thờ các âm hồn xiêu lạc (*âm linh*). Nghề nghiệp chủ yếu của dân làng Để Vồng là nghề đánh cá, nghề làm lưới nhưng cũng có một số ít chuyên về nghề nông và buôn bán cùng các nghề khác nhưng không nhiều bằng nghề đánh cá.

Tương truyền rằng nguyên xưa đình Để Vồng trước đây làm bằng tranh, xoay mặt về hướng Đông. Vào thời điểm trước năm 1945 thì ngôi đình cách vị trí hiện nay khoảng 500m về hướng Tây Nam. Qua thời gian dưới tác động của môi trường thiên nhiên khắc nghiệt và chiến tranh ác liệt, ngôi đình đã bị hư hại nghiêm trọng nên dân làng quyết

định chuyển đình về miếu Âm linh và tu bổ tôn tạo nơi này thành hiện trạng đình hiện nay. Ngôi đình này được tu bổ lớn vào năm 2013 theo nguyên tắc bảo tồn nên vẫn giữ được dáng vẻ kiến trúc cổ kính truyền thống.

Đình có khuôn viên khá rộng, tổng diện tích trên 610m², mặt tiền theo hướng Tây Nam. Mặt bằng đình hình chữ Môn, gồm có chính đình (*tiền đình, hậu tẩm*), nhà Đông và nhà Tây. Chính đình có kích thước: 675 x 1107cm, nhà Đông và nhà Tây có cùng kích thước: 370 x 485cm. Đình cách đường bê tông 5m. Từ ngoài đường nhìn vào là tam quan với 4 trụ lớn có xà cách điệu nối liền ở phía trên làm trán cổng, không có mái che, hệ cửa ra vào theo kiểu thượng song hạ bản, mỗi bộ cửa gồm hai cánh bằng gỗ, cửa chính có kích thước 169 x 261cm, cửa hai bên có kích thước 96 x 202cm. Phía trên tam quan đắp nổi 3 đại tự chữ Hán: 底網亭 (*Để Vồng đình*), hai bên đắp nổi chữ Hán: 光前 (*Quang tiền*) và: 裕後 (*Dụ hậu*) và 4 câu đối hai bên: 當今宇宙 ▪ 春光復前人承勲烈; ▪ 古江山毓秀殿開後世壯規模 (*Đương kim vũ trụ hồi xuân quang phục tiền nhân thừa huân liệt; Thiệu cổ giang sơn dục tú điện khai hậu thế tráng quy mô*); 辰世更新龍門雲從重宵錦; 風光勝舊鳳洞天開上品花 (*Thìn thế cánh tân long môn vân tùng động tiêu cẩm; Phong quang thắng cựu phượng động thiên khai thượng phẩm hoa*). Sân đình lát xi măng, kê

roan. Ấn ngữ giữa sân là bình phong kiểu cuốn thư (kích thước 219 x 45 x 200cm) trang trí đề tài tứ linh gồm mặt trước đắp nổi hình chim phụng, mặt sau đắp nổi hình rồng, bên trái trang trí tượng rùa bằng đá rất xưa, bên phải trang trí tượng con lân bằng vôi gạch. Tiền đình có kết cấu kiểu 1 gian 2 chái. Hệ mái lợp ngói âm dương, bờ nóc đắp vẽ đồ án “*Lưỡng long châu nguyệt*”. Hai bên tường mặt tiền tiền đình đắp nổi câu đối: 九原人可作; 萬福世攸同 (*Cửu nguyên nhân khả tác; Vạn phúc thế du đồng*). Hệ cửa ra vào tiền đình làm bằng gỗ theo kiểu thượng song hạ bản, mỗi cửa gồm có 4 cánh. Hệ vì kèo liên kết với nhau theo lối nhà rường truyền thống, liên kết kiểu cột trốn kẻ chuyển, tránh chông trụ đội, chạm trổ hoa văn mềm mại, tinh xảo. Hệ thống cột đình gồm 5 dãy cột, mỗi dãy gồm 4 cột gỗ, mỗi cột đặt trên 1 viên đá tảng tròn. Nền đình lát xi măng. Hệ thống trang trí trong tiền đình gồm có 4 bức hoành đề chữ Hán (*nền đỏ, chữ vàng*), bức hoành ở dãy cột thứ 3 gian giữa có niên đại Bảo Đại năm thứ 16, nội dung bức hoành: 勅賜 (*Sắc tứ*); 美俗淳風 (*Phong thuần tục mỹ*); 保大十六年三月二十六日 (*Bảo Đại thập lục niên tam nguyệt nhị thập lục nhật*); 吏部恭 (Lại bộ cung lục); 廣南省奠磐府清洲總底網社遵奉 (*Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Thanh Châu tổng, Đế Võng xã tuân phụng*). Hai bức hoành hai bên có niên đại thời Khải Định, nội dung bức hoành bên trái: 義順 (*Nghĩa thuận*), lạc khoản đề: 定乙丑年秋 (*Khải Định Ất Sửu niên thu*);

老阮曰俵供 (*Hương lão Nguyễn Viết Biểu cúng*). Nội dung bức hoành bên phải: 和 ? (*Hòa ?*); 定乙丑年秋 (*Khải Định Ất Sửu niên thu*); 老阮曰俵供 (*Hương lão Nguyễn Viết Biểu cúng*). Trên các cột hàng nhất và hàng hai trang trí 2 cặp câu đối sơn màu đỏ, chữ màu vàng, nội dung các câu đối như sau:

Câu đối 1:

Vế trái: 芳帶藻芹金注重看
結勝; 保大十四仲秋 (*Phương đới thảo芹 kim trọng khan hương kết thắng; Bảo Đại thập tứ trọng thu*).

Vế phải: 榮 喬梓 褒疊紀
國傳書; 本社仝賀 (*Vinh liên kiều tử cón bao điệp kỷ quốc truyền thư; Bón xã đồng hạ*).

Câu đối 2:

Vế trái: 烟琤香裡祥雲合 (*Yên sinh hương lý tường vân hợp*).

Vế phải: 花發燈前瑞色煌 (*Hoa phát đăng tiền thụy sắc hoàng*).

Trong tiền đình hiện còn lưu giữ hai tấm bia đá chữ đã bị mờ và 1 xà cò,



nội dung xà cò ghi: 龍 ▪ 壬寅年三月吉日底網社 ▪ 官 ▪ 老 ▪ 職里役本社登仝造 (*Long tập Nhâm Dần niên, tam nguyệt cát nhật Để Vồng xã, hương quan, hương lão, hương chức lý dịch, bốn xã đồng tạo*). Bên trong có 4 án thờ, trong đó 2 án thờ hai bên lối vào hậu tẩm là nơi thờ các bậc Tiên, Âm linh. Quần bàn hai án thờ này trang trí hình chim phụng, mây, doi, hoa lá, trán ngai thờ cẩn xà cừ đề tài “*Lưỡng long tranh châu*”, thành hai bên của ngai thờ cẩn xà cừ hình rồng, giữa ngai thờ của án thờ bên phải cẩn sành 2 chữ: 前賢 (*Tiền hiền*), giữa ngai thờ của án thờ bên trái cẩn sành 2 chữ: 陰靈 (*Âm linh*). Án thờ Tả ban bố trí ở bên trái tiền đình, cạnh bàn thờ Âm linh. Án thờ Hữu ban bố trí ở bên phải tiền đình, cạnh bàn thờ Tiền hiền. Quần bàn của hai án thờ này trang trí chủ đề phong cảnh. Hai mảng tường hai bên lối vào hậu tẩm trang trí hình doi ở trên, phía dưới trang trí tranh phong cảnh chủ đề các hoạt động của làng chài ven sông.

Hậu tẩm thờ Thần, gồm 3 án thờ. Án thờ giữa đắp nổi chữ 神 (*Thần*), trán ngai thờ trang trí chủ đề “*Lưỡng long châu nguyệt*”, quần bàn trang trí hình rồng; hai bên án thờ trái, phải đắp vẽ hoa văn kiểu cuốn thư, hoa lá, mây khá mềm mại.

Sự tồn tại của đình làng Để Vồng là minh chứng về công sức, thành quả lao động của các bậc tiền nhân của làng tiếp nối nhau xây dựng và gìn giữ. Ngoài những giá trị vật thể hiện đang tồn tại, giá trị trường tồn về văn hóa, tín ngưỡng dân gian, cũng như lễ hội diễn ra tại đình làng Để Vồng mang yếu tố rất quan trọng, gắn kết cộng đồng làng xã đến với nhau trong lễ hội chung của

làng để thờ cúng các vị Thần bảo hộ làng và các vị Tiên, Hậu hiền có công qui tụ nhân dân, mở mang đất đai, lập làng, dựng đình và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh của người dân địa phương. Thời gian trước đây, trong một năm nhân dân địa phương thường tổ chức hoạt động cúng tế 3 kỳ, thứ nhất là vào ngày 10 tháng giêng tế trăm trà hoa quả để cầu yên trong làng; thứ hai vào rằm tháng 3 cúng tưởng nhớ các bậc Tiên hiền, Hậu hiền của “*Chư tôn tộc phái*”. Kỳ tế này dùng đến hai con linh vật (*heo*), 1 con dùng để cầu Thần cho dân làng làm cho được nhiều cá, 1 con để cúng vị Tiên hiền của làng; thứ ba là rằm tháng 8 tế trăm trà hoa quả để cầu yên cho dân làng. Hiện nay, đình tổ chức tế xuân vào ngày 15-16/1 âm lịch, đây là lễ tế lớn nhất tại đình, bà con chư phái tộc của làng đều tập trung về đây làm lễ tế rất linh đình. Cách thức hành lễ, tế lễ nơi đây vẫn giữ nguyên các nghi thức dân gian theo phong tục tập quán xa xưa của cha ông truyền nối nhau qua nhiều thế hệ từ trước đến nay.

Có thể nói, đình Để Vồng là một di tích có giá trị kiến trúc, lịch sử - văn hóa, đình còn giữ lại những nét kiến trúc truyền thống, những tác phẩm chạm trổ tiêu biểu của thợ mộc ở Hội An và lưu giữ nhiều tư liệu có giá trị lịch sử văn hóa như địa bạ, bia đá... cùng với đó là các hình thức sinh hoạt cổ truyền có giá trị góp phần cung cấp nhiều nguồn tư liệu quý phục vụ nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển làng xã ở Hội An. Với những giá trị đó, đình Để Vồng được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia theo Quyết định số 506/VH-QĐ ngày 19/3/1985 của Bộ Văn hóa (*nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*), cấp bằng ngày 29/11/1991♦

ĐÌNH TIỀN HIỀN TÂN HIỆP

Nguyễn Thị Thanh Lương

Vào cuối thế kỷ XVI, XVII cộng đồng người Việt được hình thành và phát triển tại Cù Lao Chàm. Trải qua quá trình sinh sống, cư dân Việt ở đây đã xây dựng nhiều công trình kiến trúc làm thiết chế văn hóa tín ngưỡng, dân sinh như đình, chùa, miếu, lăng, giếng... để phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa đa dạng của mình. Tuy lịch sử có những biến đổi thăng trầm, dù các yếu tố bất lợi của điều kiện tự nhiên tác động mạnh mẽ, song những công trình này vẫn vững bền tồn tại đến ngày nay. Đó chính là một phần tài sản trong kho tàng di sản quý giá của cha ông để lại cho các thế hệ ngày nay. Đặc biệt, trong số những công trình tín ngưỡng hiện tồn thì đình Tiền hiền Tân Hiệp có thể được xem là một trong những di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu ở Cù Lao Chàm và đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích cấp Quốc gia.

Như chúng ta đã biết, đình làng là một trong các thiết chế văn hoá quan trọng của người Việt được hình thành, phát triển trong chặng dài lịch sử dân tộc, trở thành linh hồn và ngưỡng vọng của mỗi người dân mỗi làng xã người Việt. Bởi đình làng không chỉ là nơi thờ cúng những bậc tiền hiền, hậu hiền và những vị thần bảo hộ của làng mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa của



cả làng, là nơi diễn ra các hoạt động lễ hội, đình đám hội hè. Và đình làng Tân Hiệp cũng được thiết lập nên với những ý nghĩa đó.

Đình Tiền hiền Tân Hiệp, hay dân gian còn gọi là lăng Tiền hiền, tọa lạc tại xóm giữa, thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp được xem là biểu trưng tinh thần của làng, của người dân xã đảo Tân Hiệp. Đây là một di tích có vai trò quan trọng trong hệ thống các di tích tín ngưỡng của các cư dân trên đảo Cù Lao Chàm nên di tích được xây dựng khá quy mô bề thế.

Đình được xây dựng bằng các vật liệu sẵn có tại địa phương như vôi, gạch, đá, san hô... Kiến trúc theo lối cuốn vòm, không có cột kèo bằng gỗ. Mái lợp ngói âm dương, bờ nóc trang trí đề tài “*Lưỡng long tranh châu*”, bờ hồi mềm mại, đầu đao tạo dáng hoa lá, đuôi cá, mặt rồng...

Nội thất có không gian rộng lớn chia làm nhiều nếp, ngăn cách bởi các trụ lớn. Trên bệ thờ chính gian giữa có ba bài vị bằng gỗ sơn son thếp vàng, ghi các thần hiệu của Phục ba tướng quân như: “**Sắc phong Phục Ba Tướng Quân**”, “**Sắc phong Phục Ba Tứ Dương Thành Quốc Công Đại Tướng Quân**”, “**Sắc phong Phục Ba Bích Sơn Hầu Quận Công**”, và một bài vị thờ “**Danh Tài, Đức Hiển nhị vị Tướng Quân**”. Theo các tài liệu “**Phục ba tướng quân (伏波將軍)**” nghĩa là tướng quân chinh phục được sóng gió, là tước vị của những người có công “chinh phục” sóng gió hoặc có tài hàng hải mà không bị tổn thương bởi phong ba trong các chuyến đi biển... thì được nhà nước phong kiến phong cho tước vị trên. Tại hội quán Triều Châu trong khu phố cổ Hội An cũng có thờ Phục ba tướng quân, có rất nhiều người cho đây là Mã Viện, một tướng quân nhà Hán đã đưa quân sang đánh Hai Bà Trưng của nước ta. Nhưng theo chúng tôi thấy không có dấu hiệu nào là thờ Mã Viện cả. Hơn nữa, trong lịch sử Trung Quốc có ít nhất là 3 người được phong là Phục ba tướng quân đó là: Lộ Bác Đức, Mã Viện và Trịnh Thành Công. Vì vậy, vị Phục ba hiện đang được thờ tại Triều Châu hội quán cũng như thờ tại lăng tiền hiền ở Cù Lao Chàm chưa biết được đó là vị Phục ba nào trong 3 vị kể trên. Hai bên tả hữu của bệ thờ chính còn có hai bệ thờ khác để thờ tả ban liệt vị và hữu ban liệt vị.

Trên tường của các bệ thờ khác và các trụ giữa đều có ghi nhiều câu đối bằng chữ Hán, nội dung ca tụng công đức của các bậc tiền, hậu hiền và thần thánh như: “**Tôn công tiền thác thâm như hải, hiệp đức hậu bồi trọng như sơn**”

” nghĩa là “**Công sơn khai thác của tiền nhân sâu như biển lớn, đức tài bồi cho hậu thế nặng tựa non cao**” hay “**Tân thánh trạch sơn vô mãnh thú, hiệp thần uy hải bất dương ba**” nghĩa là “**Nhờ ơn thánh núi non không thú dữ, cậy thần uy biển sóng bình yên**”... Ngoài ra, trong lăng còn lưu giữ một số bức hoành gỗ sơn son thếp vàng do các hiệu buôn ở phố Hội An phụng cúng như bức “海不揚波” (Hải Bất Dương Ba - Biển không dậy sóng) do Xán Tinh yển thuê công ty phụng cúng năm Tân Mão, hay bức “德配乾坤” (Đức Phối Càn Khôn - Đức cùng trời đất) do Mậu Thuận Hoà ở xã Minh Hương phụng cúng vào năm Mậu Thân... Trước đình là một khoảng sân rộng lát gạch đỏ, có bình phong lớn án ngữ, có cổng cao, trên tạo dáng hình bông sen.

Hiện nay, trong di tích còn lưu giữ được 3 bài vị bằng gỗ, có chạm trổ, sơn son thếp vàng, trên khắc thần hiệu của các vị Phục ba tướng quân. Ngoài ra, còn có 2 bức hoành phi sơn son thếp vàng lớn do các thương hiệu trong phố Hội An phụng cúng. Đình cũng được chính quyền và người dân địa phương quan tâm quản lý, bảo vệ và phát huy tốt chức năng của nó. Và mỗi khi xuân về, đình là nơi hội tụ những người con quê hương và của những người con xa xứ.

Từ đó có thể khẳng định rằng, đình Tiền hiền Tân Hiệp là một bằng chứng quan trọng trong việc nghiên cứu về quá trình định cư, khai hoang khẩn hóa, ổn định cuộc sống và làm sáng tỏ tập tục tôn giáo tín ngưỡng của cư dân trên đảo Cù Lao Chàm xưa. Đồng thời góp phần làm phong phú hệ thống các công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng trong quần thể các di tích tôn giáo tín ngưỡng ở Tân Hiệp nói riêng và Hội An nói chung♦

ÁO DÀI ĐEN

Lê Thị Tuấn

Từ bao đời nay, chiếc áo dài đen - khăn đóng của nam giới là trang phục được sử dụng trong lễ lạc hay khi giao tiếp long trọng của những người có chức sắc trong xã hội cho đến dân thường. Theo dòng lịch sử, áo dài đen nam giới không thay đổi kiểu dáng nhiều như áo dài nữ. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu chiếc áo dài đen nam giới được may vào giữa thế kỷ XX.

Qua quá trình tìm hiểu, khảo sát về trang phục vào tháng 8 năm 2015, chúng tôi được gặp ông Lê Viết Phụng - 91 tuổi, ở tại khối Xuyên Trung, phường Cẩm Nam. Hiện nay ông Phụng còn giữ chiếc áo dài đen mà theo lời kể của ông là nó được may vào khoảng thời gian 1965 - 1966. Người may chiếc áo dài là ông Phạm Nghiêm hay còn gọi là ông Chín Tồn - sinh năm 1912. Ông này trước đây ở thôn Nam Ngạn - xã Cẩm Nam (nay là phường Cẩm Nam), nay ông Nghiêm đã qua đời.

Áo dài này may bằng vải lãnh đen, kiểu áo đậu sống. Dài áo 140cm, dài tay 76cm. Cổ góc vuông, cao 4cm, băng cổ phía trước nhỏ hơn phía sau 0,5cm, cổ mềm, may tay bằng 2 lớp vải, không có lớp lót bên trong. Đường ráp cổ vào thân may máy. Áo nối tay, đoạn nối nằm dưới khủy tay dài 33,5cm. Đoạn tay trên liền với thân áo, quanh vai có bầu rộng 7cm; vạt áo trước, vạt áo sau đều đậu sống và có vạt con nằm bên phải; tà và lai áo bẻ 3,5cm, sam tay rất đều, mịn. Đường sống trước và sống sau



ngay chính giữa vạt áo. Vạt con là mảnh vải nhỏ nằm bên phải (bên tra khuy, gài/cài nút, chiều rộng 25cm, từ đường hạ nách đến hết vạt con là 19cm), vạt con nối liền với mặt trước tay phải và một thân sau. Ngoài ra, để vạt con được dài đến eo (nơi gài hạt nút dưới cùng), người ta nối thêm một mảnh vải nhỏ hình tứ giác. Áo gài/cài 5 nút tròn, màu trắng đục, phần đuôi có lỗ nhỏ để kết dính nút vào vạt áo bên trái. Trên vạt áo trái, đánh 5 con bọ bằng chỉ đen dài 2cm làm khuy nút. Hạt nút đầu tiên kết ngay chính giữa, sát chân cổ, cách hạt nút thứ 2 là 9cm; hạt thứ 2 cách hạt thứ 3 là 18cm; hạt thứ 3 đến hạt thứ 4 là 9cm; hạt thứ 4 đến hạt thứ 5 là 9cm. Như vậy, hầu hết khoảng cách kết nút đều nhau, chỉ có khoảng cách giữa hạt nút thứ 2 và thứ 3 là gấp đôi các khoảng cách còn lại, vì khoảng cách này ôm vòng nách nên vạt ở đây được cắt cong. Khuy áo nằm bên phải. Trên vạt con có 3 khuy còn lại nằm trên tà của thân sau. Khuy nút dài 2 cm, phần lỗ để cài nút 1cm, phần kết dính vào áo 1cm, con bọ

của khuy áo và nút áo rất chắc chắn. Thân sau, bẻ tà lên đến nách. Thân trước, bên trái bẻ tà dưới hạ nách 5cm, bên phải bẻ tà lên đến cổ.

Cửa tay rộng 13cm, lai tay bản to, bẻ trong 9cm, luông tay, đường chỉ đều, dấu chỉ rất tinh tế, tim lai bằng máy, chỉ rất dày, đều nhau, tiêm lai bằng 2 đường chỉ may máy, rất nhỏ, đều.

Áo dài nam giới từ trước đến nay đều có kiểu dáng rộng, không ôm sát người như áo dài nữ, chiều dài của áo dài nam luôn trên mắt cá chân, vạt áo rộng hơn vạt áo dài nữ.

Qua tìm hiểu, do ngày xưa dệt khổ vải hẹp chỉ có 40cm nên áo dài luôn có đường nối chính giữa của vạt trước và vạt sau. Ngoài ra, áo dài luôn có vạt con để che khỏi lộ da.

Hiện tại, thợ may áo dài nam đều sử dụng bàn may máy, lai tay, tà không

còn làm tay như may áo dài trước đây, kiểu lai tay nhỏ chỉ từ 1 đến 2cm. Khổ vải hiện nay rộng từ 120cm – 160cm (tùy theo chất liệu vải) nên không còn nối sống. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có một số người thích may theo kiểu xưa như may đậu sống bằng cách đập tiêm một đường chính giữa của vạt trước và vạt sau; tay áo cũng gấp to 5cm.

Chiếc áo dài đen nêu trên được ông Lê Viết Phụng gìn giữ cẩn thận mặc dù không còn mặc do ông đã già, việc cúng tế nhường lại cho con cháu.

Qua lời kể của ông Lê Viết Phụng, chiếc áo dài này gắn bó với cuộc đời ông trong các dịp cưới hỏi, cúng giỗ, ma chay. Cùng bộ với trang phục áo dài còn có khăn đóng và cầm dù đen khi đi tham dự lễ lạc. Bên trong áo dài đen, khăn đóng là bộ đồ bà ba trắng (có người gọi là bộ ba vì đi cùng với áo dài)♦



QUẢN LÝ, BẢO TỒN DI TÍCH GIÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN GẮN VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG HỘI AN - THÀNH PHỐ VĂN HÓA

Nguyễn Thị Thu Hương

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo thành phố Hội An đặc biệt là Ban chỉ đạo xây dựng Hội An - thành phố Văn hóa, sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, trong 6 tháng đầu năm Trung tâm đã triển khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, bảo tồn di tích, giữ gìn và phát huy giá trị di sản Hội An và đạt được kết quả đáng kể.

1. Nhận thức rằng, công tác bảo tồn di sản văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa có hiệu quả phải được bắt nguồn từ sự hiểu biết những cơ sở, định hướng trong lĩnh vực bảo tồn di sản nên trong thời gian qua, Trung tâm đã chú trọng tuyên truyền pháp luật bảo tồn, giá trị di sản văn hóa thông qua nhiều hình thức. Trong đó, Trung tâm đã phát hành sách *“Di tích-Danh thắng Hội An”*, *“Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ dành cho các chủ di tích”*... là công trình có tính chất tổng hợp về di tích, định hướng về những hoạt động ban đầu của công tác bảo tồn di sản văn hóa cho người dân và cán bộ quản lý địa phương. Để người dân hiểu biết sâu rộng hơn về giá trị di sản văn hóa Hội An và cơ sở pháp lý để bảo tồn, trong 6 tháng đầu năm Trung tâm đã phát hành

25 chuyên mục phát thanh Bảo tồn di sản hàng tuần, 2 tập bản tin phát hành theo quý. Đặc biệt, Website hoianheritage.net có đầy đủ các nội dung hướng dẫn về qui trình tu bổ di tích, các văn bản pháp qui bảo tồn di sản văn hóa cũng như cập nhật các tin bài về giá trị di sản, hoạt động bảo tồn đang diễn ra.

Trung tâm đã tổ chức cho cán bộ điều tra, nghiên cứu về phong tục, tập quán của địa phương nhất là việc tang, việc cưới phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và cũng góp ý, phản ánh những biểu hiện tiêu cực của những lĩnh vực này trong đời sống văn hóa hiện nay. Đối với hoạt động lễ hội, Trung tâm giao nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ chuyên môn nghiên cứu, sưu tầm, bổ sung nội dung, hướng dẫn các hoạt động lễ hội như lễ tế Xuân, lễ tết Nguyên tiêu... tại các đình, chùa, hội quán phục vụ công tác tuyên truyền, bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể này. Trong đó, lễ tết Nguyên tiêu được triển khai làm tư liệu qui mô nhằm bổ sung hồ sơ Di sản Văn hóa phi vật thể về lễ hội ở Hội An và để có cơ sở làm hồ sơ đề nghị đưa hai di sản này vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đồng thời, công tác phối hợp với đối tác để tiến hành thủ tục lập Kế hoạch quản lý di sản văn hóa thể

giới đô thị cổ Hội An theo yêu cầu của UNESCO đang được tiếp tục thực hiện.

Đối với thế hệ trẻ, Trung tâm thường xuyên tổ chức chương trình “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*” để cho thế hệ trẻ hiểu biết và tự hào về di sản văn hóa Hội An. Trong tương lai, công tác giáo dục di sản sẽ được đưa vào chương trình học cấp I, II trên địa bàn thành phố thông qua chương trình “*Giáo dục di sản trong học đường*”.

Hoạt động Tết Nguyên tiêu tại một số điểm di tích tôn giáo trên địa bàn Hội An cũng được Trung tâm, các cơ quan liên quan phổ biến các thông tin, hướng dẫn, rà soát về an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy nên trong dịp diễn ra lễ tại các di tích đều an toàn trật tự. Có 26 đơn vị, trường học, địa phương tham gia hoạt động phục dựng cây nêu ngày tết và được Ban tổ chức chấm chọn 1 giải nhất, 1 giải nhì, 2 giải ba và 6 giải khuyến khích cho 10 đơn vị. Qua đó, góp phần cổ vũ, khôi phục thêm một hoạt động văn hóa cổ truyền.

Trong 6 tháng, Trung tâm đã tổ chức thành công 4 cuộc trưng bày hình ảnh hưởng ứng các sự kiện văn hóa, chính trị của địa phương và cả nước như: Trưng bày và chiếu phim tư liệu “*Hội An - Thanh Hóa, 55 năm kết nghĩa, xây dựng và phát triển*” tại Hội An và Thanh Hóa; Trưng bày hình ảnh giới thiệu Di Sản Văn hóa Thế giới Hội An tại thành phố Huế; Trưng bày hình ảnh bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND trên địa bàn thành phố; Triển lãm tranh: “*Hẹn gặp lại lần tới*”. Những cuộc triển lãm này đã tiếp tục đưa giá trị di sản văn hóa Hội An và ý nghĩa của các sự kiện chính trị đến với đông đảo nhân dân và du khách hơn.

Tại các bảo tàng, việc bảo quản hiện vật, nâng cấp trưng bày đã được tập trung triển khai, qua đó đã thu hút 715.674 lượt khách tham quan các bảo tàng (*trong đó, quốc tế: 566.703 lượt khách, nội địa: 148.971 lượt khách*), tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2015. Tại Điểm dừng chân 57 Trần Phú đã đón tiếp 1.985 lượt khách (*trong đó có 1.168 khách quốc tế, 817 khách Việt Nam*) đến để tìm hiểu về di sản văn hóa Hội An.

2. Tiếp tục chú trọng đầu tư cho công tác quản lý, bảo tồn di tích được xem là một nhiệm vụ trung tâm. Trong thời gian qua, Trung tâm đã khảo sát, kiểm tra thường xuyên tình hình quản lý các di tích, tín ngưỡng, lịch sử cách mạng trên địa bàn thành phố, nhất là vào thời điểm phục vụ các hoạt động Tết Nguyên đán, Nguyên tiêu, ngày thành lập Đảng 3/2 và kỷ niệm 41 năm ngày giải phóng Hội An... Trong thời gian trước, Trung tâm đã tham mưu lập 2 hồ sơ đề nghị và đến nay đã được công nhận xếp hạng di tích cấp tỉnh cho 02 di tích: Lăng Thành Hoàng - Cẩm An và Miếu Âm Linh (*cô Hồn*) - Tân Hiệp.

Qua khảo sát di tích định kỳ, Trung tâm đã nhận thấy công tác quản lý di tích hiện nay chưa thật sự tốt. Về vấn đề vệ sinh, ở nhiều di tích vẫn còn tình trạng cỏ dại mọc cao, rác bẩn trong khuôn viên di tích chưa được dọn dẹp. Nhiều di tích sử dụng không gian không đúng chức năng di tích (*35 di tích*); một số bia di tích xuống cấp hoặc bong tróc sơn (*8 bia di tích*); di tích kiến trúc đang xuống cấp những mức độ khác nhau (*102 di tích*); cây cổ thụ có tán rộng bao phủ di tích, mái nhà dân... (*6 cây*), người dân thấp hương lên thân, gốc cây... (*13 cây*). Vì vậy, Trung tâm có hướng đề nghị các địa phương trong

thành phố tăng cường công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ di tích, cây cổ thụ; có phương án cắt tỉa cây cổ thụ trước mùa mưa bão.

Để hạn chế tình trạng xâm phạm di tích cũng như tuyên truyền quảng bá giá trị di tích tại địa phương, Trung tâm đã hoàn thành danh mục di tích sẽ dựng bia, định vị, cắm mốc di tích và sẽ thi công vào 6 tháng cuối năm.

Trong công tác tu bổ cấp phép, Đội ngũ Công tác viên bảo tồn di sản được Trung tâm thường xuyên liên hệ, trao đổi, tranh thủ ý kiến trong quá trình cấp phép, giám sát tu bổ di tích trong Khu phố cổ và từng bước phát huy vai trò vận động bảo tồn di sản văn hóa của đội ngũ này. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích/nhà ở và trật tự kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ, các trường hợp sai phạm được báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng xử lý. Trong 6 tháng đầu năm, Trung tâm đã tham mưu cấp phép 89 hồ sơ; hướng dẫn trả lời bằng văn bản và gửi hồ sơ xin phép xây dựng của công dân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố 10 hồ sơ, đang xử lý 09 hồ sơ, không có trường hợp trễ hẹn theo phiếu hẹn. Nhìn chung công tác cấp phép đã từng bước được nâng cao chất lượng, góp phần tích cực gìn giữ tính nguyên trạng của Khu phố cổ.

Công tác chuẩn bị đầu tư cũng được tiếp tục đẩy nhanh tiến độ. Trung tâm đã lập và xúc tiến các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thành phần thuộc quy hoạch Tổng thể. Bên cạnh đó, Trung tâm đã trình phê duyệt và triển khai thi công một số công trình thuộc

các dự án từ các nguồn vốn: vốn Thành phố, dự án tu bổ khẩn cấp, dự án tu bổ cấp thiết. Từ kết quả của sự chuẩn bị đầu tư, sau 6 tháng đã có 03 công trình được trình Phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật, 02 công trình hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, 02 công trình hoàn thành thi công. Công trình tu bổ Tam quan chùa Bà Mụ thuộc dự án tu bổ cấp thiết các di tích có nguy cơ sụp đổ đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng hạng mục Tam Quan. Hiện nay, Trung tâm đang triển khai thi công mới 06 công trình: Bảo tàng y học cổ truyền, lăng Tiêu Diện, miếu bà Phở Trung Lương, chùa Quan Âm, dựng bia các di tích vùng ven (*xóm Mỏ Côi, vườn bà Thủ Khóa, vườn xã Tiệp, bia bên đò thôn 2 Cẩm Thanh*); nhà 97 Bạch Đằng. Công tác phòng chống bão lụt: đơn vị đã chỉ đạo các phòng hoàn thành việc khảo sát 378 di tích (*260 di tích ngoài khu phố cổ, 118 di tích trong khu phố cổ*) trên địa bàn thành phố để có kế hoạch phòng chống trước mùa mưa bão. Nhìn chung, các công tác quản lý, tu bổ di tích trên bàn thành phố thuộc nhiều nguồn vốn và chương trình đầu tư đã được thực hiện kịp thời, góp phần ngăn ngừa chống xuống cấp, sụp đổ di tích có hiệu quả.

Mặc dù còn những hạn chế trong công tác giữ gìn di tích, nhưng nhìn chung công tác triển khai tuyên truyền, quản lý, bảo tồn di tích cũng đạt được kết quả nhất định bên cạnh những kết quả thực hiện nhiệm vụ khác về phong trào xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng mô hình thôn văn hóa, nếp sống văn minh trong kinh doanh, du lịch, dịch vụ... để góp phần vào nhiệm vụ xây dựng Hội An - thành phố văn hóa ♦

THÔNG TIN TỔ LIEĂU

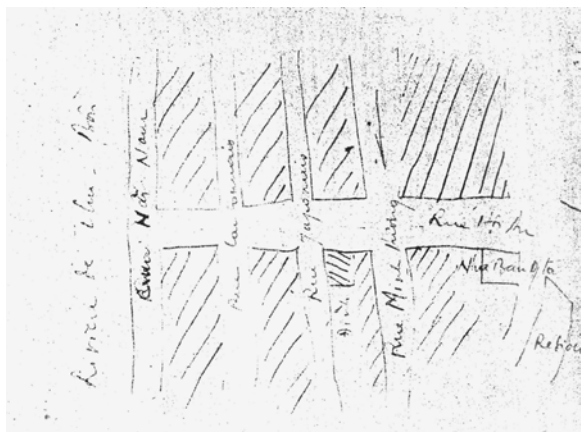
**THÔNG TIN VỀ BỐ CỤC
MẶT BẰNG - BỐ TRÍ THỜ TỰ
TẠI MỘT SỐ ĐÌNH LÀNG
Ở HỘI AN QUA BẢN KHAI
LÀNG XÃ Ở QUẢNG NAM
NĂM 1941-1943 CỦA VIỆN
VIỆN ĐÔNG BÁC CỔ**

Võ Hồng Việt

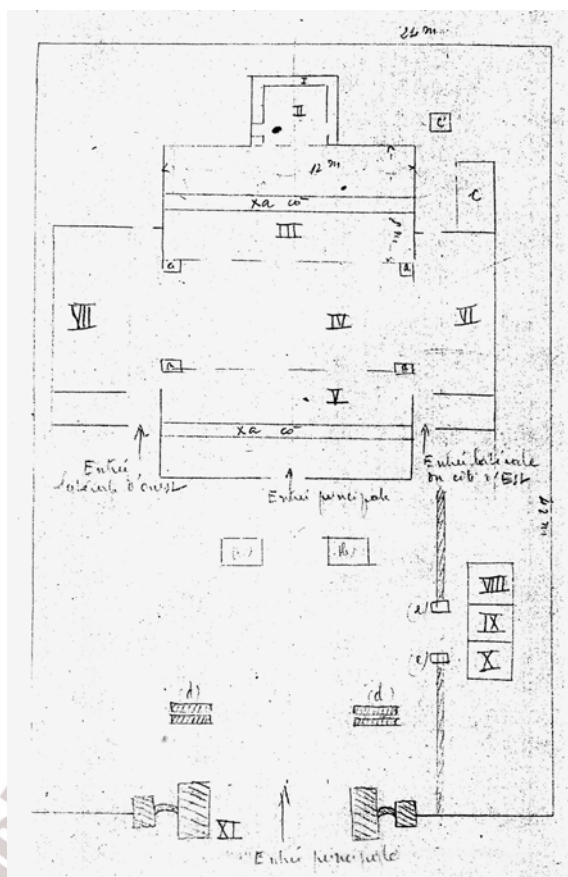
Trong bản khai về làng xã ở Quảng Nam năm 1941-1943 do Viện Viễn Đông bác cổ chủ trì thực hiện có nhiều thông tin thú vị về các làng xã ở Hội An như vấn đề lịch sử, dân cư, kinh tế, phong tục tập quán, di tích,... Những thông tin này rất hữu ích để nghiên cứu về làng xã ở Hội An trong quá khứ. Dưới đây xin giới thiệu một số thông tin về bố cục mặt bằng - bố trí thờ tự liên quan đến đình làng ở Hội An.

1. Đình làng Diễn Hội (Đình làng Hội An - Đình Ông Voi)

- Vị trí:



- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự

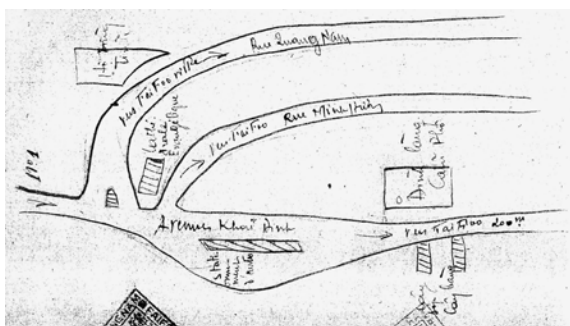


Chú thích:

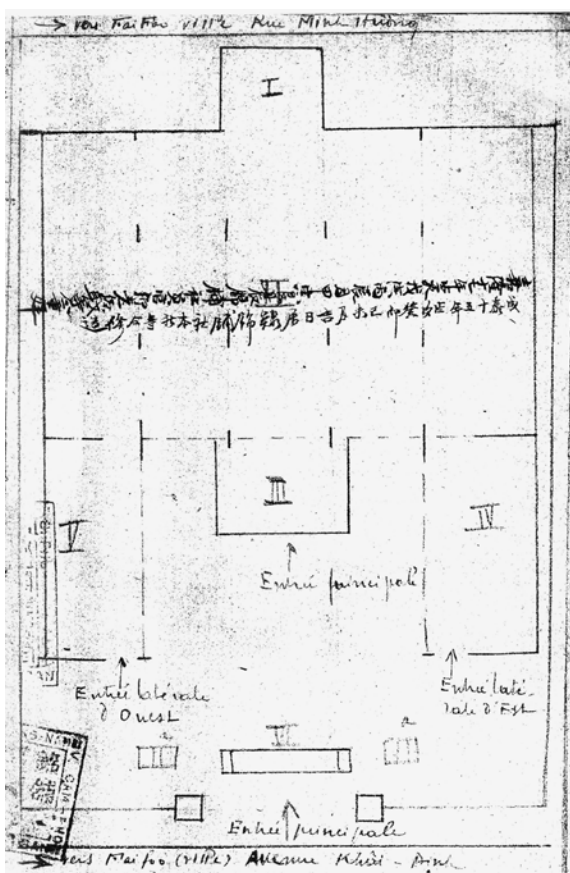
- I. Thờ Đại Càn (trên lầu)
- II. Khám để sắc thần
- III. Đình
- IV. Sân đình
- V. Nhà tiền đình
- VI. Nhà Đông
- VII. Nhà Tây
- VIII. Thờ Ngũ Hành
- IX. Thờ Thành Hoàng
- X. Thờ Ba Bà
- XI. Cổng
 - a. Đôn đá
 - b. Tượng con voi bằng xi măng
 - c, c'. Giếng
 - d. Trụ cờ
 - e. Tượng kỳ lân bằng đá

2. Đình làng Cẩm Phô

- Vị trí:



- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:

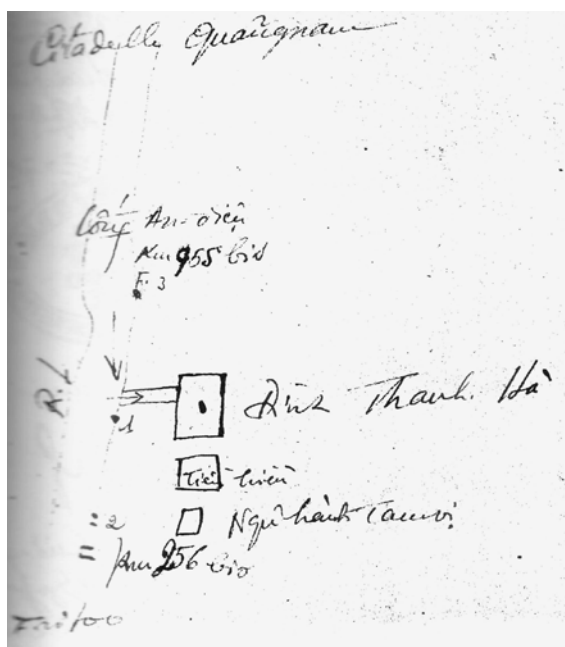


Chú thích:

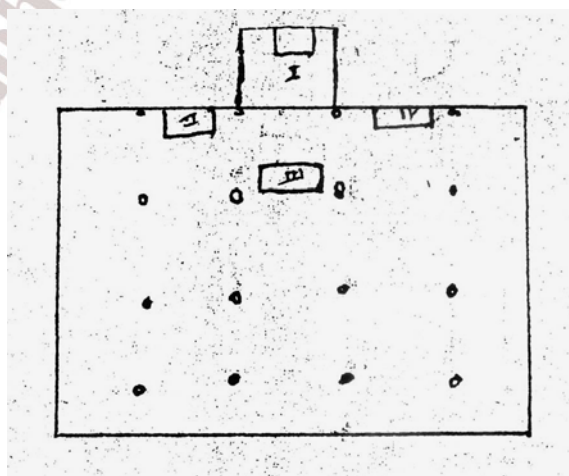
- | | |
|----------------|----------------|
| I. Hậu tâm | VI. Bình phong |
| II. Chính điện | a. Trụ cờ |
| III. Bái đình | |
| IV. Nhà Đông | |
| V. Nhà Tây | |

3. Đình làng Thanh Hà

- Vị trí:



- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:

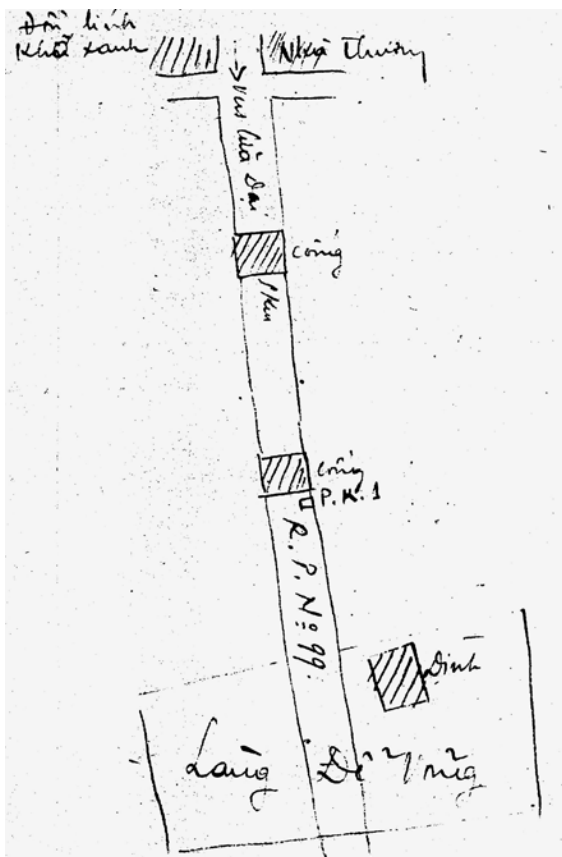


Chú thích:

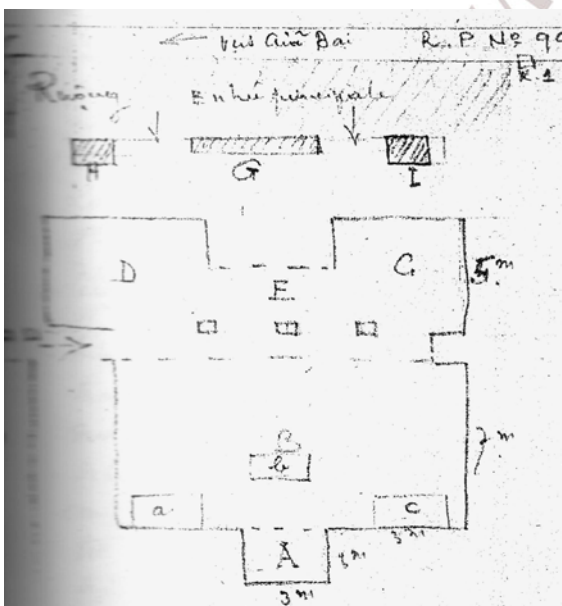
- | |
|--------------------|
| I. Bàn thờ Đại Càn |
| II. Phối Tiền hiền |
| III. Hương án |
| IV. Phối Tiền hiền |

4. Đình làng Đẽ Vông

- Vị trí:



- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:

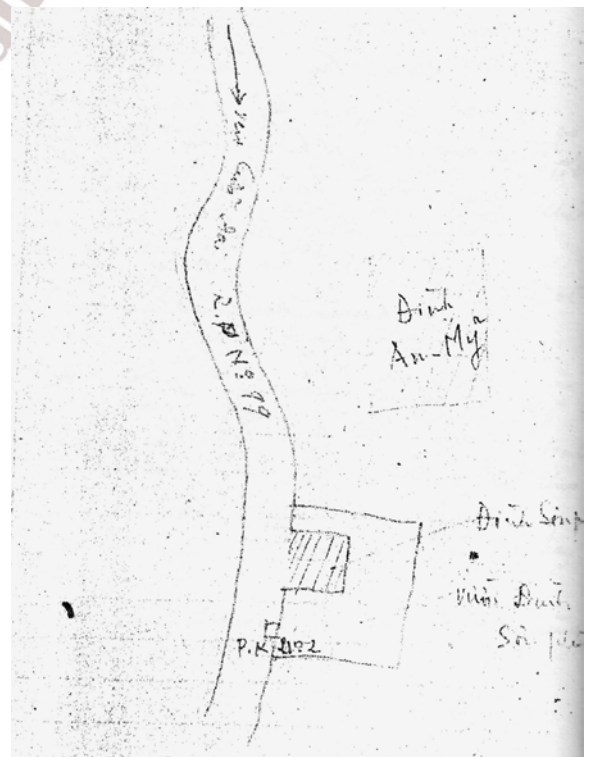


Chú thích:

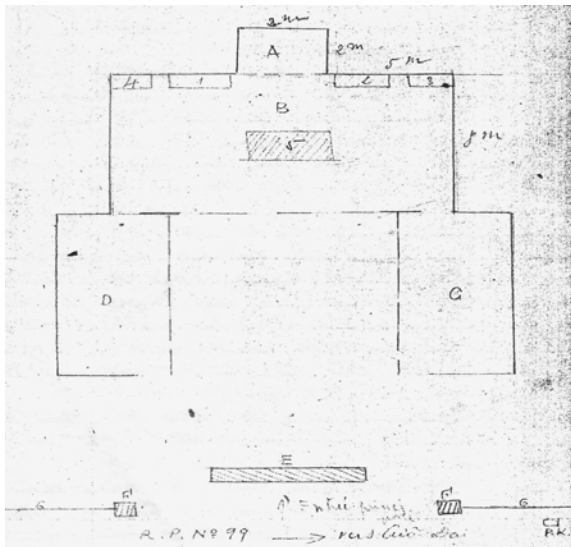
- A. Hậu tâm
B. Đình
C. Tây đàn
D. Đông đàn
E. Tiền đàn
G. Bình phong
H. Tượng con rùa bằng đá
I. Tượng con lân bằng vôi gạch
- a. Bàn thờ Tiền hiền
b. Hương án
c. Bàn thờ Hậu hiền

5. Đình làng Sơn Phô

- Vị trí:



- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:

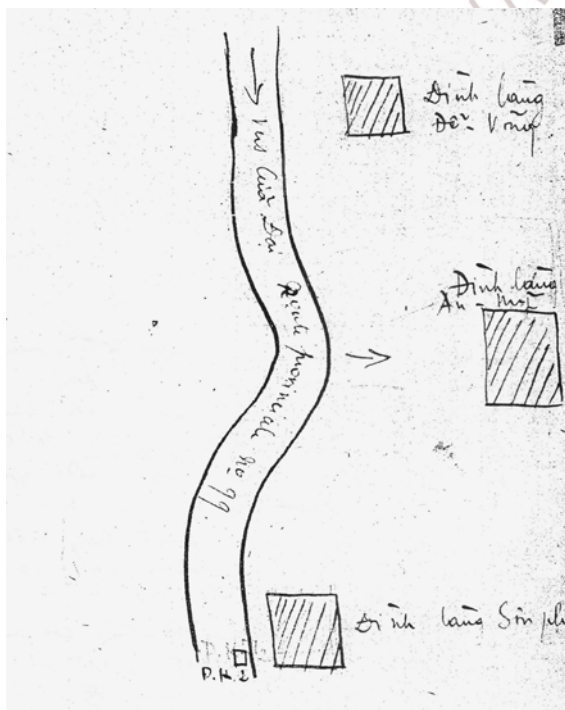


Chú thích:

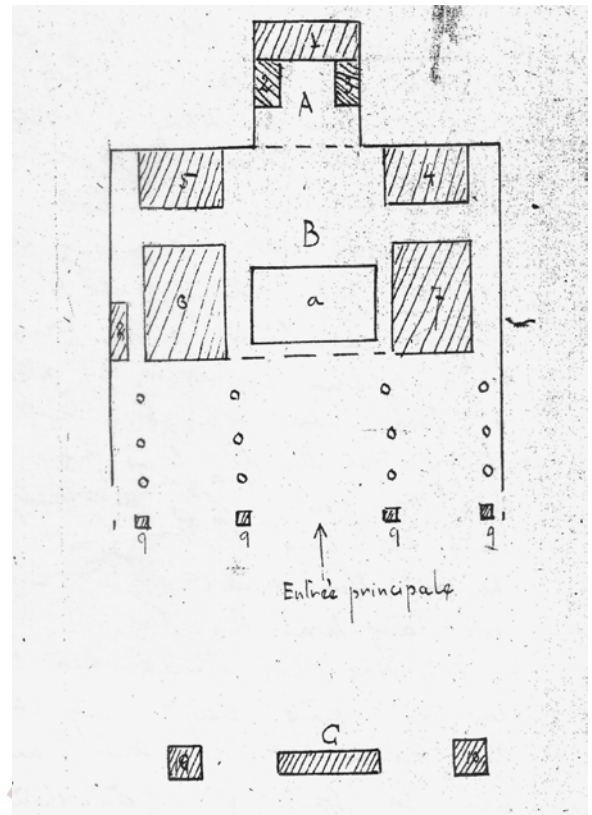
- | | |
|---------------|---------------|
| A. Hậu tẩm | E. Bình phong |
| B. Đình chính | 1. Hậu hiên |
| C. Nhà Đông | 2. Tiền hiên |
| D. Nhà Tây | 5. Hương án |

6. Đình làng An Mỹ

- Vị trí:



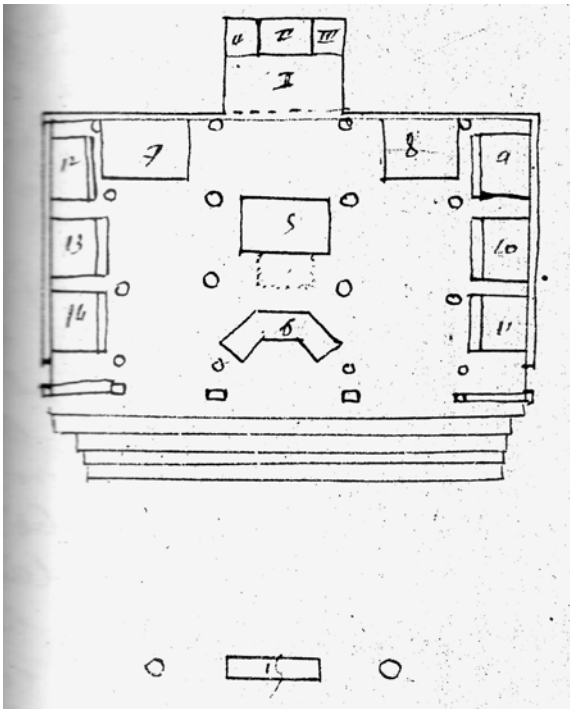
- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:



Chú thích:

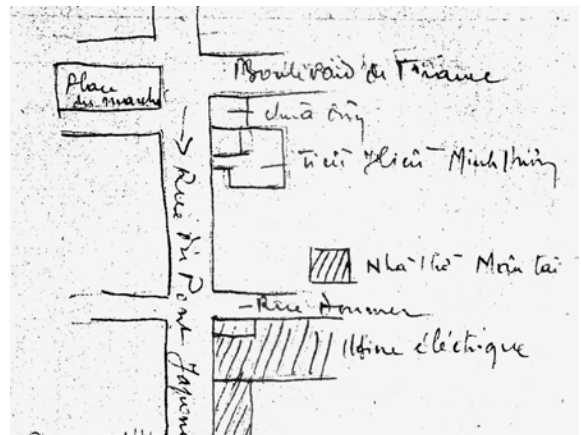
- | |
|-------------------------------|
| A. Hậu tẩm |
| B. Đình |
| C. Bình phong |
| a. Hương án |
| 1. Bàn thờ để sắc thần |
| 2, 3. Tả, hữu châu vị thần |
| (Tả, hữu ban) |
| 4, 5. Bàn thờ Tiền hiên |
| 6, 7. Bệ vôi gạch để đồ tế lễ |
| 8. Bàn thờ thổ địa |
| 9. Cột vôi gạch |
| 10. Hai trụ vôi |

- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:

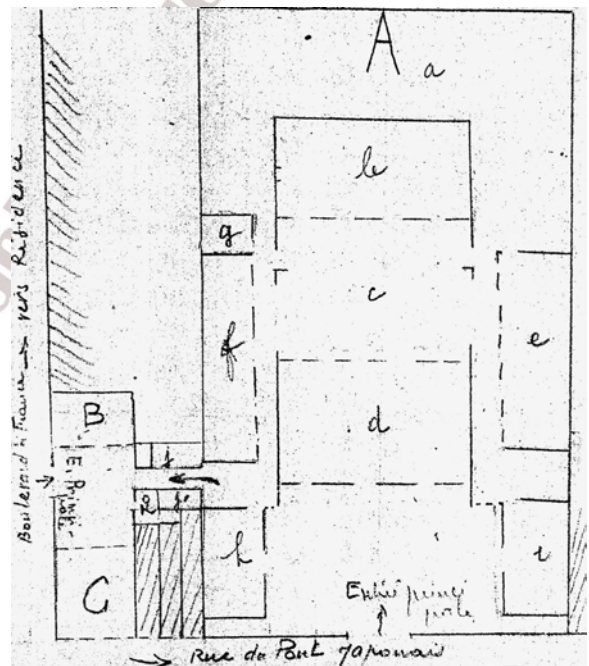


9. Minh Hương Tự Tiên Đường

- Vị trí:



- Mặt bằng kiến trúc và thờ tự:



Chú thích:

- I. Hậu tẩm
- II. Bàn thờ Đại Càn
- III, IV. Phối thờ các vị khác
5. Hương án sơn son thếp vàng 3 mặt
6. Bệ gạch để bộ thất sự bằng đồng
- 7, 8. Bàn thờ Tiên Hiền có khám gỗ ở trên
- 9, 10, 11, 12, 13, 14. Các căng ván bằng gạch mà việc làng dùng để ngồi hội ẩm
15. Bình phong

Chú thích:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| a. Vườn trồng cây | e. Nhà Đông |
| b. Chính điện | f. Nhà Tây |
| c. Sân | g. Nhà hộp |
| d. Tiên đường (đường) | h, i. Nhà hội hương |

LỄ LỆ, LỄ HỘI Ở CÁC ĐÌNH LÀNG, ĐÌNH ÁP CỦA HỘI AN QUA TƯ LIỆU ĐIỀU TRA LÀNG XÃ NĂM 1943

Trương Hoàng Vinh

Đình được tiếp cận trong bài viết này được hiểu là một công trình kiến trúc có chức năng là một thiết chế tín ngưỡng, hành chính, sinh hoạt cộng đồng của làng xã, ấp trong thời kỳ phong kiến. Các nhà văn hóa Pháp trước đây đã sớm nhận thấy, như P.Giran viết: *“Cái Đình là nơi thờ thần bảo hộ mỗi làng, chính là trung tâm đời sống công cộng của đoàn thể; chính ở đây có những hội đồng kỳ mục, chính ở đây họ giải quyết các vấn đề hành chính và tư pháp nội bộ; chính ở đây có những cuộc tế lễ, tóm lại tất cả hành vi sinh hoạt xã hội Việt Nam đều diễn ra ở đây”*. (P.Giran, *Magie et religions Annamites*, 1918 trang 334-335) (Giáo sư Nguyễn Đăng Thục: *Văn hóa Đình làng* đăng trên trang blog: newvietart.com).

Về lịch sử hình thành đình làng của Việt Nam, trong sách *Đình làng Nam bộ xưa và nay*, trang 10 có đoạn ghi *“...Đình (thờ thần - người viết chú thích) thần của làng hẳn là không được thành lập đồng loạt và tức thì theo lệnh 1496 mà có lẽ được định hình dần dần như sự tiến hóa tự phát để rồi sau đó được chính thức hóa bằng luật pháp”* (Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1997): ***Đình làng Nam bộ xưa và nay***, Nhà xuất bản Đồng Nai, trang 10). Theo thống kê của chúng tôi, hiện nay, ở Hội An có 24 đình làng trong đó

có 14 đình làng, 9 đình ấp và 1 di tích là đình thờ âm linh. Trải qua thời gian, đến nay đình làng ở Hội An chỉ còn chức năng là một thiết chế tín ngưỡng cộng đồng làng xã, ấp.

Để có cơ sở nhận thấy sự biến đổi của lễ hội tại các đình làng ở Hội An vào thời kỳ trước 1945 và hiện nay, trong bài viết này chúng tôi xin liệt các vị thần chính được sắc thờ và trích lại nguyên văn một số mô tả về lễ lệ, lễ hội ở các đình làng thuộc Hội An qua tài liệu Bản khai folklore các làng, xã do Viện Viễn Đông Bác Cổ thực hiện năm 1943, bản chép tay.

Trong Bản khai năm 1943, có ghi chép về di tích, phong tục, lễ hội, quan lộ, đạo sắc, thần tích của 10 xã thuộc địa giới Hội An nay. Trong đó, có những xã nay đã trở thành một khối, thôn của các xã, phường của Hội An hiện nay (ví dụ như Sơn Phô, An Mỹ, Thanh Đông, Thanh Nam), có những xã nay đã nhập chung với xã khác tạo ra một đơn vị hành chính có địa danh mới (Minh Hương và Hội An thành phường Minh An).

1. Đình Cẩm Phô: Tại đình có 27 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là Thái giám Bạch mã, Thành Hoàng làng, Nam hải cự tộc Ngọc lân tôn thần, Tứ vị Đại càn thánh nương. *“Việc tế lễ thì sinh vật thường dùng là heo, nhưng tùy theo số công tế của làng miễn là tinh khiết thì thôi. Thần huệ tùy âm, dư huệ không biếu”*. Về lễ lệ, lễ hội ở đình: *“Cẩm Phô phường và Cẩm Phô xã mỗi năm có lệ tống tà gọi là tế ma. Cứ đến ngày rằm tháng Giêng thì tại đình (có) lễ tế ấy. Trong khi tế lễ ấy có làm một cái long thuyền và lợp giấy. Có một ông thầy phù thủy đến đọc kinh tại đình và ngồi trên long thuyền ấy. Khi đó có dân làng*

khiêng tới những con đường trong Cẩm Phô phường để thầy phù thủy làm phép đuổi quái. Lễ này long trọng và vui lắm. Cái long thuyền ấy khiêng đến đâu, dân làng đốt pháo và cúng vái vui lắm. Lễ tế ấy làm 1 ngày. Tối đến, đưa chiếc long chu ấy đốt giữa đồng. Làng lựa một ông chức việc nào...(đọc không rõ chữ) hậu, đánh ba hồi mõ gọi là cúng mõ đầu năm. Vì lệ làng này cứ đến 25 tháng chạp thì có lệ dựng cột cờ và khép mõ nghĩa là trong làng cấm không được đánh mõ, dù có việc chi trong năm mới dùng mõ trong một hạn là 9 tháng Chạp đến rằm tháng Giêng”.

2. Đình làng Diên Hội (là làng Hội An): Có 22 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là: Thái giám Bạch mã, Thành Hoàng, Đại Càn quốc gia Nam Hải, Bà Thu Bồn, Bà Phiếm Ái, Ngũ Hành Tiên nương. “Những ngày hội ở làng này hồi trước (trước 1943 – người viết chú thích) vui lắm. Có tế trâu, bò heo, hát bội. Nhưng đến bây giờ thì đã bỏ nhiều lắm rồi. Ở đình (đình Ông Voi - người viết chú thích) và các miếu thì tế luôn một ngày (Mồng 10 tháng 8), dùng linh vật là heo. Nhưng làng vẫn còn giữ tục lệ là khi tế có gia lễ và lễ nhạc. Nhà Tiền hiền (Hội An tiên tự - người viết chú thích) mỗi năm tế hai kỳ, ngày lập xuân tháng Giêng và ngày lập thu Tháng 8. Có năm dùng linh vật bò, có năm dùng heo tùy theo công bốn của làng năm đó. Thanh minh, mỗi năm đến tiết Thanh minh tế vào ngày đó cũng dùng sinh vật là heo thôi”.

3. Đình làng Minh Hương: Có 38 điệu sắc. Các vị thần được sắc thờ là Ngũ hành, Bạch mã Thái giám, Thiên Phi, Huỳnh thiên đại đế, Quan Thánh Đế quân, Ngũ hành tiên nương, Thiên hậu, Bảo sinh đại đế, Bộ hạ Tam thập

lục tướng. “Việc tế lễ thì đủ nghi tiết, cúng vào giờ thanh tịnh (tờ mờ sáng) sinh phẩm phần nhiều là hương hoa, trà quả. Còn như sinh vật thì thường theo lệ làng là: sinh thủ kính làng, sinh kính phải 8 cái phần chiếc, kính tiên chỉ lý trưởng, chánh ban, phần hệ trọng là thế, còn thì hội ẩm”.

4. Đình làng Sơn Phong: Có 23 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là Đại Càn Quốc gia, Tứ vị thánh nương, Thiên YANA, Nam hải. “... Ở đình mỗi năm tế một kỳ. Ngày rằm tháng tám, lễ vật thì chỉ đầu heo thôi, chứ không dènh dàng như các làng khác có công bốn khá”.

5. Đình Đế Võng: Có 17 đạo sắc. Thái giám Bạch mã, Bồn cảnh Thành hoàng, Ngũ hành Tiên nương, Tứ dương linh thần, Bích Sơn tôn thần, Đại Càn. “Làng này về việc tế tự cũng lắm cách. Tại đình, mỗi năm tế 3 kỳ tại đình: 1. 10 tháng Giêng tế trảm trà hoa quả để cầu yên trong làng gọi là tống ôn. 2. Rằm tháng 3, kỳ tế này dùng đến hai con sinh vật (heo), 1 con dùng để cầu thần cho dân làng làm được nhiều cá vì làng này có thủy điền. Bởi thế, tiền thuế thủy điền, nạp một ít, còn... lại, đồ tế kỳ này là nhập vào công bốn một ít. Còn 1 con để cúng vị Tiền hiền gọi là nhờ công người đời trước. Rằm tháng tám tế trảm trà hoa quả để cầu yên cho dân làng”.

6. Đình Sơn Phô: Có 19 đạo sắc. Các vị thần được sắc: Thờ Thiên y chúa Ngọc, Thành hoàng, Đại càn quốc gia, Ngũ Hành, Thái giám, Bạch mã. “Làng này việc tế lễ cũng lắm chuyện. Mỗi năm tế hai kỳ. Kỳ 1, Mồng mười tháng Giêng, kỳ tế này có nhạc lễ và dùng sinh vật là heo nhưng có năm tùy theo công bốn của làng năm ấy và kỳ này gọi là tống ôn hay tống quái. Kỳ 2, 15 Tháng

tám, kỳ tế này cũng vậy, có lễ nhạc, sinh vật (heo). Nhưng kỳ này thì gọi là cầu yên để làng được yên ổn làm ăn... Hồi trước, làng này còn tục lệ, sau khi tế xong, có đi phân kính biếu mỗi người có công đức trong làng. Nhưng đến nay (1943 - người viết chú thích) không còn thế nữa”.

7. Đình An Mỹ: Có 18 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là thờ Bạch mã thái giám, Thành hoàng, Đại Càn quốc gia, Thiên tiên thần nữ, Ngũ hành tiên nương, Đệ nhất hồng nương, Đệ nhị Đàn nương, Đệ ngũ đàn nương. “...Mỗi năm tại đình cúng 4 kỳ: 1. 12 tháng Giêng gọi là tế xuân... Khi tế có đánh chiêng trống và dùng sinh vật là heo chớ không dùng nhạc lễ. 2. Mùng một tháng 3: Ngày này kỵ các vị Tiên hiền dùng sinh vật là heo, không nhạc lễ. 3. Mùng 2 tháng 8 tế kỷ niệm ngày hưng quốc khánh (?). Tế kỳ này chỉ trầm trà. 4. Ngày 15/8, tế kỳ thu, hồi trước dùng sinh vật là heo. Nhưng mấy năm nay, làng ít công bản nên chỉ cúng trầm trà”.

8. Đình Thanh Nam: Có 20 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là Thiên YANA, Đại Càn, Thành Hoàng, Quan thánh đế quân, Đông Hải Ngọc Lân. “Làng này tế đình mỗi năm 2 kỳ. 1. Ngày 10 tháng Giêng, kỳ xuân. 2. Ngày 11 tháng tám kỳ thu. Cả hai kỳ này đều dùng sinh vật là heo và lễ nhạc”.

9. Đình Thanh Hà: có 27 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là: Nam hải cự tộc Ngọc lân tôn thần, Thành Hoàng, Tứ dương thành phủ, Bạch mã, Đại càn, Ngũ hành, Chúa ngọc, Quan thánh, Thủy long. “Việc tế lễ thì sinh phẩm thường dùng cũng heo. Nghi tiết cũng đủ vậy thôi”. “Đình mỗi năm tế 2 kỳ. Ngày 15 tháng 3 và 18 tháng 8 cúng Tiên hiền, Thành hoàng, Ngũ hành đều

theo đình một lượt. Làng có lệ tế tổng khách vào 10 tháng Giêng... Đình còn tế một ngày kỳ yên là 20 tháng tám”.

10. Đình Thanh Đông: Đình Thanh Đông có 21 đạo sắc. Các vị thần được sắc thờ là Bạch mã, Thành hoàng, Đại Càn, Dương phi phu nhân, Ngọc lân. “Tế lễ thì thường dùng đủ nghi tiết sinh phẩm là heo nhiều hơn cũng như các làng trong cùng một hạt... Đình một năm tế 2 kỳ: Ngày 10 tháng Giêng (heo) và ngày 10 (tháng) tám (heo)... Tiên hiền tế ngày 28 tháng 3 (heo)”.

11. Đình Tân Hiệp: Có 20 đạo sắc. Các thần vị được sắc thờ là Thiên y Chúa Ngọc, Thành hoàng, Đại Càn quốc gia Nam hải, Ngũ hành tiên nương, Tứ dương thành quốc, Tứ dương thần phủ, Nam hải ngọc lân. Về phong tục tế lễ không thấy ghi trong tài liệu.

Qua đọc phần liên quan đến phong tục, lễ lệ tại các đình làng ở Hội An trong tập tài liệu Bản khai folklore các làng, xã do Viện Viễn Đông Bác Cổ thực hiện năm 1943, bản chép tay, chúng tôi xin có suy nghĩ như sau: Tất cả các làng thuộc thành phố Hội An hiện nay được nêu trong văn bản này đều có thờ Thành Hoàng nhưng không có thần tích rõ ràng, cụ thể. Có thể xem đây là một đặc điểm chung về việc thờ Thành hoàng ở Hội An.

Theo chúng tôi, các thông tin này sẽ là lý thú không chỉ cho các nhà nghiên cứu, quản lý mà cho cả người dân về hoạt động lễ lệ, lễ hội tại đình làng cách đây hơn 70 năm. Về việc đối chiếu so sánh về lễ lệ, lễ hội tại các đình làng cách đây hơn 70 năm và hiện nay, chúng tôi sẽ tổng hợp giới thiệu trong những bản tin sau♦

Thêm 02 di tích ở Hội An được xếp hạng cấp tỉnh

Hồng Việt

Ngày 18/2, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-UBND xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với 13 di tích trên địa bàn tỉnh, trong đó ở Hội An có 02 di tích là lăng Cô Hồn ở thôn Bãi Ông, xã Tân Hiệp và lăng Thành Hoàng ở khối Tân Thành, phường Cẩm An. Đây là 02 di tích có giá trị cao về mặt kiến trúc nghệ thuật, lịch sử và văn hóa, phản ánh bề dày lịch sử lâu đời của mỗi vùng đất, thể hiện một phần phong phú trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của đồng bào cư dân mỗi địa phương.



Việc di tích lăng Thành Hoàng và lăng Cô Hồn được xếp hạng đã bổ sung danh mục di tích xếp hạng cấp tỉnh ở Hội An lên 46 di tích, đồng thời cũng tạo điều kiện để 2 di tích này được bảo tồn và phát huy tốt hơn♦

Hội An đứng đầu trong danh sách 10 thành phố du lịch được yêu thích nhất thế giới

Ngọc Hương

Tháng 2 vừa qua, tạp chí hàng đầu về du lịch của Anh có tên gọi là Wanderlust, ra mắt từ năm 1993 với người đọc của hơn 112 quốc gia, vừa công bố kết quả của cuộc bình chọn Wanderlust Reader Travel Awards 2016. Theo đó, thành phố Hội An, Việt Nam đứng đầu trong danh sách 10 thành phố du lịch được yêu thích nhất thế giới với tổng số phiếu bình chọn 98,5%.

Miêu tả về Hội An tạp chí viết: “Hội An là một trung tâm cổ kính vẹn toàn nhất ở Việt Nam, với ẩm thực, dịch vụ mua sắm tuyệt vời, và những bãi biển cát vàng đẹp như mơ.” Tạp chí du lịch hàng đầu nước Anh còn gọi Hội An là nơi làm sống lại lịch sử...

Bên cạnh hạng mục thành phố được yêu thích nhất, Wanderlust Reader Travel Awards 2016 còn có hạng mục 10 quốc gia được yêu thích nhất. Việt Nam đứng thứ 9, ngay sau Myanmar.

Những thành phố được yêu thích nhất:

1. Hội An, Việt Nam 98.5%
2. Tromsø, Norway 98.33%
3. Bagan, Burma 96.92%
4. Cusco, Peru 96.23%
5. Kyoto, Japan 96%
6. Venice, Italy 95.38%
7. Amsterdam, Netherlands 95.2%
8. Luang Prabang, Laos 94.67%
9. Tallinn, Estonia 94%
10. Siem Reap, Cambodia 93.84%

Những quốc gia được yêu thích nhất:

1. New Zealand 97.333%
2. Ethiopia 96.522%
3. Botswana 96.522%
4. Peru 96.250%
5. Chile 96.154%
6. Namibia 96%
7. Ecuador 95.897%
8. Burma/Myanmar 95.758%
9. Việt Nam 95.690%
10. Japan 95.333%

**Tiếp nhận Tình nguyện viên cao cấp
ngắn hạn Nhật Bản đến làm việc
tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn
Di sản Văn hóa Hội An**

Thanh Lương

Trong khuôn khổ Chương trình hợp tác phát triển Việt Nam - Nhật Bản giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (gọi tắt là JICA) và theo đề nghị của thành phố Hội An, UBND tỉnh Quảng Nam đã thống nhất chủ trương cho phép UBND thành phố Hội An tiếp nhận ông Kamogawa Yasushi là tình nguyện viên cao cấp ngắn hạn, chuyên ngành kiến trúc đến công tác tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trong thời gian 10 tháng kể từ ngày 23/3/2016.

Vào ngày 25/3/2016, lãnh đạo UBND thành phố Hội An và Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi làm việc với ông OHI Toshiaki - Cố vấn cao cấp Chương trình Tình nguyện viên của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tại UBND Thành phố và tiếp nhận tình nguyện viên. Tại buổi làm việc, hai bên đã trao đổi, thảo luận và nhất trí tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để tình nguyện viên

cao cấp đợt này hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp bảo tồn di sản kiến trúc khu phố cổ Hội An nói riêng và di sản Hội An nói chung♦

**Khánh thành tu bổ
di tích miếu ấp Cây Giá hạ ở
thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh**

Trần Phương



Miếu ấp Cây Giá hạ là một trong những di tích tín ngưỡng ở xã Cẩm Thanh - thành phố Hội An. Miếu được xây dựng vào khoảng thập kỷ 30 của thế kỷ XX để thờ các vị thần cai quản đất đai, bảo trợ nghề nghiệp, các vị tiên hiền, hậu hiền, các vong linh bất đắc kỳ tử. Trải qua thời gian dưới tác động bởi điều kiện bất lợi của tự nhiên, chiến tranh, ngôi miếu đã xuống cấp nặng. Năm 2015, di tích được cộng đồng cư dân địa phương tiến hành tu bổ từ nguồn xã hội hóa và kinh phí hỗ trợ của thành phố. Công trình tu bổ di tích hoàn mãn sau sáu tháng thi công. Nhằm kịp thời đưa di tích miếu ấp Cây Giá hạ vào phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân địa phương, Ban quản lý di tích đã tổ chức lễ an vị và khánh thành vào ngày 12 tháng 4 năm 2016 (*nhằm mồng 6 tháng 3 năm Bính Thân*). Lễ khánh thành diễn ra trang trọng có sự tham dự của đại biểu một số cơ quan ban ngành trên địa bàn thành phố, UBND xã Cẩm Thanh cùng đông đảo nhân dân địa phương♦

Làng gốm Thanh Hà - Hội An lọt top 3 làng nghề được yêu thích nhất năm 2015

Ngọc Hương



Trong chương trình Hội chợ Du lịch quốc tế (gọi tắt là VITM) diễn ra từ ngày 13 đến 17/4/2016 tại Hà Nội, tại buổi khai mạc Hội chợ vào tối ngày 13/4, đã diễn ra lễ trao giải những điểm đến hấp dẫn nhất Việt Nam năm 2015. Đây là giải thưởng chuyên môn đầu tiên được Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức, với Hội đồng chấm chọn là các chuyên gia về du lịch, các nhà báo uy tín và sự bình chọn trên trang web: tripi.vn của công chúng. Giải thưởng bao gồm 5 mục: Resort, Khu vui chơi giải trí, Làng nghề, Bảo tàng, Bãi biển. Mỗi mục vinh danh 3 điểm đến tiêu biểu nhất, hấp dẫn nhất Việt Nam.

Đáp ứng được các tiêu chí khắt khe về sản phẩm, hàng hóa có truyền thống, uy tín, chất lượng; Đủ điều kiện phục vụ khách tham quan, mua sắm; Vệ sinh môi trường tốt; Thân thiện, cởi mở với du khách; Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo, làng gốm Thanh Hà - Hội An - Quảng Nam vượt qua nhiều ứng viên khác để được vinh danh ở mục “làng nghề được yêu thích nhất”

Viết về làng gốm Thanh Hà chuyên, trang này miêu tả: Làng gốm

Thanh Hà nằm bên bờ sông Thu Bồn, thuộc phường Thanh Hà, cách trung tâm Hội An hơn 2 km về phía Tây. Đây là điểm tham quan trong hành trình du lịch từ khu đô thị cổ Hội An đến khu di sản thế giới Mỹ Sơn. Vào thế kỷ thứ 15 - 16, làng Thanh Hà nổi tiếng với nghề làm đồ gốm, đất nung, buôn bán trao đổi khắp các tỉnh miền Trung Việt Nam. Nghề gốm của làng có xuất xứ từ Thanh Hóa, sau khi tiếp thu kỹ thuật đã phát triển thành làng gốm như ngày nay. Đến với làng gốm Thanh Hà, du khách được trở tải chuốt gốm và nặn con thổi, xem các nghệ nhân chuốt gốm. Ngoài ra, còn có thể tham quan các di tích như Đình Xuân Mỹ, tổ nghề gốm Miếu Nam Diêu.

Việc làng gốm Thanh Hà - Hội An được bình chọn là một trong những làng nghề được yêu thích nhất sẽ là 1 trong những cơ hội, điều kiện để làng gốm được tuyên truyền quảng bá rộng rãi hơn, thu hút đông đảo hơn du khách đến tham quan.

Danh sách “Điểm đến hấp dẫn nhất Việt Nam năm 2015”

* Bãi biển hấp dẫn nhất: Nha Trang (Khánh Hòa), Quan Lạn (Quảng Ninh), Mỹ Khê (Đà Nẵng).

* Khu vui chơi giải trí hấp dẫn nhất: Vinpearl Land (Khánh Hòa), Lạc Cảnh Đại Nam Văn Hiến (Binh Dương), Đầm Sen (TP. Hồ Chí Minh).

* Resort hấp dẫn nhất: InterContinental Danang Sun Peninsula (Đà Nẵng), Vinpearl Phú Quốc (Kiên Giang), Six Senses Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Bảo tàng yêu thích nhất: Bảo tàng Dân tộc học (Hà Nội), Bảo tàng Chứng tích chiến tranh (TP. Hồ Chí Minh), Bảo

tàng Cổ vật Cung đình Huế (Thừa Thiên Huế).

Làng nghề được yêu thích nhất: Làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), Làng hoa giấy Thanh Tiên (Thừa Thiên Huế), Làng gốm Thanh Hà - Hội An (Quảng Nam) ♦

**Lễ phát động phong trào
toàn dân chung tay xây dựng
nông thôn mới và khai mạc đại hội
thể dục thể thao xã Tân Hiệp**

Hồng Việt



Sáng ngày 26/4/2016, tại Cù Lao Chàm, UBND xã Tân Hiệp đã long trọng tổ chức lễ phát động phong trào toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới và khai mạc đại hội thể dục thể thao xã Tân Hiệp lần thứ 4. Về tham dự buổi lễ có đồng chí Trần Ánh - Phó Bí thư thường trực thành ủy Hội An, đồng chí Nguyễn Thế Hùng - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hội An, đại biểu các ban ngành của thành phố, lãnh đạo Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN xã Tân Hiệp,... cán bộ và chiến sỹ tiểu đoàn 270, đồn biên phòng Cù Lao Chàm, học sinh và giáo viên trường tiểu học và trung học cơ sở ở địa phương, nhân dân 4 thôn xã Tân Hiệp.

Trong diễn văn khai mạc, Bí thư Đảng ủy xã Tân Hiệp - Trần Tấn Dũng nhấn mạnh mục tiêu xây dựng nông thôn mới của xã Tân Hiệp là: “*Xây dựng và phát triển kinh tế du lịch-dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, và có bản sắc riêng, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo phát triển mạnh mẽ du lịch cộng đồng. Xây dựng xã nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, có kiến trúc, cảnh quan phù hợp với tự nhiên, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với kinh tế du lịch là mũi nhọn, gắn lâm ngư nghiệp với dịch vụ du lịch, xây dựng và phát triển xã nông thôn mới trên cơ sở đảm bảo ổn định, giàu bản sắc văn hóa cư dân biển đảo, bảo vệ tốt môi trường sinh thái, môi trường nhân văn. Hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng phải được tăng cường; nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và chiến sỹ trên đảo*”.

Phát biểu chỉ đạo về xây dựng nông thôn mới ở Tân Hiệp tại buổi lễ phát động, đồng chí Nguyễn Thế Hùng nêu rõ việc xây dựng xã nông thôn mới ở Tân Hiệp là nhiệm vụ hàng đầu, trọng tâm xuyên suốt từ nay đến năm 2020 cũng như những năm tiếp theo của Tân Hiệp. Đồng thời nêu lên những vấn đề mà Đảng ủy, chính quyền, hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân xã đảo, các cơ quan, đơn vị đóng chân trên địa bàn xã cần quan tâm thực hiện tốt.

Tại buổi lễ, thay mặt thành ủy Hội An, đồng chí Trần Ánh đã tặng lẵng hoa tươi thắm chúc phong trào toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới tại Tân Hiệp đạt được nhiều thành tựu mới, đại hội thể dục thể thao xã Tân Hiệp lần thứ 4 thành công tốt đẹp♦

Tiếp chuyên gia tổ chức JICA đến làm việc tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Ngọc Hương

Vào chiều ngày 28/4/2015, tại văn phòng Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm đã có buổi tiếp và làm việc với ông OHI Toshiaki - Cố vấn cao cấp Chương trình Tình nguyện viên của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và bà Nguyễn Thị Ngư - Cán bộ của tổ chức JICA.

Tại buổi làm việc, hai bên đã nghe các tình nguyện viên đang công tác tại Trung tâm báo cáo về kết quả công tác trong thời gian vừa qua và kế hoạch công việc trong thời gian đến. Ngoài ra các bên còn trao đổi, thảo luận về yêu cầu tình nguyện viên kế nhiệm trong thời gian tiếp theo, đặc biệt chú trọng các tình nguyện viên thuộc lĩnh vực Bảo tàng và tu bổ kiến trúc. Dự kiến trong tháng 10 này, JICA sẽ tổ chức đợt tuyển chọn Tình nguyện viên mới kế nhiệm♦

Triển khai chương trình làm tư liệu ký ức văn hóa Hội An

Phước Tịnh

Ký ức về lịch sử - văn hóa Hội An là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu về Hội An. Hiện nay, bộ phận tư liệu ký ức về Hội An thời kỳ 1975 về trước đang bị mai một dần. Để kịp thời thu thập những thông tin về văn hóa Hội An trong giai đoạn này qua tư liệu ký ức, từ tháng 4 đến tháng 10/2016, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An triển khai chương trình làm tư liệu ký ức văn hóa Hội An, trong đó tập trung vào 8 nội dung chính gồm: Các

địa chỉ văn hóa; Sinh hoạt thường ngày của người dân Hội An; Trang phục; Phương tiện đi lại; Kinh doanh - buôn bán; Thể dục thể thao; Ẩm thực và Phong tục trong cưới hỏi, tang ma. Đối tượng làm tư liệu ký ức là những người sống lâu năm tại địa phương và am hiểu sâu sắc về văn hóa Hội An trước năm 1975. Những thông tin thu thập qua thực hiện chương trình này góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An trong thời gian đến♦

Khánh thành nhà Đông nhà Tây chùa Hải Tạng - Tân Hiệp

Hoàng Phúc



Sáng ngày 28/4/2016 (nhằm ngày 22/3 ÂL), Ban hộ tự chùa Hải Tạng, thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp, thành phố Hội An đã tổ chức lễ hoàn nguyện, cắt băng khánh thành tu bổ nhà Đông, nhà Tây của chùa. Công trình được hoàn thành sau gần một năm xây dựng với sự đóng góp nhân lực, vật lực của các nhà hảo tâm trong và ngoài nước. Buổi lễ diễn ra long trọng với sự tham dự của nhiều đại biểu quan khách và Đạo hữu Phật tử gần xa. Trước đó, vào ngày 27/4, tại di tích cũng diễn ra nhiều hoạt

động như: Khai kinh cúng ngộ, thuyết pháp...

Chùa Hải Tạng từ lâu đã là địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng của người dân xã đảo, đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia vào năm 2006. Việc xây dựng thêm nhà Đông, nhà Tây tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu tập của Phật tử nơi đây, đồng thời du khách cũng có điểm dừng chân thư giãn, nghe giới thiệu thông tin về chùa cũng như những câu chuyện kỳ thú trên đảo♦

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích lăng Tiêu Diện

Ngọc Hương



Lăng Tiêu Diện là một trong những di tích tín ngưỡng quan trọng ở phường Cửa Đại - thành phố Hội An. Trải qua thời gian dưới tác động bởi các yếu tố bất lợi của thời tiết và quá trình sử dụng nên di tích hiện đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm bảo tồn và phát huy tốt giá trị của di tích phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của người dân địa phương, vừa qua UBND thành phố Hội An có chủ trương cho phép triển khai thi công tu bổ di tích này. Sau khi hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư, vào ngày 04/5/2016, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành trên địa bàn thành phố,

UBND phường Cửa Đại đã tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích cho đơn vị thi công. Tổng kinh phí tu bổ di tích được phê duyệt là 717.539.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách thành phố Hội An hỗ trợ cho việc tu bổ di tích năm 2016♦

Khảo sát thực địa tại Cù Lao Chàm phục vụ dự án “Đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông nghiệp và làng ngư nghiệp”

Thanh Lương



Trong 3 ngày từ ngày 04 đến 06/5/2016, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cùng với Giáo sư Tomoda Hiromichi (Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa) và Tiến sĩ Ando Katsuhiro (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản) tổ chức chuyến khảo sát thực địa tại Cù Lao Chàm phục vụ dự án “Đa dạng hóa sinh kế thông qua du lịch di sản tại các làng nông nghiệp và làng ngư nghiệp”. Chuyến khảo sát lần này tập trung các hoạt động: nghiên cứu xây dựng tuyến tham quan du lịch tại Bãi Làng; tìm hiểu đặc trưng kiến trúc của Cù Lao Chàm để nghiên cứu phương án phục hồi, tôn tạo cảnh quan kiến trúc của làng ngư nghiệp truyền thống Cù

Lao Chàm; tư vấn hỗ trợ một số nhà dân phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động du lịch, vừa tạo sức hấp dẫn cho du khách, vừa tạo điều kiện cải thiện sinh kế cho người dân địa phương.

Chiều ngày 06/5/2016, đoàn khảo sát có buổi làm việc với lãnh đạo UBND thành phố Hội An, UBND xã Tân Hiệp và các cơ quan ban ngành có liên quan của thành phố để báo cáo kết quả chuyến khảo sát cũng như trình bày một số quan điểm và giải pháp định hướng công tác bảo tồn di sản và phát triển du lịch nơi đây, trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác bảo tồn tính truyền thống của cảnh quan kiến trúc làng Tân Hiệp, công tác thu gom và xử lý rác thải và một số vấn đề căn cơ khác để đảm bảo tính bền vững cho du lịch tại Cù Lao Chàm♦

**Bàn giao mặt bằng thi công
sửa chữa nhỏ và dựng bia thông tin
một số di tích lịch sử cách mạng
trên địa bàn thành phố**

Ngọc Hương

Sáng ngày 12/5 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố và UBND phường Cẩm Châu, xã Cẩm Kim, Cẩm Thanh tiến hành bàn giao mặt bằng thi công sửa chữa nhỏ và dựng bia thông tin một số di tích lịch sử cách mạng gồm: Di tích xóm Mồ Côi - phường Cẩm Châu, vườn bà Thủ Khoa - xã Cẩm Kim, bến đò thôn 2 và vườn xã Tiếp - xã Cẩm Thanh cho đơn vị thi công. Tổng kinh phí đầu tư để sửa chữa và dựng bia thông tin các di tích nêu trên là 290.215.000 đồng, từ nguồn ngân sách thành phố Hội An. Thời gian thi công hoàn thành trong 60 ngày.

Việc sửa chữa và dựng bia thông tin các di tích lịch sử cách mạng này nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích, đồng thời tăng cường thông tin, tuyên truyền truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng đến đông đảo nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Hội An hôm nay♦

**UBND thành phố Hội An phê duyệt
kinh phí lập kế hoạch quản lý di sản
thế giới khu phố cổ Hội An**

Hồng Việt

Ngày 04/5 vừa qua, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí lập Kế hoạch quản lý di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Theo đó, tổng kinh phí được phê duyệt để lập kế hoạch là 1.155.080.000 đồng, từ nguồn kinh phí phi vật thể của thành phố năm 2016.

Kế hoạch quản lý di sản là một trong những thành phần bắt buộc đối với những hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới cũng như đối với những hồ sơ di sản văn hóa thế giới đã công nhận trước đây, trong đó có hồ sơ di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An.

Việc UBND thành phố Hội An phê duyệt kinh phí lập kế hoạch quản lý di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai lập kế hoạch quản lý sớm hoàn thành để bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của UNESCO cũng như của Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch nước ta♦

**Hội thi thuyết trình
nhân kỷ niệm 126 năm ngày sinh
Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Lệ Xuân



Chào mừng kỷ niệm 126 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2016), vào ngày 19/5/2016, Chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức hội thi thuyết trình với chủ đề *“Thế hệ trẻ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An với lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa trong giai đoạn mới”*. Trong hội thi thuyết trình này, Ban Tuyên huấn Đảng bộ Trung tâm cũng đã tổ chức tổng kết 5 năm việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/W, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*.

Tham dự hội thi thuyết trình có 7 đội của 7 phòng chuyên môn thuộc Trung tâm. Thành viên của mỗi đội là cán bộ chuyên môn của các phòng, trong đó ưu tiên đoàn viên thanh niên. Nội dung dự thi có 2 phần gồm văn nghệ và thuyết trình. Về thuyết trình, các đội tham gia dự thi với nhiều hình thức phong phú như thuyết trình, kể chuyện, kết hợp trình chiếu... Bám theo

chủ đề của hội thi, nội dung các bài thuyết trình của các đội đã tập trung nhận thức về lý tưởng của thanh niên trong giai đoạn hiện nay, nhận thức về xây dựng đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa và nhận thức về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Những tiết mục văn nghệ của các đội dự thi cũng không kém phần hấp dẫn, góp phần tạo thêm không khí sôi nổi của hội thi.

Kết quả hội thi, Ban Giám khảo đã chọn và trao 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba và 03 giải khuyến khích cho các đội tham gia.

Qua hội thi này, đã góp phần nâng cao nhận thức và hành động trong toàn thể cán bộ, viên chức, lao động của cơ quan để thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo môi trường để cán bộ, viên chức, lao động phát huy năng lực bản thân, đặc biệt là thế hệ trẻ, đồng thời, tăng cường sự giao lưu học hỏi, tạo sự gắn kết giữa các cá nhân, tổ chức trong đơn vị♦

Trung bày ảnh với chủ đề “*Những hình ảnh tư liệu bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp tại thành phố Hội An qua các thời kỳ*”

Ngọc Hương

Nhằm chào mừng cuộc Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến



hành sưu tầm, tập hợp tư liệu, hình ảnh từ các đơn vị, cá nhân để tổ chức trưng bày ảnh với chủ đề “*Những hình ảnh tư liệu bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tại thành phố Hội An qua các thời kỳ*”. Thời gian trưng bày từ ngày 18 đến ngày 25/5/2016, tại sân Bảo tàng Hội An - số 10B Trần Hưng Đạo.

Với hơn 50 hình ảnh về các cuộc Bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp qua các thời kỳ được lựa chọn trưng bày, qua đó nhằm tăng cường nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của cuộc Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; vai trò của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân trong việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây cũng là dịp để chúng ta cùng nhìn lại truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ, quân và dân Hội An, qua đó càng thêm tự hào, tin yêu và quyết tâm lập nên những thành tích mới trên quê hương phố Hội♦

Đoàn phóng viên Truyền hình và Báo viết Nhật Bản đến quay phim Hội An

Tú Anh

Từ ngày 24 đến 26/5/2016, Đoàn phóng viên Truyền hình và Báo viết Nhật Bản đã đến Hội An để thực hiện phóng sự, viết bài giới thiệu về tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam. Đoàn đã có những cảnh quay tại các địa điểm như: biển An Bàng, Cửa Đại, một số nhà hàng dọc bờ biển. Tại khu phố cổ Hội An, đoàn đã quay một số điểm bảo tàng, di tích như bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, Văn hóa Dân gian, di tích Chùa Cầu, nhà cổ Tấn Ký, nhà cổ Phùng Hưng, nhà cổ Quân Thắng và hoạt động chợ đêm cũng như quang cảnh sinh hoạt của người dân địa phương. Được biết, đoàn cũng quay phim tại thị xã Điện Bàn và huyện Duy Xuyên. Việc đoàn phóng viên Truyền hình và Báo viết Nhật Bản đến quay phim tư liệu về Hội An góp phần quảng bá, giới thiệu hình ảnh du lịch Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng đến với bạn bè thế giới, tăng cường thu hút khách du lịch đến tham quan Hội An, đặc biệt du khách người Nhật Bản trong thời gian đến♦

Học sinh Đà Nẵng tham quan bảo tàng Hội An

Lê Thị Tuấn

Trước khi kết thúc năm học 2015-2016, vào ngày 20/5/2016 Ban Giám hiệu Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bá Phát - Hòa Liên - Hòa Vang - thành phố Đà Nẵng đã tổ chức cho đoàn học

sinh gồm 80 em đến tham quan Bảo Tàng Hội An.

Tại đây, các em chăm chú nghe cán bộ bảo tàng giới thiệu truyền thống yêu nước của quân và dân Hội An thông qua những hiện vật, tư liệu được trưng bày. Với giọng kể truyền cảm của cán bộ bảo tàng về kỷ vật chiếc áo của anh hùng Bùi Chát hay tấm gương hy sinh của anh hùng Lê Văn Đức qua hiện vật chiếc ghe, các em rất xúc động và bày tỏ lòng cảm phục đối với những chiến sỹ cách mạng đã anh dũng hy sinh để các em được sống dưới bầu trời hòa bình hôm nay.

Trước khi chia tay Bảo tàng Hội An - 10B Trần Hưng Đạo, các em được ngắm toàn cảnh Hội An tại tầng 5 của bảo tàng. Đây là một vị trí ngắm nhìn Hội An từ trên cao lý tưởng nhất nên đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng các em. Các em ra về với lòng lưu luyến và hẹn sẽ trở lại bảo tàng Hội An trong mùa hè này♦

**Bàn giao mặt bằng
thi công tu bổ một số di tích
trên địa bàn thành phố Hội An**

Ngọc Hương

Chiều ngày 31/5 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố và UBND phường Minh An, phường Thanh Hà tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ một số di tích trong khu phố cổ gồm: Di tích nhà số 97 Bạch Đằng với tổng mức đầu tư là 1.125.279.000; Bảo tàng Y học Cổ truyền Hội An số 46 Nguyễn Thái Học

với mức đầu tư là 1.210.950.000 đồng; nhà số 77 Trần Phú với tổng mức đầu tư là 3.287.251.000 đồng và di tích miếu Bà Phở Trung Lương phường Thanh Hà với tổng mức đầu tư là 326.803.000 đồng. Các di tích này được tu bổ từ nguồn ngân sách tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An bố trí trùng tu di tích hằng năm cùng với nguồn vốn của chủ di tích đối với di tích thuộc sở hữu tư nhân. Việc tu bổ các di tích nói trên vừa đáp ứng nhu cầu sinh sống thường nhật của người dân tại các di tích, đồng thời góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật của di tích nói riêng và Khu phố cổ Hội An nói chung♦

Heritage Photo Tour 2016 tại Hội An

Hoàng Phúc



Chương trình Heritage Photo Tour 2016 do Tạp chí Heritage (thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam) phối hợp với Câu lạc bộ các Di sản thế giới tại Việt Nam và Văn phòng UNESCO tại Hà Nội tổ chức sáng tác ảnh tại các khu di sản khu vực miền Trung từ ngày 22 - 31/5/2016, gồm: Vườn quốc gia Phong

Nha - Kê Bàng, Di tích Cổ đô Huế, Khu phố cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn. Mục đích của hoạt động này nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh các Di sản thế giới tại Việt Nam ở trong nước và quốc tế; tạo nguồn tư liệu ảnh phong phú, chất lượng cao cho các bài viết về các di sản đăng trên Tạp chí Heritage và phục vụ quảng bá hình ảnh cho các khu di sản; tăng cường giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng sáng tác giữa cán bộ các khu di sản với đội ngũ nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp.

Trong hai ngày 29, 30/5/2016, các thành viên đoàn Heritage Photo Tour 2016 thực hiện sáng tác ảnh tại Hội An. Đoàn gồm có 9 nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, trong đó có hai nhiếp ảnh gia đến từ Hội An là Mai Thành Chương và Võ Rin và 7 nhiếp ảnh gia đến từ các Tỉnh, Thành phố khác. Ngoài ra còn có hai thành viên Tạp chí Heritage. Đoàn tác nghiệp trong khu phố cổ, làng chài ở Cửa Đại và Rừng dừa Bảy mẫu ở Cẩm Thanh. Các nhiếp ảnh gia đã làm việc rất hăng say, nhiệt tình để có được những bức ảnh đẹp, góc máy lạ, thú vị về các di tích, thiên nhiên và con người Hội An.

Được biết, chương trình Heritage Photo Tour lần đầu tiên được thực hiện rất thành công năm 2015, đi tới 4 khu Di sản khu vực phía Bắc là vịnh Hạ Long, Hoàng thành Thăng Long, Tràng An và thành nhà Hồ♦

Khóa tập huấn khảo cổ học dưới nước tại Hội An

Hồng Việt



Trong thời gian từ ngày 4 - 19/6/2016, Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Nhóm nghiên cứu quốc tế di tích Bạch Đằng - Vân Đồn phối hợp với thành phố Hội An tổ chức khóa tập huấn Khảo cổ học dưới nước năm 2016. Tham gia lớp tập huấn có các học viên đến từ Viện Khảo cổ học Việt Nam, Đại học Flinder, Đại học Southampton. Giảng viên là những chuyên gia về khảo cổ học dưới nước gồm GS. Mark Staniforth của Đại học Monash - Úc, TS. Sally Rita May của Bảo tàng Tây Úc, TS. Martin Polkinghorne và TS. Wendy Van Duivenvoorde - Đại học Flinder. Khóa tập huấn lần này sử dụng phương pháp khảo sát viễn thám và lặn sử dụng bình khí nén tại khu vực Cù Lao Chàm. Mục đích của khóa tập huấn là nhằm nâng cao kỹ năng khảo cổ dưới nước cho các học viên và khảo sát tìm hiểu về khảo cổ học hàng hải ở khu vực Cù Lao Chàm♦

Tham gia lớp tập huấn về phương pháp biên soạn lịch sử Việt Nam

Ngọc Hương



Trong hai ngày 10, 11 tháng 6, tại thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã tổ chức lớp tập huấn về Phương pháp biên soạn lịch sử Việt Nam dành cho hội viên thuộc các Hội và Chi hội Khoa học Lịch sử ở địa phương từ thành phố Thanh Hóa đến Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa. Lớp tập huấn này do các nhà nghiên cứu đầu ngành thuộc lĩnh vực khoa học lịch sử Việt Nam như GS.VS. NGND Phan Huy Lê, GS.TS.NGND Nguyễn Quang Ngọc, GS.TSKH Vũ Minh Giang, ông Dương Trung Quốc - Phó Chủ tịch - Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam... báo cáo, giảng dạy với các chuyên đề: Nguyên tắc, phương pháp biên soạn và nội dung cốt lõi của bộ Lịch sử Việt Nam; Phương pháp biên niên lịch sử; Một số phương pháp mới vận dụng trong nghiên cứu lịch sử (*thống kê định lượng, liên ngành, khu vực học...*); Những Phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương và chuyên ngành; Một số vấn đề về thực trạng nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương hiện nay;... Ngoài việc giảng dạy, trao đổi

những phương pháp biên soạn lịch sử, lớp tập huấn còn thông tin những kết quả mới trong nghiên cứu về vùng đất Nam Bộ, lịch sử phong trào - triều đại Tây Sơn, Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa cũng như trách nhiệm của nhà sử học trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Thành phố Hội An có 7 cán bộ chuyên môn tham gia lớp tập huấn này♦

Thông qua phương án thiết kế xây dựng hệ thống thông tin diễn giải du lịch, di tích, danh thắng xã Cẩm Thanh

Hoàng Phúc

Thực hiện Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND Thành phố về việc Phê duyệt kế hoạch phát triển du lịch xã Cẩm Thanh, sáng ngày 22/6/2016, UBND thành phố Hội An đã có cuộc họp thông qua phương án thiết kế xây dựng hệ thống thông tin diễn giải du lịch, di tích, danh thắng xã Cẩm Thanh do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An thực hiện. Cuộc họp do đồng chí Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch UBND thành phố chủ trì, có sự tham gia của lãnh đạo HĐND, UBND Thành phố, đại diện các ban ngành liên quan và lãnh đạo UBND xã Cẩm Thanh. Sau khi nghe các thành viên thảo luận, góp ý phương án thiết kế về kiểu dáng, vị trí lắp đặt, chất liệu..., đồng chí Nguyễn Văn Sơn - chủ trì cuộc họp đã kết luận: giao cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phát triển phương án này thành phương án quy hoạch cụ thể về hệ thống thông tin diễn giải du lịch, chia làm 2 giai đoạn: đầu tư trước mắt và đầu tư lâu dài; kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách

Thành phố, nguồn xã hội hóa và kêu gọi sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Trong thời gian tới, khi hệ thống thông tin diễn giải được lắp đặt, bên cạnh tham quan Rừng dừa 7 mẫu, du khách sẽ dễ dàng tìm đường đi đến tham quan, tìm hiểu các di tích, nhờ đó, các di tích được bảo tồn, phát huy giá trị tốt hơn, du lịch địa phương có nhiều khởi sắc hơn♦

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích nhà số 07 Trần Phú

Trung Hưng

Di tích nhà số 07 Trần Phú thuộc loại 2, nằm trong khu vực bảo vệ 1 Khu phố cổ Hội An. Trải qua thời gian, di tích đã bị xuống cấp nghiêm trọng, cần tu bổ khẩn cấp. Được sự thống nhất chủ trương đầu tư của cơ quan chức năng, chiều ngày 22/6 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố và UBND phường Minh An, tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích nhà số 07 Trần Phú. Tổng mức đầu tư tu bổ di tích được phê duyệt là 1.057.889.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng*), từ nguồn vốn hỗ trợ 100% kinh phí của tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An để tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ trong năm 2016. Việc tu bổ di tích nói trên vừa đáp ứng nhu cầu sinh sống thường nhật của người dân tại di tích, đồng thời góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật của di tích nói riêng và Khu phố cổ Hội An nói chung♦

Tiếp nhận lá thư của Liệt sĩ Trương Thị Thanh Hồng

Huyền Vy

Sáng ngày 27/6/2016, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiếp nhận từ ông Trương Trọng Hải trú tại số nhà 72 đường Trần Cao Vân, thành phố Hội An 1 lá thư của liệt sĩ Trương Thị Thanh Hồng, em ruột ông Hải, viết tại Kỳ Phú, Tam Kỳ ngày 25/06/1970. Theo ông Hải đây là 1 trong 5 lá thư mà liệt sĩ Thanh Hồng viết đề động viên ông khi ông đang là bộ đội thực thi nhiệm vụ và học tập ở miền Bắc. Nội dung lá thư còn thông báo tình hình đế quốc Mỹ càn quét tại quê nhà và động viên ông Hải cứ yên tâm mà phục vụ cho Đảng và Cách mạng.

Việc tiếp nhận lá thư do ông Hải hiến tặng sẽ góp phần bổ sung vào trưng bày hiện vật bảo tàng Hội An. Trung tâm sẽ tiến hành lập hồ sơ hiện vật và đưa vào trưng bày phát huy giá trị trong thời gian tới♦

Tình hình khách tham quan các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm quản lý trong 6 tháng đầu năm 2016

Trang Thi

Trong 6 tháng đầu năm 2016, các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý đã đón được 870.055 lượt khách. Trong đó, khách quốc tế là 636.682 lượt, khách nội địa là: 233.373 lượt, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2015 (6 tháng đầu năm 2015: 615.515 lượt khách). Đạt 91% so với kế hoạch đề ra trong 6 tháng đầu năm 2016.



Đạt được kết quả trên là nhờ vào công tác quản lý chặt chẽ và không ngừng đẩy mạnh công tác quảng bá, đưa hình ảnh Hội An đến với du khách trong và ngoài nước của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, cùng với sự đón tiếp nhiệt tình và ân cần của đội ngũ nhân viên tại các bảo tàng, di tích nên đã thu hút được đông đảo du khách đến tham quan và chiêm ngưỡng.

Trong 6 tháng cuối năm 2016, Trung tâm sẽ tiếp tục phát huy và xây dựng hình ảnh các bảo tàng, di tích với nhiều hoạt động bổ ích và thiết thực hơn (xây dựng các điểm dừng chân, tổ chức các hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng”, hoạt động trình diễn nghề làm gốm, làm bánh đậu xanh...) để ngày càng thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan♦



VAÊN BAÙN PHAÙP QUY

TRÍCH BỘ TIÊU CHÍ HƯỚNG DẪN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC DI TÍCH CẤP QUỐC GIA

Quản lý Di tích

Ngày 31/12/2015, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Quyết định số 4666/QĐ-BVHTTDL về việc ban hành Bộ tiêu chí hướng dẫn bảo vệ môi trường tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia. Nay, Ban Biên tập trích giới thiệu nội dung bộ tiêu chí để chúng ta cùng tham khảo.

I. NHÓM TIÊU CHÍ CHUNG

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
A	Bảo vệ môi trường tự nhiên			
A1	Trong quy hoạch di tích (nếu có) phải bố trí các công trình, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường tại di tích	Có sơ đồ rõ ràng, phù hợp với cảnh quan, địa hình và đặc điểm của di tích; đáp ứng được nhu cầu sử dụng tại di tích theo	x	

		các quy định của pháp luật		
A2	Quản lý chất thải			
A2.1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	Xây dựng và vận hành theo quy định hiện hành; Nước thải sau khi xử lý phải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải sinh hoạt	x	
A2.2	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn	Tối thiểu đạt 80%	x	
A2.3	Phân loại chất thải rắn	Có biện pháp phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn	x	
A2.4	Vị trí khu tập kết trung chuyển chất thải rắn	Đảm bảo hợp vệ sinh, không gây ảnh hưởng đến cảnh quan di tích; tuân theo các quy định của pháp luật	x	
A2.5	Cơ sở xử lý chất thải rắn (nếu có)	Đối với những di tích phải xây dựng cơ sở (lò đốt, trạm xử lý...) để xử lý chất thải rắn do đặc thù không thể vận chuyển hoặc khó khăn trong việc vận	x	

		chuyển chất thải rắn đến nơi khác để xử lý, trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành phải đảm bảo tuân theo các quy định hiện hành.		
A2.6	Thiết kế các trang thiết bị lưu chứa và thu gom chất thải rắn	Phù hợp với cảnh quan di tích; kiểu dáng thích hợp, có nắp đậy, thuận tiện cho việc phân loại rác ngay tại nguồn; kích cỡ phải phù hợp với thời gian lưu giữ	x	
A2.7	Bố trí địa điểm đặt trang thiết bị lưu chứa và thu gom chất thải rắn	Hợp lý, không ảnh hưởng đến cảnh quan di tích; đáp ứng được nhu cầu sử dụng, thuận tiện và dễ nhận biết	x	
A2.8	Phân luồng các phương tiện giao thông hoạt động trong khu vực di tích trên cả đường bộ và đường thủy (nếu có) để giảm lượng khí thải	Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện trong thực tế.	x	

A2.9	Bãi đỗ, bến neo đậu... cho các loại hình phương tiện giao thông khác nhau	Đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng trong thời gian cao điểm nhất.	x	
A2.10	Cấm, hạn chế hút thuốc lá trong khu vực di tích	Cấm hút thuốc lá trong khu vực nội tự; Tuyên truyền, vận động, nhắc nhở du khách không hút thuốc lá tại những khu vực khác trong di tích. Có hệ thống biển báo bằng chữ viết (Tiếng Việt và Tiếng Anh) và hình ảnh minh họa.	x	
A2.11	Giải pháp tiết kiệm nước	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trong thực tế.		x
A2.12	Thời gian lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	Không quá 2 ngày (48 giờ).		x
A2.13	Tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu lượng chất thải rắn đổ đến các khu chôn lấp	Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện trong thực tế theo quy định của pháp luật.		x
A2.14	Sử dụng các phương tiện giao thông thân thiện	Các loại phương tiện không phát sinh khí thải		x

	với môi trường	độc hại (xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, ô tô điện...), hoặc hoạt động bằng nhiên liệu thân thiện với môi trường.		
A3	Hệ thống nhà vệ sinh			
A3.1	Thiết kế và vị trí	Phù hợp với cảnh quan và đặc điểm di tích; đáp ứng nhu cầu sử dụng; dễ nhận biết, dễ tiếp cận, đảm bảo an ninh, an toàn cho người sử dụng	x	
A3.2	Trang thiết bị tiện nghi	Hoạt động tốt, lắp đặt chắc chắn, gọn gàng, bảo đảm thông thoáng, sạch sẽ, đủ ánh sáng	x	
A3.3	Hệ thống biển báo	Có ngôn ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc kèm hình ảnh minh họa; đặt ở vị trí thuận lợi để quan sát.	x	
A3.4	Bố trí, thuê nhà vệ sinh (lưu động hoặc cố	Có kế hoạch và đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử	x	

	định) vào thời kỳ hoạt động cao điểm của di tích	dụng tăng đột biến.		
A3.5	Nhân lực phục vụ	Bổ trí đủ và thường xuyên để đảm bảo nhà vệ sinh luôn hoạt động tốt	x	
A4	Bảo vệ môi trường trong công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích			
A4.1	Thực hiện Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Kế hoạch bảo vệ môi trường	Các dự án là đối tượng phải lập Báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, được thẩm định, phê duyệt trước khi tiến hành thực hiện dự án.	x	
A4.2	Sử dụng các vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường trong quá trình bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích.	Được thể hiện trong quá trình lập dự án, triển khai thực hiện trong bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích		x
A5	Nhân lực và kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường			
A5.1	Nguồn nhân lực theo dõi quản lý công	Bổ trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm	x	

	tác bảo vệ môi trường	nhiệm có kiến thức chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu của công tác bảo vệ môi trường tại di tích.		
A5.2	Nguồn kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường	Được bố trí theo các quy định hiện hành của Nhà nước và đặc thù của địa phương.	x	
A5.3	Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường	Có sự tham gia, hưởng ứng của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động bảo vệ môi trường và tuân theo quy định của pháp luật.		x
B	Bảo vệ môi trường văn hóa - xã hội			
B1	Đối với Ban quản lý di tích			
B1.1	Phòng ngừa và ngăn chặn các hiện tượng ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa - xã hội, tình hình an ninh trật tự trong phạm vi khu di tích	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.	x	
B1.2	Tổ chức và sắp xếp các dịch vụ phục	Sắp xếp hệ thống hàng quán dịch vụ	x	

	vụ du khách	hợp lý, thuận tiện cho du khách, không ảnh hưởng đến không gian di tích.		
B1.3	Nội quy hoạt động của di tích	Có xây dựng, được niêm yết công khai, đặt tại vị trí dễ quan sát.	x	
B1.4	Hướng dẫn du khách thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại di tích	Có hệ thống chỉ dẫn (biển báo, loa đài...) rõ ràng, thường xuyên; bố trí hợp lý, không ảnh hưởng đến cảnh quan và đặc điểm của di tích.	x	
B1.5	Tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin do khách tham quan cung cấp	Thiết lập đường dây nóng, thông tin được niêm yết công khai, dễ quan sát.	x	
B 1.6	Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động bảo vệ môi trường tại di tích	Tích cực tham gia các hoạt động, sự kiện bảo vệ môi trường do chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức; Kiến nghị với các cơ quan chức năng xử lý kịp thời		x

		những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh di tích.		
B1.7	Các hoạt động chia sẻ lợi ích từ việc khai thác giá trị di tích đối với cộng đồng địa phương	Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tại địa phương có di tích được hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật trong và xung quanh di tích; Có các đóng góp thiết thực cho các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương.		x
B2	Đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hoạt động kinh doanh dịch vụ tại di tích (bao gồm cả các cơ sở lưu trú du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, kinh doanh vận chuyển...)			
B2.1	Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Yêu cầu ký kết và thực hiện theo đúng các cam kết Bảo vệ môi trường với Ban quản lý di tích và các cơ quan chức năng liên quan.	x	

B2.2	Hướng dẫn du khách thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại di tích	Có bố trí nhân lực, tài liệu, hệ thống biển chỉ dẫn; thực hiện thường xuyên.	x	
B2.3	Việc kinh doanh, trưng bày hàng hóa tại di tích	Đảm bảo phù hợp với tính chất và không gian di tích, phải tuân theo các quy định do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.	x	
B2.4	Hướng ứng, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường; khai thác, phát triển du lịch bền vững theo quy định của pháp luật trên địa bàn.	Tham gia ký kết giữa các bên (Ban quản lý, chính quyền địa phương, doanh nghiệp...) và triển khai trong thực tế.		x
B3	Đối với du khách tại di tích			
B3.1	Thực hiện nội quy di tích, các quy định, hướng dẫn về bảo vệ môi trường tại di tích	Bỏ chất thải đúng nơi quy định; Giữ gìn vệ sinh công cộng; Không xâm hại cảnh quan di tích, các loài sinh vật tại di tích.	x	
B3.2	Thực hiện các quy định về nếp sống văn minh tại di tích.	Không tham gia vào các hoạt động trái với quy định của pháp luật.	x	

		làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa - xã hội và tình hình an ninh trật tự trong phạm vi khu di tích, trang phục phù hợp, ứng xử văn hóa khi tham quan di tích		
B4	Thắp hương và cúng vàng mã			
B4.1	Khu vực đốt vàng mã	Phải có khu vực riêng, hợp lý, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ	x	
B4.2	Hệ thống thông gió	Bố trí tại nơi thắp hương trong nhà	x	
B4.3	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Bố trí đầy đủ khắp di tích, tăng cường tại những địa điểm có nguy cơ cháy nổ cao	x	
B4.4	Lưu hương phục vụ người hành lễ	Mỗi hạng mục di tích chỉ có một lưu hương		x
B5	Hòm công đức và đĩa giọt dầu			
B5.1	Số lượng hòm công đức	Bố trí không quá 3 hòm công đức cho mỗi hạng mục di tích		x
B5.2	Đĩa đựng tiền giọt dầu	Chỉ đặt trên bàn thờ chính		x

C	Thông tin - Tuyên truyền			
C1	Niêm yết quy định về bảo vệ môi trường			
C1.1	Hình thức, vị trí	Đặt tại vị trí dễ quan sát; Có bảng riêng hoặc lồng ghép với Nội quy của di tích	x	
C1.2	Nội dung	Phải ghi rõ các quy định về bảo vệ môi trường tại di tích	x	
C2	Giáo dục và tuyên truyền			
C2.1	Quảng bá, giới thiệu về giá trị của di tích và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường đối với hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di tích	Xây dựng tài liệu, tiến hành quảng bá thông qua nhiều phương tiện truyền thông khác nhau.		x
C2.2	Tập huấn, giáo dục về bảo vệ môi trường tại di tích	Số lần tối thiểu 1 lần/1 năm (có thể kết hợp với các hoạt động tập huấn, giáo dục khác).		x
C3	Hệ thống truyền thanh			
C3.1	Số lượng	Các địa điểm chính tại khu di tích phải có loa phát thanh để thông tin, tuyên truyền,		x

		nhắc nhở du khách thực hiện các quy định cần thiết tại khu di tích.		
C3.2	Chất lượng	Đảm bảo hệ thống có thể hoạt động tốt, liên tục, tín hiệu âm thanh rõ ràng.		x

II. NHÓM TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ

Bên cạnh việc thực hiện các quy định trên đây, một số di tích có tính chất đặc thù cần phải thực hiện các quy định để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo đặc thù của di tích.

Mã số	Nội dung tiêu chí	Quy định cụ thể	Yêu cầu thực hiện	
			Bắt buộc	Khuyến khích
D	Đối với di tích có tổ chức lễ hội			
D1	Quản lý chất thải			
D1.1	Hệ thống lưu chứa và thu gom rác thải vào thời gian trước, trong và sau quá trình tổ chức lễ hội	Có kế hoạch và biện pháp cụ thể để tăng cường trang thiết bị và nguồn nhân lực nhằm đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu.	x	
D1.2	Thời gian	Không	x	

	lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian tổ chức lễ hội	quá 01 ngày (24 giờ).		
D2	Kiểm soát tiếng ồn			
D2.1	Giảm thiểu tiếng ồn trong khu vực di tích trong thời gian tổ chức lễ hội từ 21 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.	Thực hiện các biện pháp để tiếng ồn không vượt quá 65 dBA (đối với khu vực cần đặc biệt yên tĩnh) 80 dBA (đối với khu vực khác).		x
D2.2	Giảm thiểu tiếng ồn trong khu vực di tích trong thời gian tổ chức lễ hội từ 6 giờ sáng đến 21 giờ trong ngày.	Thực hiện các biện pháp để tiếng ồn không vượt quá 75 dBA (đối với khu vực cần đặc biệt yên tĩnh) 90 dBA (đối với khu vực khác).		x
D2.3	Quy định về vị trí	Khoảng cách đến		x

	của các hoạt động vui chơi giải trí có phát sinh âm thanh.	khu vực nội tự của di tích tối thiểu là 100m.		
D2.4	Quy định về nội dung các hoạt động phát sinh âm thanh trong khu vực di tích.	Phải phù hợp với tính chất của lễ hội và di tích.		x
D2.5	Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phát sinh âm thanh diễn ra tại khu vực di tích, đặc biệt là khu vực nội tự.	Quy định về thời gian tiến hành, không gây ảnh hưởng đến không gian di tích và du khách.	x	
D3	Công tác tổ chức lễ hội	Tuân thủ các quy định hiện hành về tổ chức lễ hội, đảm bảo lễ hội được an toàn, văn minh, lịch sự, tiết kiệm, chống lãng phí.	x	
E	Đối với Danh lam thắng cảnh			
E1	Ứng phó	Có	x	

	với sự có môi trường	phương án, chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết để kịp thời ứng phó và khắc phục tối đa hậu quả.		
E2	Danh lam thắng cảnh có diện tích mặt nước tự nhiên			
E2.1	Các dịch vụ vận chuyển khách du lich bằng phương tiện thủy nội địa, các phương tiện lưu trú, nhà hàng nổi, khách sạn nổi trên diện tích mặt nước do di tích quản lý	Tham gia ký kết và thực hiện theo đúng các quy định về kỹ thuật, trang thiết bị an toàn và bảo vệ môi trường được các cơ quan chức năng kiểm tra xác nhận. Đảm bảo an toàn giao thông trong hoạt động vận tải hành khách du lich.	x	
E2.2	Các hoạt động khai thác	Phải tuân theo các quy định	x	

	sản xuất, neo đậu phương tiện đánh bắt thủy sản và phương tiện vận tải tại khu vực diện tích mặt nước do Ban quản lý di tích quản lý	hiện hành về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan, không gây ảnh hưởng đến di tích.		
E3	Bảo tồn giá trị đa dạng sinh học			
E3.1	Bảo tồn các nguồn gen bản địa quý hiếm (nếu có)	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực tế; thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.	x	
E3.2	Hạn chế các hoạt động làm ảnh hưởng tới hệ sinh thái trong và xung quanh di tích	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực tế; thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.	x	

E3.3	Hạn chế ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật trong công tác chăm sóc thực vật	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cho phép, khuyến khích sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật thân thiện với môi trường.		x
G	Đối với di tích Khảo cổ			
G1	Đối với các hoạt động thăm dò, khai quật khảo cổ			
G1.1	Hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tự nhiên; không gây ô nhiễm nguồn nước nơi khai quật khảo cổ	Phải tiến hành nghiên cứu và có đánh giá môi trường trong dự án khai quật khảo cổ	x	
G1.2	Xử lý đất đá trong quá trình thăm dò, khai quật và các loại chất thải phát sinh khác	Phải xây dựng và tiến hành triển khai kế hoạch xử lý trong và sau quá trình khai quật	x	

DI SAÂN ÑÒÙ ÑAÂY

KINH NGHIỆM BẢO TỒN DI SẢN CỦA LÀNG DỆT YUKI, TỈNH IBARAKI, NHẬT BẢN*

Thu Hương (st)

Công cuộc bảo tồn và phát huy/khai thác giá trị di sản văn hóa mang tính toàn cầu, thể hiện những sáng tạo riêng của một cộng đồng nhất định, trong quá trình ứng xử với di sản của chính cộng đồng mình, do mình làm chủ và thụ hưởng các giá trị văn hóa nói chung. Những kinh nghiệm hữu ích từ công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản từ một cộng đồng/tiểu cộng đồng cụ thể, chí ít cũng là những bài học mang tính ứng dụng khả thi đối với các cộng đồng có môi trường văn hóa tương đồng, từ đó, góp phần nâng cao nhận thức của từng thành viên cộng đồng đối với di sản, tạo ra hiệu ứng tích cực mang tính tổng lực cho sự tham gia của cộng đồng địa phương cùng các nhà quản lý, các nhà khoa học và doanh nghiệp vào sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản, trở thành động lực cho phát triển bền vững đời sống văn hóa - xã hội đương đại.

Với Việt Nam, trong số hơn 2000 làng nghề truyền thống, có không ít làng nghề đã và đang đứng trước nguy cơ chuyển đổi, tiếp biến hoặc tan rã để mưu sinh theo những nghề nghiệp khác nhau, đáp ứng nhu cầu sinh tồn của cộng đồng. Chính vì thế, để củng cố, nâng

cấp và tìm ra hướng đi phù hợp với điều kiện xã hội đương đại, vừa bảo tồn được nghề thủ công truyền thống quen thuộc, vừa phát triển kinh tế và bảo lưu được truyền thống văn hóa làng nghề ở hàng trăm làng quê Việt Nam hiện nay, việc quan tâm giao lưu, học hỏi những kinh nghiệm từ các làng nghề của các nền văn hóa tương đồng với Việt Nam là nhiệm vụ cần thiết. Điều đó không chỉ đòi hỏi nhận thức từ đội ngũ những người thực hành nghề tại các làng quê, mà còn là yêu cầu chính đáng đối với chính quyền, với đội ngũ quản lý văn hóa các cấp tại những địa bàn đã và đang hiện tồn làng nghề truyền thống ở Việt Nam. Với cách đặt vấn đề như vậy, bài viết này khởi đầu cho mục đích được gọi ra trên đây, bằng cách giới thiệu một số kinh nghiệm bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể - kỹ thuật dệt vải truyền thống của làng Yuki, tỉnh Ibaraki, Nhật Bản, vùng đất có nhiều nét văn hóa tương đồng với các làng nghề dệt vải truyền thống của Việt Nam.

Làng Yuki với nghề dệt vải truyền thống

Nằm cách thủ đô Tokyo khoảng 70km về phía Bắc, kề bên dòng sông Kinu là ngôi làng Yuki xinh đẹp, thuộc thành phố Yuki, tỉnh Ibaraki, nơi nổi tiếng với kỹ thuật sản xuất vải có tên là Yuki - tsumugi, một loại vải truyền thống của Nhật Bản có từ thế kỷ thứ XVII, thời đại Edo (1603 - 1867) và tồn tại đến ngày nay. Hiện nay, Nhật Bản chỉ còn lại hai làng, vẫn giữ được kỹ thuật dệt vải truyền thống tsumugi - đó là làng Yuki và làng Oyama, thuộc thành phố Oyama, tỉnh Tochigi, cả hai làng đều nằm bên dòng sông Kinu. Loại vải Yuki - tsumugi nhẹ và ấm, với đặc điểm bền chắc nhưng mềm mại, với các

mẫu hoa văn được thiết kế đẹp và khéo léo, cho cảm giác thoải mái, dễ chịu khi mặc. Vải được làm từ kén tằm. Sản xuất ra một tấm vải loại này phải trải qua nhiều quy trình rất phức tạp và mất nhiều công lao động. Mỗi tấm vải Yuki - tsumugi chỉ có chiều rộng khoảng 40 - 50cm, chiều dài từ 13 - 14m. Do khổ vải hẹp nên loại vải này đặc biệt được sử dụng để may thành những chiếc áo Kimono truyền thống (được ghép từ những dải vải dài có chiều ngang hẹp). Ngày nay, việc sản xuất loại vải này vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa xã hội to lớn đối với cộng đồng dân cư nơi đây thông qua nghề trồng dâu và nuôi tằm. Một trong những lý do để dệt nên những tấm vải lụa có chất lượng cao, chính là nhờ đất đai màu mỡ với khí hậu ẩm áp của tỉnh Ibaraki, là nơi mà cây dâu tằm mọc xanh tốt. Nhiều nhà nghiên cứu còn cho rằng, ngoài điều kiện thuận lợi về tự nhiên như thế, dân làng Yuki luôn có ý thức và quyết tâm tiếp nối truyền thống của tổ tiên: họ có xu hướng bảo vệ đất đai được thừa kế và mong muốn tiếp tục nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải của cha ông để lại.

Để sản xuất ra một tấm vải Yuki - tsumugi, người dệt phải sử dụng khung dệt truyền thống có tên là “Jibata” và trải qua rất nhiều quy trình, trong đó, quan trọng nhất là thực hiện ba bước theo thứ tự “Ito - tsumugi” - xe sợi tơ thô thành tơ mịn bằng tay, “Kasuri - kuruki” - buộc sợi để tạo hoa văn và “Ji-bataori” - căng khung dệt. Đây chính là nét độc đáo nhất của kỹ thuật dệt vải Yuki - tsumugi truyền thống. Không phải ngẫu nhiên mà, ngay từ năm 1956, Chính phủ Nhật Bản đã chính thức công nhận kỹ thuật dệt vải Yuki - tsumugi là tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng

cùng những khẳng định về giá trị lịch sử, nghệ thuật cao, được thể hiện bởi kỹ thuật quý báu của kỹ năng dệt độc đáo và những đặc trưng văn hóa của cộng đồng địa phương. Năm 1977, kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi được Nhà nước vinh danh, đưa vào Danh sách Nghề thủ công truyền thống quốc gia của Nhật Bản. Đến năm 2010, những giá trị vô giá của kỹ thuật dệt vải Yuki- tsumugi đã được UNESCO xét duyệt và tôn vinh, đưa vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Chỉ những tấm vải đẹp nhất được làm bởi bàn tay khéo léo và kỹ thuật tinh xảo của những thành viên Hội Bảo tồn kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba mới được coi là một tác phẩm văn hóa phi vật thể quan trọng. Các kỹ thuật truyền thống để sản xuất Yuki - tsumugi đã được truyền lại bởi các thành viên của Hội Bảo tồn kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba. Những hội viên của Hội trực tiếp tham gia vào quá trình duy trì những tiêu chuẩn cao về xe sợi, nhuộm và dệt - đã được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các bậc tiền bối, bằng tài năng sáng tạo đã thúc đẩy và ngày càng phát huy được kỹ thuật độc đáo này cho đến thời đại hôm nay. Ở Nhật Bản, một trong những cơ sở pháp lý để bảo tồn di sản văn hóa là Luật tài sản văn hóa được Chính phủ ban hành vào năm 1950.

Việc công nhận một tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng theo Luật tài sản văn hóa giúp nâng cao nhận thức, sự hiểu biết và sự quan tâm của công chúng đối với di sản văn hóa phi vật thể. Hiện nay, rất nhiều người dân Nhật Bản ý thức được giá trị và vai trò của tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng. Vì thế, kỹ thuật dệt vải Yuki - tsumugi được

công nhận là tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng (năm 1956), là nghề thủ công truyền thống của quốc gia (năm 1977) và được ghi danh vào Danh sách Di sản đại diện của thế giới (năm 2010) cũng góp phần nâng cao nhận thức của người dân về di sản văn hóa phi vật thể nói riêng và di sản văn hóa nói chung. Như vậy, việc bảo vệ và truyền dạy là vô cùng quan trọng đối với các cộng đồng địa phương, nơi có loại vải Yuki - tsumugi. Ngay từ năm 1961, một tổ chức có tên là Hội Bảo tồn kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi: một tài sản văn hóa phi vật thể đã được chính thức thành lập bởi các chính quyền địa phương có loại vải này nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính cho việc bảo tồn và truyền dạy kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi.

Yuki - tsumugi đã tồn tại với người dân làng Yuki từ thế kỷ XVII. Cho đến nay, đã trải qua rất nhiều thăng trầm, thay đổi về xã hội, văn hóa, kinh tế, nhưng tài sản quý giá này vẫn mãi tỏa sáng và là niềm tự hào của người Nhật Bản chính là nhờ có sự quan tâm của cả chính phủ và cộng đồng. Ngoài Hội Bảo tồn kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi, năm 1976, một tổ chức có tên là Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba đã được thành lập và được chính thức công nhận bởi Chính phủ Nhật Bản theo điều 71, mục 2 của Luật tài sản văn hóa của Nhật Bản. Tổ chức này được chính phủ Nhật Bản công nhận là tổ chức nắm giữ tài sản này. Kỹ thuật dệt được bảo tồn bằng những nỗ lực của Hội cũng như của các chính quyền địa phương có liên quan và chính phủ Nhật Bản. Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba chủ yếu gồm các thợ thủ công lành nghề, Yuki - tỉnh Ibaraki.

Khi mới thành lập, Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki- tsumugi Honba có 171 thành viên, cho đến nay, số thành viên giảm chỉ còn 128 người trực tiếp tham gia vào việc xe sợi, nhuộm, dệt vải trong một thời gian dài và có nhiệm vụ truyền lại những kỹ thuật này. Nguyên nhân của việc suy giảm hội viên là do ngày nay, xuất hiện nhiều loại vải hiện đại làm bằng sợi hóa học, dùng máy móc để xe sợi, những người thợ lành nghề giỏi kỹ thuật truyền thống có thể do tuổi già hoặc do sản xuất lụa bằng tay vừa tốn nhiều thời gian, công sức nhưng lại không đem lại nhiều lợi nhuận cao. Tuy số lượng hội viên có giảm nhưng tôn chỉ và nguyên tắc của Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba luôn luôn nhất quán, là bảo tồn, truyền dạy và phát huy truyền thống này bằng tất cả nỗ lực của mình, thông qua những hoạt động cụ thể.

Trước tiên, mục đích mà Hội quan tâm đầu tiên: đó là bảo tồn và truyền nghề. Các kỹ năng truyền thống được truyền dạy thông qua các hoạt động thường xuyên như trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, đào tạo cho thế hệ trẻ, giới thiệu và phát huy các kỹ năng, kỹ xảo, điều này dẫn tới việc truyền thống liên tục được bảo tồn và phát huy đến hôm nay và cả mai sau. Những hoạt động như vậy có ý nghĩa rất quan trọng đối với những người truyền dạy kỹ thuật dệt vải Yuki - tsumugi mà họ luôn tự hào. Những người truyền nghề được cộng đồng thành phố Yuki, chính quyền địa phương của tỉnh Ibaraki rất hoan nghênh và ủng hộ.

Thứ hai, Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba đã tiến hành những biện pháp cụ thể để bảo vệ và phát huy các kỹ thuật truyền thống dệt

Yuki - tsumugi gồm: (1) tổ chức các hội thảo chuyên đề, ví dụ hội thảo về kỹ thuật xe sợi, hội thảo về bảo tồn việc nhuộm chàm; (2) tổ chức các cuộc thi và bán các tác phẩm được làm bởi các kỹ thuật truyền thống nhằm thúc đẩy các kỹ thuật dệt vải Yuki- tsumugi và (3) hằng năm hỗ trợ kỹ thuật cho việc đào tạo người thừa kế. Thành phố Yuki, thành phố Oyama và các thành phố, thị trấn có liên quan thuộc tỉnh Ibaraki đóng góp về tài chính cho việc quản lý của Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba. Ngoài ra, còn có các công ty và cá nhân cũng đóng góp tài chính hỗ trợ cho các hoạt động của Hội.

Thứ ba, chính quyền tỉnh Ibaraki và tỉnh Tochigi cũng có những hoạt động hỗ trợ để vải truyền thống Yuki - tsumugi được phát triển. Các nhà trưng bày vải Yuki - tsumugi và trang phục Kimono truyền thống đã được chính quyền tỉnh xây dựng. Tại nhà trưng bày, du khách có thể được phát miễn phí các tư liệu (từ gấp, tờ rơi) hướng dẫn, giới thiệu và quảng bá lịch sử nghề dệt, kỹ thuật dệt vải Yuki - tsumugi, được xem các dụng cụ, các bước và quy trình dệt vải thông qua các mô hình thợ dệt bằng sáp rất trực quan và sinh động, giúp người xem tưởng tượng được cách làm nên một tấm vải từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng là như thế nào. Ngoài ra, các thiết chế, như “Bộ phận dịch vụ hướng dẫn nghề dệt” thuộc Trung tâm Công nghệ kỹ nghệ tỉnh Ibaraki”, “Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật tsumugi” thuộc Trung tâm Công nghệ kỹ nghệ tỉnh Tochigi đã được thành lập nhằm giới thiệu, hướng dẫn, phục vụ khách tham quan, tìm hiểu về kỹ thuật dệt vải Yuki- tsumugi truyền thống. Cả hai trung tâm này thường tổ chức các

chương trình liên quan đến việc truyền dạy kỹ thuật dệt Yuki- tsumugi. Ví dụ như tỉnh Ibaraki đã tổ chức một triển lãm đặc biệt có tiêu đề là “Tsumugi: Vẻ đẹp và kỹ xảo của lụa” tại Bảo tàng Nghệ thuật Tenshin tại tỉnh Ibaraki vào năm 2001. Tương tự, tỉnh Tochigi cũng tổ chức một triển lãm đặc biệt với tên gọi “Yuki- tsumugi: Những kỹ năng và vẻ đẹp của nghề dệt tsumugi” vào năm 2004 tại Bảo tàng của tỉnh. Ngoài ra, các tác phẩm Yuki - tsumugi liên tiếp được trưng bày rộng rãi trong các triển lãm có liên quan.

Kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi cũng nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của chính phủ. Từ năm 1957, Cục Tài sản văn hóa của Nhật Bản đã mua những tác phẩm Yuki - tsumugi được làm bằng các kỹ thuật thủ công truyền thống để bảo tồn và phát huy.

Bên cạnh đó, từ năm 1971, Cục Tài sản văn hóa đã sản xuất những bộ phim tài liệu về kỹ thuật tinh xảo của nghề thủ công nhằm mục đích ghi thu lại bằng hình ảnh các kỹ thuật truyền thống. Những bộ phim tư liệu này giúp cho việc bảo tồn các kỹ thuật, đào tạo người thừa kế, nghiên cứu khoa học và phổ biến vốn tài sản văn hóa quý giá. Mỗi năm, Cục Tài sản văn hóa làm một bộ phim như thế và cho đến nay, 36 bộ phim tư liệu đã được sản xuất. Công chúng có thể xem và tìm những tư liệu này tại các bảo tàng và thư viện. Tương tự, phim tư liệu về kỹ thuật dệt vải Yuki- tsumugi cũng đã được lên kế hoạch sản xuất.

Song song với việc sản xuất phim tư liệu, từ năm 1997, Cục Tài sản văn hóa của Nhật Bản mỗi năm tổ chức một cuộc triển lãm với tên gọi “Những kỹ năng tinh xảo và vẻ đẹp trong các tài sản

văn hóa phi vật thể quan trọng của Nhật Bản”. Triển lãm này được diễn ra tại hai địa điểm khác nhau ở Nhật Bản, mỗi năm trưng bày tất cả các tác phẩm được làm bởi những người thợ thủ công hoặc từ những nhóm thợ thủ công để được công nhận là tài sản văn hóa phi vật thể quan trọng. Các tác phẩm vải Yuki - tsumugi cũng có mặt trong cuộc triển lãm, đây cũng là dịp để người dân Nhật Bản hiểu biết, quan tâm tới di sản này.

Thứ tư, kỹ thuật dệt vải Yuki - tsumugi cũng được đưa vào chương trình giáo dục trong nhà trường dưới hình thức “học đi đôi với hành”. Trường phổ thông trung học Daichi Yuki tại thành phố Yuki có một câu lạc bộ thực hành sản xuất vải mộc - nơi các học sinh của trường ngoài những giờ học tập chính khóa được tham gia vào các quy trình dệt vải thực tế. Những hoạt động ngoại khóa như vậy, có thể làm cho thế hệ trẻ ngày càng quan tâm và yêu quý di sản văn hóa truyền thống của địa phương.

Thứ năm, việc bảo vệ thương hiệu vải Yuki - tsumugi cũng là vấn đề được chính quyền địa phương và cộng đồng làng Yuki quan tâm. Ở đầu mép mỗi tấm vải (theo khổ chiều rộng) là các tem giấy được dán bao gồm tem chứng chỉ đạt chuẩn, tem đăng ký thương hiệu, tem chứng chỉ của Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba. Chỉ những tấm vải được dán những tem này mới được gọi là vải đạt chuẩn hay còn gọi là những tác phẩm Yuki - tsumugi có chất lượng.

Thứ sáu, vải Yuki - tsumugi thường được sử dụng để may trang phục Kimono truyền thống. Ngày nay, do những thay đổi nhanh chóng và quá trình phương Tây hóa, người Nhật ít

mặc Kimono. Tuy nhiên, Hội Bảo tồn các kỹ thuật dệt Yuki - tsumugi Honba đã có những biện pháp thúc đẩy việc sử dụng trang phục truyền thống, bằng cách tổ chức các sự kiện văn hóa thường xuyên vào các ngày thứ 7 và chủ nhật, thu hút rất nhiều du khách, trong đó khuyến khích mọi người mặc Kimono. Vì thế, việc bảo tồn vải Yuki - tsumugi cũng góp phần giúp duy trì truyền thống và truyền lại cho thế hệ tương lai.

Thứ bảy, người dân làng Yuki vừa thạo nghề dệt vải Yuki- tsumugi vừa nỗ lực, linh hoạt trong cách quảng bá hình ảnh di sản của mình. Hình ảnh lá dâu tằm, con tằm - những biểu tượng gắn liền với nghề dệt vải Yuki - tsumugi đã được thấy trong các cửa hàng: treo, dán lên tường hoặc là hình ảnh trang trí của các loại bánh, kẹo truyền thống. Vải Yuki - tsumugi được bày bán không chỉ trong các cửa hàng bán vải, nhà trưng bày mà vào bất cứ quán cà phê, nhà hàng nào du khách đều có dịp được thưởng thức những tấm vải Yuki - tsumugi có chất lượng, hoặc cầm những quyển thực đơn trên tay, du khách cũng được nhìn thấy hình ảnh của vải Yuki-tsumugi (vải được sử dụng để làm bìa bọc), làm các đồ quà lưu niệm (ví, dây đeo chìa khóa, móc điện thoại, khăn, calavat... Bằng cách làm như vậy, tài sản văn hóa quý giá này được thể hiện, giới thiệu với du khách trong mọi lúc, mọi nơi.

Kết luận

Từ những trình bày trên đây, có thể thấy rằng, truyền thống, lịch sử, di sản văn hóa của làng Yuki đã được bảo tồn, gìn giữ và phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua những nỗ lực của chính phủ Nhật Bản, chính quyền địa phương và các cộng đồng dân

cư có liên quan. Đối với người dân Nhật Bản, việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể là điều không thể thiếu cho một nền văn hóa phong phú và đa dạng. Di sản văn hóa phi vật thể đa dạng của Nhật Bản đã được sinh ra từ lịch sử và khí hậu mang tính chất địa văn hóa. Những yếu tố di sản văn hóa phi vật thể đa dạng đã được truyền lại xuyên suốt đất nước và một số vùng đặc biệt. Những di sản đa dạng này là vô giá cho sự hiểu biết về lịch sử, văn hóa và sự tái khẳng định bản sắc đất nước. Việc truyền lại những yếu tố này và việc tôn trọng những hình thức đa dạng của di sản là điều không thể thiếu để đảm bảo rằng, nền văn hóa của Nhật Bản mãi giàu có và đa dạng trong tương lai.

Chúng tôi hy vọng, những kinh nghiệm bảo tồn di sản của làng lụa Yuki, tỉnh Ibaraki, Nhật Bản có thể áp dụng phần nào cho các làng nghề thủ công truyền thống nói chung và làng nghề dệt lụa nói riêng ở Việt Nam♦

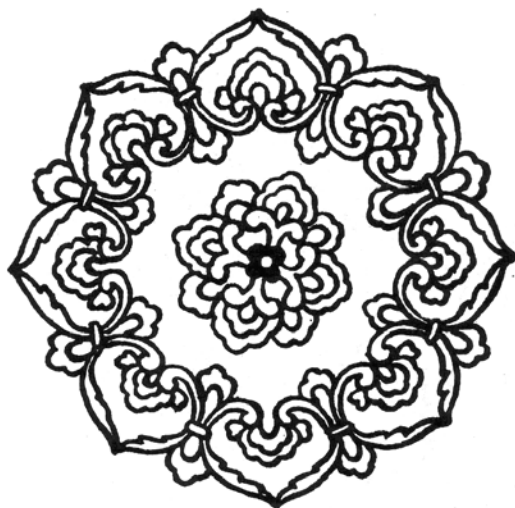
Tài liệu tham khảo:

1- Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể ở Nhật Bản (Tài liệu do Cục Tài sản văn hóa Nhật Bản biên tập và xuất bản).

** Tác giả bài viết:*

Nguyễn Thị Thu Hoàng

*Bài đăng trên website của
Cục Di sản Văn hóa*



Bìa trước: Di tích đình Cẩm Phô - Ký họa của
cố họa sĩ Hà Lý, năm 1998

Bìa sau: Lễ tế Xuân tại đình Sơn Phong